

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI**



BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH
ĐÀO TẠO NGHỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (UDPM)
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG - NĂM 2022

Hà Nội, tháng 7 năm 2022

MỤC LỤC

CÁC TỪ VIẾT TẮT.....	3
PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GDNN, KHOA PHỤ TRÁCH	6
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	6
1. Thông tin khái quát về cơ sở giáo dục nghề nghiệp
2. Thông tin khái quát về Khoa phụ trách chương trình đào tạo	6
3. Thông tin về chương trình đào tạo.....	18
PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG.....	16
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	22
1. Tổng quan chung	22
1.1. Căn cứ tự đánh giá	22
1.2. Mục đích tự đánh giá.....	23
1.3. Yêu cầu tự đánh giá.....	23
1.4. Phương pháp tự đánh giá	23
1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá	24
2. Tự đánh giá	24
2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá	24
2.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn.....	31
2.2.1 Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chínhError! Bookmark not defined.	
2.2.2 Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo.....	38
2.2.3 Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên.....	38
2.2.4 Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình.....	50
2.2.5 Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện.....	59
2.2.6 Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học.....	86
2.2.7 Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng	90
PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	96

CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	CHỮ VIẾT TẮT	CỤM TỪ NGUYÊN GỐC
1	CĐKTCNHN	Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội
2	XH	Xã hội
3	GD	Giáo dục
4	ĐT	Đào tạo
5	GDNN	Giáo dục nghề nghiệp
6	GDTX	Giáo dục thường xuyên
7	ĐVTN	Đoàn viên thanh niên
8	TNCS	Thanh niên cộng sản
9	TDTT	Thể dục thể thao
10	ỨDPM	Ứng dụng phần mềm
11	HSSV	Học sinh, Sinh viên
12	TCHC	Tổ chức hành chính
13	TCKT	Tài chính kế toán
14	KĐCLĐT	Kiểm định chất lượng đào tạo
15	QT	Quản trị
16	KTTC	Kế toán tài chính
17	CNTT	Công nghệ thông tin
18	NN	Ngoại ngữ
19	KHCB	Khoa học cơ bản
20	NCKH	Nghiên cứu khoa học
21	GDTC	Giáo dục thể chất
22	QPAN	Quốc phòng an ninh
23	CTĐT	Chương trình đào tạo
24	KTX	Ký túc xá
25	CTMH	Chương trình môn học
26	THPT	Trung học phổ thông
27	THCS	Trung học cơ sở
28	KTXH	Kinh tế xã hội
29	TTND	Thanh tra nhân dân
30	HTQT	Hợp tác quốc tế
31	QĐ	Quyết định
32	QS	Quân sự
33	BGH	Ban giám hiệu
34	BCT	Bộ Công thương
35	CTN	Chủ tịch nước
36	LĐVN	Lao động Việt Nam

STT	CHỮ VIẾT TẮT	CỤM TỪ NGUYÊN GỐC
37	CBNG	Cán bộ nhà giáo
38	NV	Nhân viên
39	BLĐTBXH	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
40	TCGDNN	Tổng cục Giáo dục Nghề nghiệp
41	ASEAN	Association of South East Asian Nations (Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á)
42	CĐKT	Cao đẳng Kinh tế
43	NĐ	Nghị định
44	CP	Chính phủ
45	TCCB	Tổ chức cán bộ
46	HTĐBCL	Hệ thống đảm bảo chất lượng
47	ĐUK	Đảng ủy khối
48	CĐCT	Công đoàn Công thương
49	ĐKDNHN	Đoàn khối doanh nghiệp Hà Nội
50	BHXH	Bảo hiểm xã hội
51	BHYT	Bảo hiểm y tế
52	CLĐT	Chất lượng đào tạo
53	GCNĐKHHĐ	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động
54	TCDN	Tổng cục dạy nghề
55	GCNĐKBS	Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung
56	QMC	Hệ thống quản trị trường học điện tử
57	TKB	Thời khóa biểu
58	MĐ	Mô đun
59	MH	Môn học
60	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
61	NQ	Nghị quyết
62	TW	Trung ương
63	KL	Kết luận
64	HD	Hướng dẫn
65	BCHTW	Ban chấp hành Trung ương
66	CV	Công văn
67	BCS	Ban cán sự
68	CT	Chỉ thị
69	BCSĐ	Ban cán sự Đảng
70	CĐ	Cao đẳng
71	TC	Trung cấp
72	LĐTL	Lao động tiền lương
73	KVA	ki-lô Vôn Am-pe (đv đo công suất toàn phần dòng điện)
74	UBND	Ủy ban nhân dân
75	BTCT	Bê tông cốt thép
76	GP	Giấy phép

STT	CHỮ VIẾT TẮT	CỤM TỪ NGUYÊN GỐC
77	XLNT	Xử lý nước thải
78	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
79	TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
80	CNCH	Cứu nạn cứu hộ
81	BC	Báo cáo
82	SKCT	Sáng kiến cấp trường
83	QLĐT	Quản lý đào tạo
84	TS	Tuyển sinh
85	TT	Trung tâm
86	HTDN	Hợp tác doanh nghiệp
87	HTVLSV	Hỗ trợ việc làm sinh viên
88	CTHSSV	Công tác học sinh, sinh viên
89	LLCT	Lý luận chính trị
90	NXB	Nhà xuất bản
91	TB	Thông báo
92	NSNN	Ngân sách Nhà nước
93	BTC	Bộ Tài chính
94	CSGDNN	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp
95	ATGT	An toàn giao thông
96	HTCPHT	Hỗ trợ chi phí học tập
97	TCXH	Trợ cấp xã hội
98	TCKK	Trợ cấp khó khăn
99	HB	Học bổng
100	LĐ	Lao động
101	CVHT	Cố vấn học tập
102	VSMT	Vệ sinh môi trường
103	ATVSTP	An toàn vệ sinh thực phẩm
104	BYT	Bộ Y tế
105	CEO	(Đầy đủ) Học viện CEO Việt Nam
106	VHVN	Văn hóa văn nghệ
107	TTLT	Thông tư liên tịch
108	BCA	Bộ Công an
109	KĐCL	Kiểm định chất lượng
110	HĐTS	Hội đồng tuyển sinh
111	BCN	Ban chủ nhiệm
112	BGD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
113	KH	Kế hoạch
114	CBVC	Cán bộ viên chức
115	DN	Doanh nghiệp
116	ỨDPM	Ứng dụng phần mềm

PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GDNN, KHOA PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Thông tin chung về trường

1.1. Tên trường: Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội

1.2. Tên tiếng Anh: Hanoi College of Industrial Economics – HIEC

1.3. Cơ quan chủ quản: Bộ Công Thương

1.4. Địa chỉ trường:

Trụ sở chính: 143 Nguyễn Ngọc Vũ, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Cơ sở 2: Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

1.5. Số điện thoại: +84-0243 556 2959

1.6. Số Fax: +84-0243 556 2959

1.7. Email: cdktcnvn@hiecedu.vn

1.8. Website: <https://www.hiecedu.vn>

1.9. Năm thành lập trường:

Năm thành lập trường: Năm 1961, theo Quyết định số 319/BCNg của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng thành lập Trung cấp Nghiệp vụ - Bộ Công nghiệp nặng, tiền thân của Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội.

Trải qua hơn 60 năm xây dựng và phát triển trường đã nhiều lần đổi tên và hợp nhất:

- Năm 1961: Trường Trung cấp Kinh tế Nghiệp vụ - Bộ Công nghiệp Nặng
- Năm 1967: Trường Trung cấp Kinh tế II
- Năm 1969: Trường Trung học Kinh tế Điện Than – Bộ Điện và Than
- Năm 1981: Trường Trung học Kinh tế Mỏ và Than
- Năm 1987: Trường Trung học kinh tế Năng lượng
- Năm 1995: Trường Đào tạo và Bồi dưỡng cán bộ Tổng công ty Than Việt Nam
- Năm 1997: Trường Trung học Kinh tế
- Năm 2006, Trường được nâng cấp lên trường cao đẳng theo Quyết định số 1206/QĐ-BGD&ĐT ngày 14/3/2006 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, trường đổi tên thành Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội.

1.10. Loại hình trường: Công lập

1.11. Trường Đào tạo các ngành nghề thuộc các lĩnh vực: Kinh tế, Tài chính, Kinh doanh; Kỹ Thuật Công nghệ; Công nghệ Thông tin; May Thời trang; Du lịch, Dịch

vụ, với các trình độ cao đẳng, trung cấp và sơ cấp. Từ khi thành lập đến nay, Nhà trường đã đào tạo được trên 100.000 lượt người học, được các đơn vị sử dụng lao động đánh giá cao về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Thành tích nổi bật của trường

Trên 60 năm xây dựng và trưởng thành, được sự quan tâm chỉ đạo của Bộ Công thương, Bộ GDĐT, Bộ LĐTBXH, cùng với sự nỗ lực của tập thể cán bộ, viên chức và người lao động, Nhà trường đã không ngừng phát triển cả về quy mô và chất lượng đào tạo; từng bước đầu tư và hoàn thiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học; đội ngũ cán bộ giáo viên tăng cả về số lượng cũng như chất lượng. Đến nay, Nhà trường đã mở được nhiều ngành nghề đào tạo; quy mô tuyển sinh của trường tương đối ổn định qua các năm. Học sinh sinh viên tốt nghiệp ra trường có kiến thức, kỹ năng tốt và thái độ tích cực đáp ứng được yêu cầu của xã hội.

Những thành tích nổi bật:

Dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, BGH nhà trường và sự phối hợp của các tổ chức, Đoàn thể, Nhà trường đã tổ chức tốt nhiều hoạt động thi đua dạy tốt, học tốt, hoàn thành nhiệm vụ đào tạo và phát triển nhà trường. Với những thành tích hoạt động trong thời gian qua, Nhà trường đã được Bộ Công thương, Bộ GD&ĐT, Bộ LĐTBXH, UBND Thành phố Hà Nội tặng nhiều Bằng khen, Giấy khen.

Đảng ủy nhà trường đã lãnh đạo đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị. Đảng bộ nhiều năm liền đạt danh hiệu “*Trong sạch vững mạnh*” được Đảng ủy Khối Công nghiệp công nhận và tặng Giấy khen.

Tổ chức Công đoàn hoạt động có hiệu quả cao, phát huy vai trò làm chủ tập thể của người lao động, tham gia tích cực vào việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; tổ chức các hoạt động phong trào nhằm thúc đẩy công tác giảng dạy và học tập, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính trị tại đơn vị. Công đoàn đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tổ chức và thực hiện Nghị quyết hội nghị Cán bộ - Viên chức hàng năm. Thực hiện các phong trào thi đua sôi nổi có hiệu quả, đời sống của CBVC ngày càng được nâng lên cả về vật chất lẫn tinh thần. Nhiều năm liền Công đoàn trường đạt danh hiệu: “*Công đoàn cơ sở vững mạnh xuất sắc*”; nhiều đoàn viên được tặng Bằng khen của Công đoàn Công thương, Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam.

Đoàn Thanh niên CSHCM nhà trường đã tập hợp được đông đảo đoàn viên, thanh niên tham gia các hoạt động khơi dậy tính sáng tạo và lý tưởng cách mạng. Với đặc điểm

phần lớn đoàn viên, thanh niên là HSSV nên các hoạt động của Đoàn đều hướng về chủ đề học tập, rèn luyện để ngày mai lập thân lập nghiệp. Thông qua các hoạt động nhằm giúp HSSV có định hướng đúng trong học tập, rèn luyện phẩm chất đạo đức để sau khi tốt nghiệp ra trường có thể tìm việc làm hoặc tự tạo việc làm. Đoàn trường cũng đã tổ chức tốt các hoạt động ngoại khóa cho ĐVTN như văn hóa văn nghệ, TDTT; tham gia tốt các hoạt động tình nguyện hè, hiến máu nhân đạo hàng năm... Công tác tập hợp thanh niên, giáo dục truyền thống có những chuyển biến tích cực. Đoàn trường luôn đạt thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên do Trung ương Đoàn, Thành Đoàn Hà Nội và Đoàn Khối phát động.

*** Một số thành tích cụ thể:**

Ghi nhận những thành tích đóng góp của Nhà trường đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nhà trường đã được Đảng, Nhà nước tặng thưởng các danh hiệu cao quý:

- Huân chương Lao động hạng nhất năm 2011, 2016, theo QĐ số 1892/QĐ-CTN, ngày 17/10/2011 và Số 2449/QĐ-CTN ngày 17/11/2016.

- Huân chương Lao động hạng Nhì năm 2008, theo QĐ số 61/QĐ-CTN, ngày 18/01/2008.

- Huân chương Lao động hạng Ba năm 2004, theo QĐ số 216/QĐ-CTN, ngày 19/04/2004.

- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, năm 2010, 2014, theo QĐ số 1557/QĐ-TTg, ngày 18/08/2010 và số 857/QĐ-TTg, ngày 06/06/2014.

- Cờ thi đua xuất sắc năm 2012, 2013, 2019, 2021, theo QĐ số 6137/QĐ-BCT, ngày 16/10/2012; số 7603/QĐ-BCT, ngày 14/10/2013; số 2789/QĐ-BCT, ngày 12/9/2019; số 2761/QĐ-BCT, ngày 27/12/2021.

- 02 Nhà giáo được tặng thưởng Huân chương Lao động Hạng Nhì

- 07 Nhà giáo được tặng thưởng Huân chương Lao động Hạng Ba

- 02 Nhà giáo được phong tặng danh hiệu Nhà Giáo Nhân Dân.

- 06 Nhà giáo được phong tặng danh hiệu Nhà Giáo Ưu Tú.

- 16 Nhà Giáo được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen.

- 02 tập thể phòng khoa được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen

- Nhiều tập thể và cá nhân được Bộ Công thương, các bộ ngành, Tổng liên đoàn LĐVN, Công đoàn Công thương VN, Trung ương Đoàn, Thành Đoàn Hà Nội tặng Bằng khen.

- Nhiều năm liền Đảng bộ Nhà trường được Đảng Bộ Khối công nhận là cơ sở Đảng hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- Tổ chức Công đoàn hàng năm đều được Công đoàn Công thương công nhận là Tổ chức Công đoàn vững mạnh. Được Tổng liên đoàn LĐVN tặng cờ (2018, 2021), tặng bằng khen (2019) và nhiều năm được tặng cờ và bằng khen của Công đoàn Công thương.

- Đoàn TNCSHCM Nhà trường nhiều năm được Trung ương đoàn TNCSHCM tặng bằng khen.

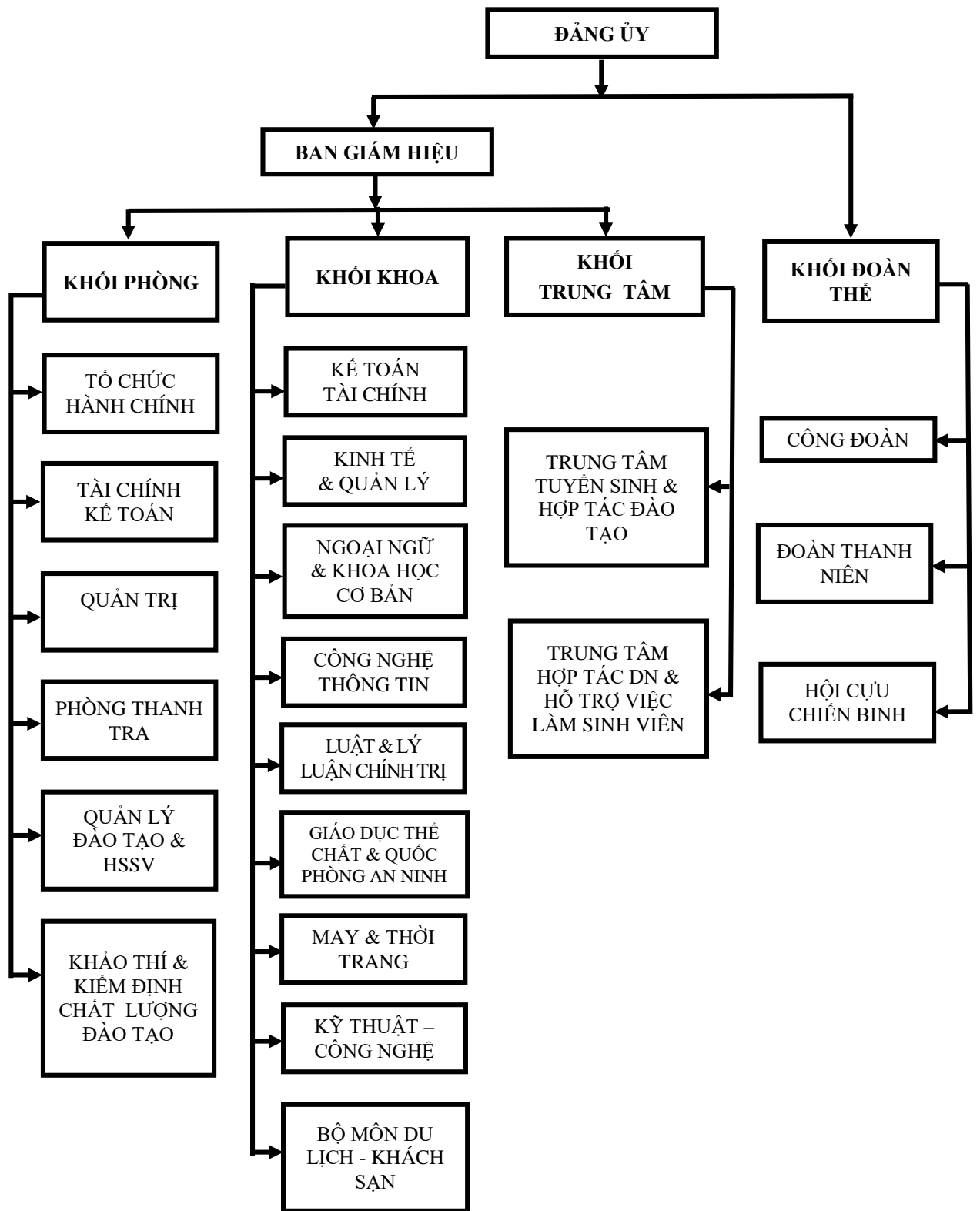
- Hàng năm, giảng viên, học sinh tham gia thi giảng viên giỏi và học sinh giỏi cấp Bộ, Thành phố đều đạt giải cao: Giảng viên giỏi Toàn quốc có 01 giải ba; Giảng viên giỏi cấp Thành phố, có: 03 giải nhất, 10 giải nhì, 11 giải ba, 5 giải khuyến khích; Học sinh, sinh viên: 01 giải xuất sắc, 10 giải nhất, 30 giải nhì, 28 giải ba.

- Năm 2022, Giải Ba Hội thi thiết bị đào tạo tự làm tự làm Thành phố Hà Nội năm 2022, tên thiết bị đào tạo tự làm “Bộ thực hành biến đổi điện năng” theo QĐ số 442/QĐ-SLĐTBXH ngày 27/5/2022.

3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của trường

3.1. Cơ cấu tổ chức (sơ đồ trang bên)

SƠ ĐỒ BỘ MÁY TỔ CHỨC CỦA TRƯỜNG



3.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của trường

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
1. Ban Giám hiệu	Đông Trung Chính	1976	Tiến sỹ	Hiệu trưởng
	Dương Thị Bích	1972	Thạc sỹ	Phó hiệu trưởng
2. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn				
Đảng ủy	Đông Trung Chính	1976	Tiến sỹ	Bí thư
Công Đoàn	Dương Thị Bích	1972	Thạc sỹ	Chủ tịch
Đoàn TN	Trịnh Quyết Thắng	1990	Thạc sỹ	Bí thư
3. Trưởng các Phòng, Ban chức năng				
Phòng Tổ chức – Hành chính	Trần Minh Hải	1977	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng Tài chính – Kế toán	Trịnh Thị Thu Nguyệt	1971	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng Quản trị	Đình Nam Dương	1968	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng QLĐT&HSSV	Lê Huy Hoàng	1974	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng Thanh tra	Phan Văn Hưng	1976	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng Khảo thí và KĐCLĐT	Trần Vân Anh	1969	Thạc sỹ	Phó trưởng phòng phụ trách
4. Trưởng các khoa				
Khoa Kế toán – Tài chính	Đỗ Tiến Dũng	1979	Thạc sỹ	Phó trưởng khoa phụ trách
Khoa Kinh tế và Quản lý	Lê Văn Thiêm	1978	Thạc sỹ	Trưởng khoa
Khoa Công nghệ thông tin	Hoàng Thị Hải	1973	Thạc sỹ	Phó trưởng khoa phụ trách
Khoa Ngoại ngữ và KHCB	Phạm Thị Kim Anh	1972	Thạc sỹ	Trưởng khoa
Khoa Luật và Lý luận chính trị	Vũ Trà Giang	1979	Tiến sỹ	Trưởng khoa
Khoa May và Thời trang	Phạm Thu Cát	1979	Thạc sỹ	Trưởng khoa
Khoa Kỹ thuật – Công nghệ	Hà Ngọc Trung	1987	Thạc sỹ	Trưởng khoa
Bộ môn Du lịch – Khách sạn	Lê Thị Nguyên	1979	Thạc sỹ	Trưởng bộ môn
5. Trưởng các Trung tâm				

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
Trung tâm TS&HTĐT	Tạ Ngọc Hà	1980	Thạc sỹ	Giám đốc
Trung tâm HTDN&HTVLSV	Nguyễn Ngọc Linh	1983	Thạc sỹ	Phó giám đốc phụ trách

3.3. Cán bộ, giáo viên và nhân viên của trường

Nội dung	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
1. Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường	218	206	198
2. Tổng số giáo viên cơ hữu theo trình độ đào tạo	167	152	143
- Tiến sĩ	8	6	5
- Thạc sĩ	133	119	112
- Đại học	25	26	25
- Cao đẳng	1	1	1
- Trung cấp	0	0	0
- Trình độ khác	0	0	0
3. Tổng số giáo viên dạy được cả lý thuyết và thực hành trên tổng số giáo viên của trường	143/167 chiếm tỷ lệ 85,6%	132/152 chiếm tỷ lệ 86,8%	124/143 Chiếm tỷ lệ 86,7%

4. Các nghề đào tạo và quy mô đào tạo của trường.

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
			Số lượng tuyển sinh	Quy mô đào tạo	Số lượng tuyển sinh	Quy mô đào tạo	Số lượng tuyển sinh	Quy mô đào tạo
1	Điện công nghiệp	Cao đẳng	9	15	16	31	28	53
		Trung cấp	59	118	20	79	15	35
		Sơ cấp	0	0	0	0	0	0
2	Điện tử công nghiệp	Cao đẳng	5	18	18	36	32	55
		Trung cấp	0	15	0	0	0	0
		Sơ cấp	0	0	0	0	0	0
3		Cao đẳng	10	10	14	24	15	39
		Trung cấp	87	199	39	126	33	72

	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	Sơ cấp	0	0	0	0	0	0
4	Tin học ứng dụng	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
		Trung cấp	0	0	49	49	0	49
		Sơ cấp	0	0	0	0	0	0
5	Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)	Cao đẳng	41	72	75	147	137	253
		Trung cấp	147	369	87	234	91	178
		Sơ cấp	0	0	0	0	0	0
6	Quản trị mạng máy tính	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
		Trung cấp	0	0	0	0	0	0
		Sơ cấp	0	0	0	0	0	0
7	Đồ họa đa phương tiện	Cao đẳng	14	0	14	14	32	60
		Trung cấp	0	0	0	0	0	0
		Sơ cấp	0	0	0	0	0	0
8	May thời trang	Cao đẳng	9	23	14	37	14	37
		Trung cấp	194	371	104	298	95	199
		Sơ cấp	0	0	0	0	181	181
9	Thiết kế thời trang	Cao đẳng	1		4	4	13	18
		Trung cấp	0	0	0	0	0	0
		Sơ cấp	0	0	0	0	0	0
10	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Cao đẳng	30	58	32	90	27	89
		Trung cấp	0	0	0	0	0	0
		Sơ cấp	0	0	0	0	0	0
11	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	Cao đẳng	3		2	2	7	12
		Trung cấp	0	0	0	0	0	0
		Sơ cấp	0	0	0	0	0	0
12	Kế toán	Cao đẳng	64	152	84	236	146	294
		Trung cấp	0	0	0	0	0	0
		Sơ cấp	0	0	0	0	0	0
13	Kiểm toán	Cao đẳng	0	0	6	6	0	6
		Trung cấp	0	0	0	0	0	0
		Sơ cấp	0	0	0	0	0	0
14	Tài chính - Ngân hàng	Cao đẳng	3		8	8	12	23
		Trung cấp	0	0	0	0	0	0
		Sơ cấp	0	0	0	0	0	0
15	Quản trị kinh doanh	Cao đẳng	123	196	180	376	304	607
		Trung cấp	0	0	0	0	0	0
		Sơ cấp	0	0	0	0	0	0
16	Marketing	Cao đẳng	36	48	89	137	144	269
		Trung cấp	0	0	0	0	0	0
		Sơ cấp	0	0	0	0	0	0
17		Cao đẳng	0	0	25	25	44	69

	Quản trị văn phòng	Trung cấp	0	0	0	0	0	0
		Sơ cấp	0	0	0	0	0	0
18	Thương mại điện tử	Cao đẳng	28	36	35	71	39	102
		Trung cấp	102	102	108	210	108	216
		Sơ cấp	0	0	0	0		0
19	Dịch vụ pháp lý	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
20	Logistic	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
		Trung cấp	0	0	25	25	0	25
21	Quản lý và bán hàng siêu thị	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
		Trung cấp	114	267	78	192	63	141
22	Du lịch và lữ	Trung cấp	15	15	0	15	0	0
23	Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn	Trung cấp	12	12	0	12	0	0

* **Quy mô tuyển sinh:** Theo nội dung ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề.

5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

Nội dung	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
1. Diện tích hạng mục công trình (diện tích đang sử dụng-m ²)	38.611	40.662	40.638
- Khu hiệu bộ	168	104	80
- Phòng học lý thuyết	8.412	8.432	8.432
- Xưởng thực hành	3.006	3.186	3.186
- Khu phục vụ	26.379	28.294	28.294
+ Thư viện	2.096	2.096	2.096
+ Ký túc xá	24.000	24.000	24.000
+ Nhà ăn	200	200	200
+ Trạm y tế	83	83	83
+ Khu thể thao	1.915	1.915	1.915
- Hội trường - giảng đường	646	646	646
2. Tổng số đầu sách của trường	18.598	21.025	22.634
<i>Trong đó, đầu sách chuyên ngành:</i>	<i>7.598</i>	<i>8.102</i>	<i>8.912</i>

Nội dung	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
3. Tổng số máy tính của trường	434	436	432
- Dùng cho văn phòng	89	91	87
- Dùng cho học sinh học tập	345	345	345
4. Tổng nguồn kinh phí của trường	37.547.977.000	44.565.052.000	43.639.650.000
5. Tổng thu học phí	13.001.739.000	18.571.857.000	19.562.278.000
6. Tổng kinh phí quyết toán	37.547.977.000	44.565.052.000	Chưa quyết toán

2. Thông tin khái quát về Khoa phụ trách chương trình đào tạo

2.1. Lịch sử phát triển

Khoa Công nghệ thông tin được thành lập năm 1995.

Hiện nay, Khoa có tổng số 16 giáo viên, trong đó có 01 tiến sĩ, 12 giáo viên có trình độ trên đại học, 3 giáo viên có trình độ đại học, các giáo viên đều đạt chuẩn GDNN. Hiện nay, Khoa Công nghệ thông tin được giao nhiệm vụ đào tạo 05 nghề: Công nghệ thông tin (UDPM), Quản trị mạng máy tính, Đồ họa đa phương tiện, Tin học ứng dụng và Thương mại điện tử. Trong đó, tiếp cận trình độ quốc tế là nghề Công nghệ thông tin (UDPM) và nghề Quản trị mạng máy tính.

Theo chức năng nhiệm vụ được giao, Khoa Công nghệ thông tin thực hiện giảng dạy, đào tạo 05 nghề trên ở các trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và liên thông.

2.2 Thành tích đạt được

2.2.1 Thành tích tập thể

Từ năm 1995 đến nay Khoa Công nghệ thông tin liên tục là đơn vị đạt danh hiệu lao động xuất sắc cấp cơ sở, cấp Bộ Công thương và đã được khen thưởng:

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định
2011-2012	Tập thể lao động xuất sắc	Quyết định số 4910/QĐ-BCT ngày 27/09/2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương
2011-2012	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương	Quyết định số 4911/QĐ-BCT ngày 27/09/2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương
Năm 2017	Công đoàn Khoa xuất sắc	Quyết định khen thưởng số 282-QĐ/CĐKT ngày 06/10/2017
Năm 2019	Chiến sỹ thi đua cơ sở	QĐ số 336/QĐ-CĐKT ngày 15/8/2019
Năm 2020	Chiến sỹ thi đua cơ sở	QĐ số 286/QĐ-CĐKT ngày 13/8/2019
Năm 2020	Bằng khen xuất sắc trong phong trào thi đua “Dạy tốt - Học tốt” năm học 2019-2020 của Bộ trưởng Bộ Công thương	Quyết định số 3013/QĐ-BCT ngày 19/11/2020
Năm 2021	Chiến sỹ thi đua cơ sở	QĐ số 235/QĐ-CĐKT ngày 06/8/2019

2.2.2 Thành tích cá nhân

Năm 2020 khoa có 01 đồng chí giáo viên Đỗ Đăng Hoạt thi giáo viên giỏi cấp TP đạt giải 3

2.2.3 Thành tích của học sinh sinh viên

- Năm 2017 khoa có 02 SV tham gia cuộc thi kỹ năng nghề quốc gia nghề Thiết kế đồ họa đạt 01 giải nhì, 01 giải khuyến khích.

- Năm 2019 khoa có 02 SV tham gia cuộc thi Tin văn phòng Festival do thành đoàn tổ chức đạt 1 giải nhất và 1 giải 3.

2.3. Đội ngũ giáo viên khoa

- Nam: 05 - Nữ: 11
- Cơ hữu: 16 - thỉnh giảng: 0

Giáo viên cơ hữu			
Trình độ đào tạo	Nam	Nữ	Tổng số
Tiến sĩ (Nghiên cứu sinh)	1		1
Thạc sĩ	1	11	12
Cao học			
Đại học	3	0	3
Cao đẳng			
Tổng	5	11	16

2.4. Quy mô đào tạo của chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin (UDPM) trình độ cao đẳng:

2.4.1. Quy mô tuyển sinh nghề Công nghệ thông tin (UDPM):

Năm		
2019	2020	2021
55	80	150

2.4.2 Quy mô đào tạo nghề Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)

Năm		
2019	2020	2021
72	147	253

2.4.3 Tổng số sinh viên nghề Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm) đã tốt nghiệp

Năm			
2019	2020	2021	2022
0	0	27	30

2.5 Tổng số đầu sách trong thư viện nhà trường có liên quan tới chương trình đào tạo nghề: Công nghệ thông tin (UDPM): 50

2.6 Tổng thu học phí của người học chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin (UDPM) trình độ cao đẳng (chỉ tính hệ chính quy) trong 3 năm gần đây:

- Năm 2019: 602.006.000 VNĐ
- Năm 2020: 1.067.522.000 VNĐ
- Năm 2021: 1.995.017.000 VNĐ
- Năm 2022: 1.109.110.000 VNĐ (kỳ 2)

3. Thông tin về chương trình đào tạo

3.1 Nghề Công nghệ thông tin (UDPM)

Tên ngành, nghề : **Công nghệ thông tin (UDPM)**

Mã ngành, nghề : **6480202**

Trình độ đào tạo : **Cao Đẳng**

Hình thức đào tạo : **Chính quy**

Đối tượng tuyển sinh : **Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương**

Thời gian đào tạo : **3 năm**

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo kỹ sư thực hành Công nghệ thông tin (UDPM) có phẩm chất đạo đức và sức khỏe tốt. Có được những kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và khoa học tự nhiên. Có kỹ năng thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực phần mềm công nghệ thông tin.

Nghề Công nghệ thông tin (UDPM) trình độ cao đẳng là nghề thực hiện: Bảo trì máy tính (Lập kế hoạch, triển khai sửa chữa bảo hành, bảo trì máy tính, bảo vệ dữ liệu, xử lý sự cố máy tính,...); Khai thác dịch vụ công nghệ thông tin (Quản lý, vận hành các hệ thống dịch vụ trong lĩnh vực công nghệ thông tin); Quản trị hệ thống phần mềm (Quản lý, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu của phần mềm, chuẩn đoán các lỗi và tối ưu hệ thống,...); Quản trị cơ sở dữ liệu (nhận, xử lý và trích lọc dữ liệu, kết xuất dữ liệu,...); Dịch vụ khách hàng (Xử lý thông tin về ứng dụng, sản phẩm công nghệ thông tin, cung cấp hỗ trợ phần cứng máy tính, phần mềm, và thiết bị ngoại vi khi cần thiết); Lập trình ứng dụng (phần mềm ứng dụng, thiết kế web, game).

Ngành Công nghệ thông tin (UDPM) trình độ cao đẳng đáp ứng yêu cầu bậc 5 trong Khung trình độ kỹ năng nghề quốc gia Việt Nam.

Người làm nghề Công nghệ thông tin (UDPM) có thể làm việc tại các cơ quan, doanh nghiệp có sử dụng máy tính, ứng dụng công nghệ thông tin. Các doanh nghiệp phát triển ứng dụng (với vai trò là người phát triển hệ thống phần mềm, chuyển giao, hỗ trợ người dùng) hoặc các doanh nghiệp hay tổ chức khác có sử dụng máy tính, hệ thống mạng, thiết bị viễn thông, thiết bị an ninh (với vai trò là người vận hành, bảo trì và sửa chữa).

1.2. Mục tiêu cụ thể

*** Kiến thức**

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa Mác Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Mô tả được kiến thức về Tiếng Anh giao tiếp cơ bản theo năng lực ngoại ngữ bậc 2/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

- Trình bày chính xác các kiến thức căn bản về công nghệ thông tin.

- Trình bày được kiến thức cơ bản về mạng máy tính và Internet.

- Trình bày đúng nguyên lý hoạt động của máy tính và mạng máy tính.

- Trình bày được các dịch vụ liên quan đến công nghệ thông tin như: bảo trì, bảo dưỡng, khắc phục các sự cố hỏng hóc thông thường của máy tính và mạng máy tính.

- Phân tích được hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu.

- Lập kế hoạch sao lưu, phục hồi dữ liệu, hệ thống mạng máy tính.

- Xác định được quy trình xử lý dữ liệu.

- Đánh giá được các yếu tố đảm bảo an toàn dữ liệu.

- Trình bày được các kiến thức về lập trình, phát triển ứng dụng công nghệ thông tin, thiết kế web.

- Trình bày được kiến thức về công nghệ phần mềm, quản trị dự án CNTT.

*** Kỹ năng**

- Sử dụng được Tiếng Anh cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của nghề.;

- Thực hiện được các yêu cầu làm việc nhóm, trình diễn, truyền thông và quan hệ cộng đồng;

- Hướng dẫn được các thợ bậc thấp hơn.

- Tra cứu được tài liệu trên Internet bằng ngôn ngữ tiếng Việt hoặc tiếng Anh phục vụ cho yêu cầu công việc.

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định.

- Kết nối, điều khiển được máy tính và các thiết bị ngoại vi, mạng máy tính.

- Lắp ráp, kết nối, sử dụng được hệ thống máy tính và các thiết bị ngoại vi, thiết bị an ninh.

- Sử dụng thành thạo các ứng dụng văn phòng.

- Khảo sát, thiết kế hệ thống thông tin cho các cơ quan, doanh nghiệp.

- Thiết kế, xây dựng được cơ sở dữ liệu theo yêu cầu, tính chất của công việc được giao.

- Sao lưu, phục hồi được dữ liệu đảm bảo tính sẵn sàng của hệ thống.

- Xây dựng được các hệ thống thông tin đáp ứng kỳ vọng của khách hàng.

- Phát triển được ứng dụng, sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng.

- Triển khai, cài đặt, vận hành (quản trị) được hệ thống thông tin cho doanh nghiệp.

- Thực hiện được các biện pháp vệ sinh công nghiệp, cháy, nổ, chập điện, an toàn lao động.

- Quản lý được nhóm, giám sát được hệ thống công nghệ thông tin vừa và nhỏ.

** Năng lực tự chủ và trách nhiệm*

- Thực hiện trách nhiệm, đạo đức, tác phong nghề nghiệp, có động cơ nghề nghiệp đúng đắn, tôn trọng bản quyền; thực hiện công việc cần cù chịu khó và sáng tạo; thực hiện công việc đúng kỷ luật lao động của tổ chức và thực hiện đúng nội quy của cơ quan, doanh nghiệp.

- Có tính độc lập và chịu trách nhiệm cá nhân. Thực hiện trách nhiệm với kết quả công việc của bản thân và nhóm trước lãnh đạo cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

- Nhận thức được tầm quan trọng của CNTT, đặc biệt là các ứng dụng phần mềm tin học trong công việc và đời sống.

- Chủ động đề xuất, áp dụng các kiến thức, kỹ năng nghề CNTT vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

- Thực hiện công việc có đạo đức, ý thức về nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, luôn phấn đấu để hoàn thành nhiệm vụ: Xác định chính xác thông tin về nơi làm việc: quy mô, trang thiết bị, nhà xưởng, nội quy, quy định. Xác định đúng mục đích, yêu cầu,

sản phẩm, nội quy của công việc.

- Giải quyết được công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.
- Hướng dẫn tối thiểu, giám sát cấp dưới thực hiện nhiệm vụ xác định.
- Đánh giá được chất lượng sản phẩm sau khi hoàn thành kết quả thực hiện của

các thành viên trong nhóm;

1.3. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp

- Bảo trì máy tính;
- Khai thác dịch vụ công nghệ thông tin;
- Dịch vụ khách hàng;
- Quản trị hệ thống phần mềm;
- Quản trị cơ sở dữ liệu;
- Lập trình ứng dụng;

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học, mô đun : 28
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học : 92 Tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương : 435 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn : 1860 giờ
- Khối lượng lý thuyết : 692 giờ
- Thực hành, thực tập, thí nghiệm : 1603 giờ

3. Nội dung chương trình

Mã MH/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung	20	435	157	255	23
MH01	Giáo dục chính trị	4	75	41	29	5
MH02	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH03	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH04	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3	75	36	35	4
MH05	Tin học	3	75	15	58	2
MH06	Tiếng Anh	6	120	42	72	6

II	Các môn học, mô đun chuyên môn					
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	20	615	105	498	12
MĐ11001	Tin học văn phòng	3	60	30	27	3
MĐ11002	Ứng dụng CNTT trực tuyến	2	45	15	28	2
MĐ11003	Lập trình cơ bản	3	60	30	27	3
MĐ11004	Mạng máy tính	2	45	15	28	2
MĐ11005	Lắp ráp và bảo trì máy tính	2	45	15	28	2
MĐ11006	Thực tập trải nghiệm doanh nghiệp	8	360	0	360	0
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	40	1005	280	695	30
MĐ11007	Cơ sở dữ liệu quan hệ	3	60	30	27	3
MĐ11008	Quản trị Cơ sở dữ liệu	3	60	30	27	3
MĐ11009	Thiết kế web	4	90	30	57	3
MĐ11010	Lập trình windows 1	4	90	30	57	3
MĐ11011	Lập trình java 1	3	60	29	28	3
MĐ11012	Lập trình web 1	4	90	30	57	3
MĐ11013	Phân tích thiết kế hệ thống TT	2	30	28	0	2
MĐ11014	Đồ họa ứng dụng	3	75	15	57	3
MĐ11015	Lập trình windows 2	3	60	30	27	3
MĐ11018	Quản lý dự án CNTT	2	30	28	0	2
MĐ11019	Thực hành rèn nghề	3	90	0	88	2
MĐ11020	Thực tập tốt nghiệp	6	270	0	270	0
II.3	Môn học, mô đun tự chọn (SV chọn 4 trong 6 mô đun)	12	240	120	108	12
MĐ11022	Lập trình Androi cơ bản	3	60	30	27	3
MĐ11021	Lập trình java 2	3	60	30	27	3
MĐ11017	Xây dựng phần mềm quản lý	3	60	30	27	3
MĐ11029	Xây dựng website với mã nguồn mở	3	60	30	27	3
MĐ11023	Lập trình Androi nâng cao	3	60	30	27	3
MĐ11027	Lập trình web 2	3	60	30	27	3
Tổng cộng		92	2295	662	1556	77

PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tổng quan chung

1.1. Căn cứ tự đánh giá

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ công văn số: 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn KĐCL chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng.

1.2. Mục đích tự đánh giá

Nhằm đánh giá chất lượng đào tạo của nghề Công nghệ thông tin (UDPM), trình độ cao đẳng, qua đó xác định mức độ thực hiện mục tiêu và nội dung chương trình để nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác đào tạo.

Là cơ sở để tiến hành đăng ký đánh giá ngoài. Dự kiến thời gian đánh giá ngoài vào tháng 8/2022.

1.3. Yêu cầu tự đánh giá

Tự đánh giá là một quá trình liên tục, đòi hỏi nhiều công sức, thời gian, phải có sự tham gia của nhiều đơn vị và cá nhân trong toàn trường. Hoạt động tự đánh giá đòi hỏi tính khách quan, trung thực và công khai. Các giải thích, nhận định, kết luận đưa ra trong quá trình tự đánh giá theo các tiêu chí, tiêu chuẩn phải dựa trên các minh chứng cụ thể, rõ ràng, đảm bảo độ tin cậy, phù hợp với nội hàm từng tiêu chuẩn.

1.4. Phương pháp tự đánh giá

Phương pháp tự đánh giá của Trường được thực hiện theo hướng dẫn của Tổng cục GDNN. Hội đồng tự đánh giá đã xây dựng kế hoạch và tiến độ thực hiện tự đánh giá; tổ chức tập huấn cho tất cả các thành viên trực tiếp làm nhiệm vụ thu thập minh chứng, phân tích và xử lý minh chứng theo hệ thống tiêu chí tiêu chuẩn, đánh giá từng tiêu chuẩn. Mỗi đơn vị trong toàn trường (bao gồm các phòng, khoa, trung tâm) đã cử các cán bộ tham gia các nhóm công tác chuyên trách.

Các minh chứng thu thập từ các Phòng, Khoa được mã hoá theo qui định của từng tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng. Khoa Công nghệ thông tin tổng hợp kết quả từ các báo cáo của các đơn vị cung cấp để lập dự thảo báo cáo tự đánh giá. Báo cáo sau khi được chỉnh sửa và bổ sung thông tin cần thiết, trình Hội đồng tự đánh giá xem xét. Hội

đồng tự đánh giá trình Hiệu trưởng báo cáo và gửi trường các đơn vị. Tổ chức lấy ý kiến đóng góp cho báo cáo tự đánh giá trong toàn trường. Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo thu thập tất cả các ý kiến đóng góp để hoàn chỉnh báo cáo tự đánh giá lần cuối, trình Hiệu trưởng phê duyệt, công bố và nộp báo cáo cho Tổng cục GDNN.

1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

Quy trình thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo Thông tư số 28/2017/TT-LĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng LĐTBXH về quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cụ thể như sau:

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng.
- Thực hiện tự đánh giá chất lượng.
- Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng.
- Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng và gửi cơ quan có thẩm quyền.

2. Tự đánh giá

2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp về chương trình đào tạo
	ĐỀ XUẤT CẤP ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC		<i>Đạt</i>
	Tổng điểm	100	98
1	Tiêu chí 1 - Mục tiêu, quản lý và tài chính	6	6
1.1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2	2
1.2	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	2	2
1.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu,	2	2

	xác định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.		
2	Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo	14	14
2.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2	2
2.2	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	2	2
2.3	Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.	2	2
2.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
2.5	Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.	2	2
2.6	Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	2	2

2.7	Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	2	2
3	Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên	16	16
3.1	Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
3.2	Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
3.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	2	2
3.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	2	2
3.5	Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2	2
3.6	Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	2	2
3.7	Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
3.8	Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
4	Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình	24	24
4.1	Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
4.2	Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.	2	2
4.3	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực	2	2

	mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.		
4.4	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	2
4.5	Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.	2	2
4.6	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
4.7	Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	2
4.8	Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2	2
4.9	Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
4.10	Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
4.11	Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	2	2
4.12	Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
5	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư	16	14

	viện		
5.1	Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	2	2
5.2	Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2	2
5.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	0
5.4	Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	2	2
5.5	Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	2	2
5.6	Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	2	2
5.7	Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2	2
5.8	Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	2	2
6	Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học	8	8

6.1	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	2	2
6.2	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.	2	2
6.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	2	2
6.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	2	2
7	Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng	16	16
7.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
7.2	Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.	2	2
7.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên	2	2

	quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.		
7.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	2	2
7.5	Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	2	2
7.6	Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2	2
7.7	Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
7.8	Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	2	2

2.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

2.2.1 TIÊU CHÍ 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính

Đánh giá tổng quát tiêu chí 1:

Mở đầu:

Mục tiêu của chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin (UDPM) trình độ cao đẳng phù hợp mục tiêu của nhà trường và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định. Nhà trường có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho Khoa Công nghệ thông tin là đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và phối hợp các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin (UDPM). Khoa Công nghệ thông tin hàng năm luôn hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Hàng năm, Nhà trường nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học theo nghề theo cấp trình độ, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.

** Những điểm mạnh:*

Nhà trường có quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin (UDPM) trong đó bao gồm chương trình chi tiết, thể hiện đầy đủ mục tiêu chương trình đào tạo. Chương trình đào tạo được công bố công khai trên trang website, trên thư viện điện tử của Nhà trường. Mục tiêu chương trình đào tạo được rà soát, điều chỉnh hàng năm. Mục tiêu của CTĐT phù hợp với mục tiêu phát triển của Trường.

Nhà trường có quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong đó có Khoa Công nghệ thông tin. Các năm 2019, 2020, 2021 khoa đều có báo cáo tổng kết công tác của đơn vị. Tập thể và cá nhân Khoa Công nghệ thông tin được đơn vị lãnh đạo cấp trên, Nhà trường khen thưởng trong công tác đào tạo.

Trường đã thực hiện nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, học chương trình đào tạo đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.

** Những tồn tại:* Không có

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Năm học 2022 - 2023 và các năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục rà soát điều chỉnh mục tiêu chương trình phù hợp với thực tế phát triển của xã hội, của ngành Công thương và địa phương.

Điểm đánh giá tiêu chí 1

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	6

Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Mục tiêu của CTĐT nghề Công nghệ thông tin (UDPM) trình độ cao đẳng, phù hợp với mục tiêu của Trường và phù hợp với nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.

Mục tiêu của CTĐT chương trình đào tạo Công nghệ thông tin (UDPM) trình độ cao đẳng

*** Kiến thức**

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa Mác Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Mô tả được kiến thức về Tiếng Anh giao tiếp cơ bản theo năng lực ngoại ngữ bậc 2/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

- Trình bày chính xác các kiến thức căn bản về công nghệ thông tin.

- Trình bày được kiến thức cơ bản về mạng máy tính và Internet.

- Trình bày đúng nguyên lý hoạt động của máy tính và mạng máy tính.

- Trình bày được các dịch vụ liên quan đến công nghệ thông tin như: bảo trì, bảo dưỡng, khắc phục các sự cố hỏng hóc thông thường của máy tính và mạng máy tính.

- Phân tích được hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu.

- Lập kế hoạch sao lưu, phục hồi dữ liệu, hệ thống mạng máy tính.

- Xác định được quy trình xử lý dữ liệu.

- Đánh giá được các yếu tố đảm bảo an toàn dữ liệu.

- Trình bày được các kiến thức về lập trình, phát triển ứng dụng công nghệ thông tin, thiết kế web.

- Trình bày được kiến thức về công nghệ phần mềm, quản trị dự án CNTT.

*** Kỹ năng**

- Sử dụng được Tiếng Anh cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của nghề.;

- Thực hiện được các yêu cầu làm việc nhóm, trình diễn, truyền thông và quan hệ cộng đồng;

- Hướng dẫn được các thợ bậc thấp hơn.

- Tra cứu được tài liệu trên Internet bằng ngôn ngữ tiếng Việt hoặc tiếng Anh phục vụ cho yêu cầu công việc.

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định.

- Kết nối, điều khiển được máy tính và các thiết bị ngoại vi, mạng máy tính.

- Lắp ráp, kết nối, sử dụng được hệ thống máy tính và các thiết bị ngoại vi, thiết bị an ninh.

- Sử dụng thành thạo các ứng dụng văn phòng.

- Khảo sát, thiết kế hệ thống thông tin cho các cơ quan, doanh nghiệp.

- Thiết kế, xây dựng được cơ sở dữ liệu theo yêu cầu, tính chất của công việc được giao.

- Sao lưu, phục hồi được dữ liệu đảm bảo tính sẵn sàng của hệ thống.

- Xây dựng được các hệ thống thông tin đáp ứng kỳ vọng của khách hàng.

- Phát triển được ứng dụng, sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng.

- Triển khai, cài đặt, vận hành (quản trị) được hệ thống thông tin cho doanh nghiệp.

- Thực hiện được các biện pháp vệ sinh công nghiệp, cháy, nổ, chập điện, an toàn lao động.

- Quản lý được nhóm, giám sát được hệ thống công nghệ thông tin vừa và nhỏ.

* Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Thực hiện trách nhiệm, đạo đức, tác phong nghề nghiệp, có động cơ nghề nghiệp đúng đắn, tôn trọng bản quyền; thực hiện công việc cần cù chịu khó và sáng tạo; thực hiện công việc đúng kỷ luật lao động của tổ chức và thực hiện đúng nội qui của cơ quan, doanh nghiệp.

- Có tính độc lập và chịu trách nhiệm cá nhân. Thực hiện trách nhiệm với kết quả công việc của bản thân và nhóm trước lãnh đạo cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

- Nhận thức được tầm quan trọng của CNTT, đặc biệt là các ứng dụng phần mềm tin học trong công việc và đời sống.

- Chủ động đề xuất, áp dụng các kiến thức, kỹ năng nghề CNTT vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

- Thực hiện công việc có đạo đức, ý thức về nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, luôn phấn đấu để hoàn thành nhiệm vụ: Xác định chính xác thông tin về nơi làm việc: quy mô, trang thiết bị, nhà xưởng, nội quy, quy định. Xác định đúng mục đích, yêu cầu, sản phẩm, nội quy của công việc.

- Giải quyết được công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.

- Hướng dẫn tối thiểu, giám sát cấp dưới thực hiện nhiệm vụ xác định.

- Đánh giá được chất lượng sản phẩm sau khi hoàn thành kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm;

(1.1.01 - Quyết định số 88/CĐKT ngày 18/5/2017 về việc ban hành CTĐT năm 2017; Quyết định số 402/QĐ-CĐKT ngày 24/5/2019 về việc ban hành CTĐT năm 2019; Quyết định số 188/QĐ- CĐKT ngày 25/05/2022 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2022)

Mục tiêu của Trường được quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, đó là: Đào tạo người lao động có kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp theo các hệ đào tạo ở trình độ giáo dục nghề nghiệp gồm: cao đẳng, trung cấp và sơ cấp; có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khỏe phù hợp với nghề nghiệp nhằm tạo điều kiện cho người lao động có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm, tham gia lao động trong và ngoài nước hoặc tiếp tục học tập nâng cao trình độ, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, củng cố an ninh quốc phòng, ... *(1.1.02 - Quyết định số 603/QĐ-CĐKT ngày 21/11/2017 của Hiệu trưởng ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Nhà trường; Quyết định số 23/QĐ-CĐKT ngày 14/1/2022 của Hiệu trưởng ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Nhà trường).*

Việc “Đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ nhằm trang bị cho người học có kiến thức chuyên môn và năng lực thực hành các công việc của nghề Công nghệ thông tin (UDPM). Người học có khả năng sáng tạo, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào công việc; giải quyết được các tình huống phức tạp trong thực tế”. Mục tiêu của CTĐT nghề Công nghệ thông tin (UDPM) trình độ cao đẳng gắn liền với sứ mệnh “Đem lại cho xã hội và cộng đồng các lợi ích với chất lượng tốt nhất từ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và dịch vụ, góp phần đắc lực vào công cuộc CNH, HĐH đất nước, giữ gìn an ninh quốc phòng và phát triển hệ thống GD - ĐT Việt Nam, đặc biệt là hệ thống GDNN”. Trong danh sách các trường được lựa chọn đầu tư các ngành nghề trọng điểm giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2025 theo Quyết định số 1769/QĐ-LĐTĐ ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ LĐTĐ, Trường có 05 nghề trọng điểm dự kiến được đầu tư đào tạo các cấp độ, trong đó có nghề Công nghệ thông tin (UDPM) cấp độ quốc tế *(1.1.03 – Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN năm 2018, 2019, 2020, 2021).*

Trên cơ sở định hướng phát triển ngành nghề cũng như các yêu cầu phát triển nguồn nhân lực của khu vực đồng bằng Bắc bộ bao gồm Hà Nội và các tỉnh lân cận được thể hiện tại các Quyết định của Thủ tướng chính phủ về Phê duyệt Quy hoạch công nghệ thương mại vành đai kinh tế Bắc bộ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 trong đó xác định đến năm 2025 tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề nghiệp đạt 80 - 85%, trong đó lao động trong lĩnh vực Công nghệ, dịch vụ đạt 85 - 90% qua đào tạo; Định hướng phát triển mạnh dịch vụ, thương mại và du lịch; phát triển dịch vụ tài chính, ngân hàng theo

hướng hiện đại hóa và đa dạng hóa các tổ chức và dịch vụ; Ưu tiên phát triển theo chiều sâu đối với công nghiệp điện tử và công nghệ thông tin; phát triển công nghiệp dệt may; cơ cấu lao động về dịch vụ phải đạt được 59 - 60%. Biện pháp chủ yếu là “Nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo; phát triển nhanh nguồn nhân lực chất lượng cao; gắn kết giữa phát triển nguồn nhân lực với ứng dụng khoa học - công nghệ cao trong lĩnh vực sản xuất để tăng năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm” (1.1.04 - Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 22/2/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; 1.1.05 - Quyết định số 198/QĐ-TTg ngày 25/1/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030). Bộ Công thương cũng đã ban hành Quyết định số 4772/QĐ- BCT ngày 06/12/2016 về Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội ngành công thương thuộc vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 trong đó các nghề trường hiện đang đào tạo đều được dự kiến đầu tư phát triển như: ngành Điện, Điện tử, Công nghệ thông tin; ngành dệt may, thiết kế thời trang, Logistic....(1.1.06 - Quyết định số 4772/QĐ-BCT ngày 6/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Công thương phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp, thương mại Vàñh đai kinh tế vịnh Bắc bộ đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035). Nhà trường đã xây dựng mục tiêu chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin (UDPM) phù hợp với nhu cầu thị trường lao động.

Mục tiêu của CTĐT nghề Công nghệ thông tin (UDPM) được công bố công khai trên trang Website của Trường, thông tin tuyển sinh của nghề được nêu trên các tờ rơi thông báo tuyển sinh (1.1.07 - Các tờ rơi tuyển sinh của Trường năm 2020, 2021, 2022; 1.1.08 - Website của trường tại địa chỉ <http://www.hiec.edu.vn>). Ngoài ra, mục tiêu của CTĐT còn được phổ biến tới HSSV thông qua các buổi sinh hoạt, học tập đầu khóa (1.1.09 - Kế hoạch tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân” năm học 2019- 2020, 2020- 2021, 2021- 2022).

Mục tiêu của CTĐT được rà soát và điều chỉnh theo quy định, nhằm đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.

Năm 2017, Nhà trường thực hiện chuyển đổi toàn bộ 100% chương trình đào tạo trình độ cao đẳng (trong đó có nghề Tin học ứng dụng, tiền thân của nghề Công nghệ thông tin (UDPM) trình độ Cao đẳng) theo Quyết định số 88/CĐKT ngày 18/5/2017 về việc ban hành CTĐT năm 2017.

Năm 2019, 2022 tổ chức thực hiện rà soát, chỉnh sửa và ban hành toàn bộ CTĐT trình độ cao đẳng sau khi chỉnh sửa theo Quyết định số 402/CĐKT ngày 24/5/2019 về việc ban hành CTĐT năm 2019 và Quyết định số 188/QĐ- CĐKT ngày 25/05/2022 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao

đăng năm 2022 (trong đó có nghề Công nghệ thông tin (UDPM) trình độ Cao đẳng) (1.1.01 - Quyết định số 88/CĐKT ngày 18/5/2017 về việc ban hành CTĐT năm 2017; Quyết định số 402/CĐKT ngày 24/5/2019 về việc ban hành CTĐT năm 2019; Quyết định số 188/QĐ- CĐKT ngày 25/05/2022 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2022).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 1: 02 điểm

Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nghề Công nghệ thông tin (UDPM) trình độ Cao đẳng do Khoa Công nghệ thông tin của Trường trực tiếp quản lý và tổ chức đào tạo. Khoa Công nghệ thông tin có chức năng, nhiệm vụ cụ thể như sau: “Thực hiện kế hoạch giảng dạy, học tập và các hoạt động ngoại khóa khác theo chương trình, kế hoạch giảng dạy hàng năm của Trường; thực hiện việc biên soạn chương trình, giáo trình học liệu dạy nghề; thực hiện các hoạt động thực nghiệm, NCKH, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào quá trình dạy nghề....”

(1.2.01 - Quyết định số 1026/QĐ-BGD&ĐT ngày 14/3/2006 về thành lập trường; 1.2.02 - Quyết định số 1510/QĐ-BCT ngày 24/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội; 1.1.02 - Quyết định số 603/QĐ-CĐKT ngày 21/11/2017 của Hiệu trưởng ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Nhà trường; Quyết định số 23/QĐ-CĐKT ngày 14/1/2022 của Hiệu trưởng ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Nhà trường; 1.2.03 - Quyết định số 278/QĐ-CĐKT ngày 16/8/2021 của Hiệu trưởng ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Khoa Công nghệ Thông tin)

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, Khoa Công nghệ thông tin luôn đoàn kết, phát huy sức mạnh tập thể để hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Trong 3 năm 2019, 2020, 2021, Khoa đều đạt tập thể lao động xuất sắc cấp Nhà trường và được các cơ quan cấp trên khen thưởng (1.2.04 - Báo cáo tổng kết Nhà trường và phương hướng nhiệm vụ năm học 2018 - 2019, 2019- 2020, 2020 - 2021; 1.2.05 - Báo cáo tổng kết của đơn vị năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021; 1.2.06 - Quyết định công nhận kết quả đánh giá, xếp loại cho tập thể, cá nhân năm 2019, 2020, 2021; 1.2.07 - Quyết định công nhận danh hiệu thi đua cho tập thể và cá nhân năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 1: 02 điểm

Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo trên cơ sở các nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo, giá thị trường của vật tư học tập và nhu cầu vật tư thực tế phục vụ cho hoạt động đào tạo.

Thực hiện Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính Phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020-2021 và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính Phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo. (1.3.01 - Nghị định của Chính phủ về việc quy định mức học phí tại cơ sở giáo dục năm 2015, 2021) Quy định mức trần học phí đối với các chương trình đào tạo đại trà trình độ cao đẳng tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chưa tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư như sau:

STT	Năm học	Mức thu theo quy định	Mức thu học phí của nhà trường/1 sinh viên nghề Công nghệ thông tin (UDPM)
1	2019 – 2020	850.000VNĐ	250.000/ 1 tín chỉ
2	2020 – 2021	940.000VNĐ	280.000/ 1 tín chỉ
3	2021 - 2022	940.000VNĐ	320.000/ 1 tín chỉ

Hàng năm, nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo, Nhà trường căn cứ chương trình đào tạo để xác định kinh phí chi cho 1 SV học trình độ cao đẳng/năm học của trường dựa vào các dữ liệu đầu vào như sau:

- Định mức kinh tế kỹ thuật trong đào tạo nghề Công nghệ thông tin (UDPM).
- Dự trù vật tư đào tạo năm học, định mức tiêu hao vật tư đào tạo/người học (căn cứ vào đề nghị của các khoa đối với từng nghề cụ thể).
- Chi phí nhân công (chi lương và các khoản theo lương, tiền vượt giờ, thanh toán các hợp đồng thỉnh giảng...).
- Các chi phí khác (chi phí khấu hao tài sản, thiết bị đào tạo...).

(1.3.02 – Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020, 2021, 2022; 1.3.03- Quyết định về việc quy định mức thu học phí năm học 2019 -2020, 2020 - 2021, 2021- 2022; 1.3.04 - Quyết định ban hành định mức kinh tế kỹ thuật cho nghề Công nghệ thông tin (UDPM) trình

độ Cao đẳng; 1.3.05 - Quyết định của Hiệu trưởng về việc ban hành định mức chi tối thiểu cho nghề Công nghệ thông tin (UDPM) trình độ Cao đẳng).

Nguồn thu tài chính của nhà trường chủ yếu ba nguồn chính đó là: NSNN cấp, thu sự nghiệp và thu dịch vụ. Các mức thu được Nhà trường quy định cụ thể tại Quy chế chi tiêu nội bộ. Các mức thu được xây dựng như sau: Đối với những khoản thu như Học phí hệ chính quy dài hạn, lệ phí tuyển sinh được Nhà trường thu theo quy định của Nhà nước. Đối với những khoản thu sự nghiệp, dịch vụ được thực hiện theo nguyên tắc lấy thu, bù chi và có tích lũy.

Theo báo cáo tài chính 3 năm 2019, 2020, 2021, cho thấy: Các nguồn thu tương đối ổn định và chiều hướng gia tăng giữa các năm. Nguồn thu dịch vụ tăng trong 3 năm thể hiện Nhà trường đã có những giải pháp giảm dần sự phụ thuộc vào nguồn thu từ ngân sách Nhà nước và đạt kết quả cụ thể, đảm bảo đủ các nguồn lực về tài chính phục vụ các hoạt động của trường cũng như thực hiện chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin (UDPM) trình độ Cao đẳng. (1.3.06 – Dự toán thu chi ngân sách nhà nước của Trường năm 2019, 2020, 2021, 2022; 1.3.07 – Các quyết định của Bộ Công thương giao dự toán ngân sách cho Trường năm 2019, 2020, 2021, 2022; 1.3.08 – Báo cáo tài chính năm 2019, 2020, 2021)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1.3, tiêu chí 1: 02 điểm

2.2.2 TIÊU CHÍ 2: Hoạt động đào tạo

Đánh giá tổng quát tiêu chí 2:

Mở đầu:

Hoạt động đào tạo giữ vai trò chủ đạo trong hoạt động GDNN của Khoa Công nghệ thông tin nói riêng và của Nhà trường nói chung. Trường đã luôn chú trọng và tổ chức tốt công tác tuyển sinh, đảm bảo chất lượng đầu vào. Phòng Quản lý Đào tạo tham mưu xây dựng kế hoạch đào tạo, giám sát chặt chẽ, bảo đảm thực hiện kế hoạch đào tạo đúng tiến độ và có hiệu quả. Với phương châm “Lấy người học làm trung tâm” nhằm trang bị cách học, phát huy tính chủ động của người học, sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học, Nhà trường chủ trương đổi mới hình thức và phương pháp giảng dạy, đặc biệt là phương pháp dạy học tích cực, qua đó khuyến khích phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và tinh thần hợp tác của người học.

**** Những điểm mạnh:***

- Nhà trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo đúng quy định, thực hiện công tác tuyển sinh đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan, tuyển sinh các năm đạt từ 80% trở lên chỉ tiêu được giao.

- Kế hoạch, tiến độ đào tạo được phê duyệt và thực hiện theo từng học kỳ, năm học, chi tiết đến từng MH/MĐ, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với hình thức, phương thức tổ chức đào tạo.

- Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo đúng nội dung, chương trình được phê duyệt; có sự tham gia của các đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với nghề Công nghệ thông tin (UDPM).

- Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học thể hiện tính nghiêm túc, công bằng. Các phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với đặc thù ngành nghề đào tạo, môn học, phương thức, hình thức và mục tiêu đào tạo đảm bảo tính khoa học.

- Nhà trường có phần mềm Quản lý đào tạo nhằm nâng cao công tác quản lý đào tạo và xây dựng kế hoạch đào tạo thực sự khoa học, kiểm soát tốt tiến độ thực hiện giảng dạy trong từng học kỳ, năm học và khóa học.

*** Những tồn tại:**

Trường chưa thực hiện đa dạng hoá phương thức đào tạo.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Năm học 2022 - 2023, Nhà trường sẽ nghiên cứu và đa dạng hoá phương thức đào tạo cho phù hợp với thực tế nhu cầu của xã hội.

Điểm đánh giá tiêu chí 2

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 2	14
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2

Tiêu chuẩn 1: Hàng năm cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu kế hoạch của cơ sở đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định

Nghề Công nghệ thông tin (UDPM), trình độ cao đẳng của Trường có trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề số 144b/2017/GCĐKBS-TCGDNN ngày 18/7/2018; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 37/2019/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 20/5/2019; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 133/2019/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 26/11/2019; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 133a/2019/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 11/5/2020; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 133b/2019/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 29/6/2020; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 148/2020/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 24/12/2020; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 102/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 01/11/2021 (**2.1.01** – *Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN các năm 2018, 2019, 2020, 2021*)

Trên cơ sở chỉ tiêu tuyển sinh đã được xác định cũng như căn cứ Quy chế tuyển sinh. Hàng năm Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch tuyển sinh cụ thể, chi tiết và thành lập Hội đồng tuyển sinh, Ban thư ký tuyển sinh nhằm bảo đảm công tác tuyển sinh đúng quy định, đạt hiệu quả. Thành phần của Hội đồng tuyển sinh đúng theo quy định tại quy chế tuyển sinh của Trường và theo đúng quy định tại thông tư số 05/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02/3/2017; thông tư 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 7/7/2021 của Bộ LĐTBXH (**2.1.02** – *Các quyết định ban hành Quy chế tuyển sinh của trường năm 2020, 2021, 2022; 2.1.03* - *Các Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh, Ban thư ký tuyển sinh năm 2020, 2021, 2022; 2.1.04* - *Kế hoạch tuyển sinh năm 2020, 2021, 2022*).

Hàng năm, Nhà trường có công văn đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh với Bộ Công thương, Sở LĐTBXH TP. Hà Nội. Nhà trường tự chịu trách nhiệm về chỉ tiêu tuyển sinh đã đăng ký. Nhà trường thành lập Hội đồng tuyển sinh và Ban thư ký hội đồng tuyển sinh. Hội đồng tuyển sinh đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh, thông báo tuyển sinh, tiếp nhận hồ sơ tuyển sinh, lập danh sách HSSV đủ điều kiện dự xét tuyển và dự kiến phương án trúng tuyển (**2.1.05** – *Công văn đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh của trường trong các năm học 2020, 2021, 2022; 2.1.06* – *Thông báo tuyển sinh năm 2020, 2021, 2022; 2.1.07* – *Hồ sơ xét tuyển năm 2019, 2020, 2021; 2.1.08* – *Danh sách HSSV đủ điều kiện dự xét tuyển năm 2019, 2020, 2021; 2.1.09* – *Bản dự kiến phương án trúng tuyển năm 2019, 2020, 2021; 2.1.10* – *Biên bản họp của Hội đồng tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021*). Nhà trường đã có thông báo tuyển sinh được đăng trên website của trường, được gửi tới các trường THPT, THCS trong và ngoài tỉnh. Hội đồng tuyển sinh duyệt danh sách trúng tuyển và niêm yết công khai tại website của trường (**2.1.11** – *Quyết định phê duyệt danh sách trúng tuyển năm 2019, 2020, 2021*). Nhà trường tổ chức nhập học và có quyết định

phân lớp theo từng năm học (**2.1.12** – Giấy báo nhập học năm 2019, 2020, 2021; **2.1.13** – Kế hoạch nhập học năm 2020, 2021, 2022; **2.1.14** – Danh sách HSSV nhập học và quyết định phân lớp năm 2020, 2021, 2022; **2.1.15** – Hồ sơ HSSV nhập học năm học 2018 – 2019, 2019-2020, 2020-2021).

Kết thúc đợt tuyển sinh, Nhà trường có báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh nhằm đánh giá kết quả thực hiện của từng năm. Trong 3 năm qua, kết quả tuyển sinh của nghề Công nghệ thông tin (UDPM) trình độ cao đẳng đều đạt trên 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của Nhà trường (**2.1.16** – Báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh nghề Công nghệ thông tin (UDPM) năm 2019, 2020, 2021).

Năm	Chỉ tiêu trường đăng ký	Kết quả tuyển sinh
2020	170	137
2021	150	137
2022 (đến tháng 8/2022)	140	19

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo theo quy định

Theo Quy chế đào tạo, hàng năm căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh chương trình đào tạo từng ngành, nghề đã được Hiệu trưởng phê duyệt. Phòng Quản lý Đào tạo tham mưu xây dựng các Quy định về mẫu biểu hồ sơ, sổ sách trong đào tạo; kế hoạch đào tạo; tiến độ, thời khóa biểu giảng dạy cho các ngành, nghề đào tạo. (**2.2.01** – Quy chế đào tạo năm 2019, 2022; **2.2.02** – Quy định về mẫu biểu hồ sơ, sổ sách trong đào tạo; **2.2.03** – Kế hoạch đào tạo năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021 – 2022; **2.2.04** – Tiến độ đào tạo các năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021 – 2022).

Mô tả, phân tích, nhận định

Khoa Công nghệ thông tin thực hiện phân công giáo viên giảng dạy và xây dựng lịch giảng dạy chi tiết đến từng MH/MĐ theo chương trình đào tạo (**2.2.05** – Kế hoạch giáo viên năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021 – 2022; **2.2.06** – Thời khóa biểu năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021 – 2022, **2.2.07** – Tiến độ đào tạo điều chỉnh điều chỉnh năm học 2021 – 2022; **2.2.08** - Kế hoạch giảng dạy của giáo viên năm 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021 – 2022).

Căn cứ theo thời khóa biểu hàng tuần, các giáo viên thực hiện giảng dạy các nội dung được xác định trong lịch trình giảng dạy với đầy đủ các hồ sơ lên lớp, bao gồm:

Sổ lên lớp, sổ tay giáo viên, giáo án, giáo trình giảng dạy theo quy định, đảm bảo theo kế hoạch, tiến độ đào tạo đã phê duyệt (**2.2.09** – *Giáo án giảng dạy của giáo viên năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021 – 2022*; **2.2.10** – *Sổ lên lớp năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021 – 2022*; **2.2.11** - *Sổ tay giáo viên năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021 – 2022*).

Tại mỗi năm học, Nhà trường xây dựng Kế hoạch kiểm tra công tác đào tạo. Kết quả kiểm tra cho thấy tập thể Khoa và giáo viên tổ chức giảng dạy đảm bảo theo kế hoạch, tiến độ đào tạo, thời khóa biểu đã được phê duyệt (**2.2.12** - *Kế hoạch kiểm tra hoạt động đào tạo năm học 2019–2020; 2020–2021; 2021–2022*; **2.2.13** – *Biên bản kiểm tra công tác đào tạo năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021 – 2022*; **2.2.14** - *Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra hoạt động đào tạo năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021 – 2022*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.2 tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3: *Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Căn cứ Quy định ban hành chương trình đào tạo, hàng năm Nhà trường xây dựng Kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo, kế hoạch giáo viên cho từng khóa học theo từng học kỳ, năm học đảm bảo đúng quy định (**1.1.01** - *Quyết định số 88/CDKT ngày 18/5/2017 về việc ban hành CTĐT năm 2017; Quyết định số 402/QĐ-CDKT ngày 24/5/2019 về việc ban hành CTĐT năm 2019; Quyết định số 188/QĐ- CDKT ngày 25/05/2022 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2022*; **2.2.03** - *Kế hoạch đào tạo năm học 2019–2020; 2020–2021; 2021–2022*; **2.2.04** – *Tiến độ đào tạo các năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021 – 2022*; **2.2.05** – *Kế hoạch giáo viên năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021 – 2022*; **2.2.06** – *Thời khóa biểu năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021 – 2022*, **2.2.07**– *Tiến độ đào tạo điều chỉnh điều chỉnh năm học 2021 – 2022*; **2.2.08** - *Kế hoạch giảng dạy của giáo viên năm 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021 – 2022*).

Căn cứ theo kế hoạch, tiến độ, thời khóa biểu của Trường, Khoa Công nghệ thông tin xây dựng kế hoạch cụ thể cho từng giáo viên. Nhằm phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học, Khoa đã vận dụng các phương pháp dạy học tích cực như: dạy học tích hợp, dạy học theo nhóm, chia các nhóm luyện tập và phân công vị trí luyện tập, giảng dạy trên các mô hình trong quá trình lên lớp để khuyến khích phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và tinh thần hợp tác của HSSV. Các phương pháp dạy học này thể hiện rõ trong giáo án của giáo viên, sổ tay lên lớp, sổ tay giáo viên. (2.2.09 – *Giáo án giảng dạy của giáo viên năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021 – 2022*; 2.2.10 - *Sổ lên lớp năm học 2019–2020; 2020–2021; 2021–2022*; 2.2.11 - *Sổ tay giáo viên năm học 2019–2020; 2020–2021; 2021–2022*).

Để giúp sinh viên nhanh chóng tiếp thu kiến thức và sử dụng tối đa thời gian thực hành, rèn luyện kỹ năng nghề, các giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy. Các phòng học chuyên môn của Khoa Công nghệ thông tin đều được trang bị máy chiếu, màn chiếu phục vụ giảng dạy. Trên 80% MH/MĐ của chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin (UDPM) có sử dụng các phần mềm chuyên dụng để hỗ trợ soạn bài giảng điện tử phục vụ cho hoạt động dạy và học, như: Phần mềm Microsoft Powerpoint (2.3.01 - *Danh sách MĐ/MH nghề Công nghệ thông tin (UDPM) có ứng dụng CNTT trong dạy học*; 2.3.02 - *Danh sách MĐ/MH nghề Công nghệ thông tin (UDPM) sử dụng thiết bị mô phỏng hoặc phần mềm mô phỏng hoặc sử dụng các phần mềm hỗ trợ soạn bài giảng điện tử năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021 – 2022*).

Ngoài ra để đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng dạy và học, tập thể cán bộ, giáo viên Khoa Công nghệ thông tin thường xuyên trao đổi chuyên môn thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn, dự giờ bình giảng. (2.3.03 – *Biên bản các buổi sinh hoạt chuyên môn*; 2.3.04 – *Kế hoạch dự giờ của khoa các năm 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021 – 2022*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4: *Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Toàn bộ các nghề Nhà trường tuyển sinh, tổ chức đào tạo đều có CTĐT được phê duyệt và cấp phép đào tạo (**2.1.01** – *Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN các năm 2018, 2019, 2020, 2021*; **1.1.01** – *Quyết định số 88/CDKT ngày 18/5/2017 về việc ban hành CTĐT năm 2017*; *Quyết định số 402/QĐ-CDKT ngày 24/5/2019 về việc ban hành CTĐT năm 2019*; *Quyết định số 188/QĐ-CDKT ngày 25/05/2022 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2022*).

Trên cơ sở đó, Nhà trường triển khai thực hiện các hoạt động đào tạo theo mục tiêu, nội dung CTĐT đã được phê duyệt. Các CTĐT được xây dựng trên cơ sở mục tiêu, chuẩn đầu ra nhằm đáp ứng thực tế yêu cầu lao động. Để đảm bảo các hoạt động đào tạo được thực hiện đúng theo mục tiêu, nội dung CTĐT, Phòng Quản lý Đào tạo xây dựng kế hoạch đào tạo cho từng nghề theo khóa học trình Ban Giám hiệu phê duyệt và triển khai thực hiện (**2.2.03** – *Kế hoạch đào tạo năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021 – 2022*; **2.2.04** – *Tiến độ đào tạo các năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021 – 2022*; **2.2.05** – *Kế hoạch giáo viên năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021 – 2022*).

Khoa Công nghệ thông tin thực hiện phân công giáo viên giảng dạy các chương trình MH/MĐ theo đúng mục tiêu, nội dung CTĐT thể hiện qua việc nhà giáo có lịch trình giảng dạy, soạn giáo án, bài giảng các MH/MĐ (**2.2.08** - *Kế hoạch giảng dạy của giáo viên năm học 2019–2020; 2020–2021; 2021–2022*).

Trong CTĐT của từng nghề đều có mô đun thực tập trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp (360h), thực tập tốt nghiệp (270h), những mô đun này được thực hiện tại các cơ quan chuyên môn hoặc doanh nghiệp. Nhà trường có ký kết các hợp đồng thỏa thuận với các doanh nghiệp trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động (**2.4.01** – *Các hợp đồng/biên bản thỏa thuận với đơn vị sử dụng lao động về việc cho người học thực hành, thực tập năm 2020, 2021, 2022*; **2.4.02** - *Kế hoạch cho sinh viên đi thực tập năm 2019, 2020, 2021*). Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch đào tạo, Khoa Công nghệ thông tin đề xuất Phòng Quản lý Đào tạo lập kế hoạch cho SV đi thực tập và tham mưu đề xuất với Hiệu trưởng cử giáo viên phối hợp với doanh nghiệp hướng dẫn, theo dõi và đôn đốc HSSV thực hiện theo đề cương thực tập (**2.4.03** – *Quyết định cử HSSV đi thực tập tại doanh nghiệp năm 2020, 2021, 2022*; **2.4.04** - *Đề cương thực hành, thực tập tại doanh nghiệp*). Kết thúc đợt thực tập nhà giáo được phân công hướng dẫn, tổng hợp kết quả thực tập của sinh viên; Kết thúc

quá trình thực tập, HSSV có nhận xét, đánh giá kết quả thực tập của cán bộ doanh nghiệp đối với HSSV. (2.4.05 - Báo cáo thực tập của HSSV các năm 2019, 2020, 2021).

Trong CTĐT của nghề Công nghệ thông tin (UDPM) có mô đun thực tập trải nghiệm, thực tập tốt nghiệp, những mô đun này được thực hiện tại các cơ quan chuyên môn hoặc doanh nghiệp. Nhà trường có ký kết các hợp đồng thoả thuận với các doanh nghiệp trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động.

Một số doanh nghiệp điển hình trong việc liên kết với Khoa:

TT	Tên doanh nghiệp	Lĩnh vực hoạt động
1	Công ty KYOCERA Hải Phòng	Công nghệ thông tin
2	Công ty TNHH Công nghiệp Brother VN	Công nghệ thông tin
3	Công ty TNHH Điện tử Canon Việt Nam	Công nghệ thông tin
4	Công ty Cổ phần tư vấn công nghệ thương mại Duy Hưng - Địa chỉ số 103 phố Hoàng Ngân, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội	Công nghệ thông tin
5	Công ty Cổ phần Giải pháp Giáo dục - Y tế nam việt – Địa chỉ số nhà 1, ngõ 165, phố Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội	Công nghệ thông tin
6	Công ty công nghệ và phát triển nhân lực Devmaster Academy - Tầng 6, toà Viện Công Nghệ, Số 25 Vũ Ngọc Phan, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	Công nghệ thông tin
7	Công ty TNHH Giải pháp Đại học số ESSOFT- Số 91/134/34/3 Đường Vạn Phúc, Tổ dân phố Hạnh phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội	Công nghệ thông tin

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trên cơ sở các Thông tư quy định của Bộ LĐTĐ, Nhà trường đã xây dựng và ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ. Cụ thể như sau:

Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; Thông tư 04/2022/TT-BLĐTĐ ngày 30/03/2022 ban hành Thông tư quy định tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng, trình độ sơ cấp theo phương thức tích lũy mô – đun hoặc tín chỉ. Nhà trường đã ban hành Quyết định số 478/QĐ-CĐKT ngày 8/11/2019; Quyết định 317/QĐ-CĐKT ngày 21/6/2022 Ban hành Quy chế tổ chức đào tạo theo phương thức tích lũy mô – đun hoặc tín chỉ; Quy chế số 302/QĐ-CĐKT ngày 27/8/2018 và Quy chế số 377/QĐ-CĐKT ngày 8/8/2022 về việc ban hành Quy chế tổ chức thi hết thực MH/MĐ thực hiện tổ chức chương trình đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng theo tích lũy mô đun, tín chỉ (**2.2.01 – Quy chế đào tạo năm 2019, 2022; 2.5.01 - Quy chế tổ chức thi năm 2018, 2022**).

Căn cứ kế hoạch, tiến độ đào tạo, Phòng Quản lý Đào tạo, Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo phối hợp với các khoa lên kế hoạch thi kết thúc MH/MĐ theo từng học kỳ và trình Hiệu trưởng phê duyệt (**2.5.02 - Quy trình thi kết thúc môn học/mô đun; 1.1.01 – Quyết định số 88/CĐKT ngày 18/5/2017 về việc ban hành CTĐT năm 2017; Quyết định số 402/QĐ-CĐKT ngày 24/5/2019 về việc ban hành CTĐT năm 2019; Quyết định số 188/QĐ- CĐKT ngày 25/05/2022 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2022; 2.2.09 – Giáo án giảng dạy của giáo viên năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021 – 2022; 2.2.10 – Sổ lên lớp năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021 – 2022; 2.2.11 - Sổ tay giáo viên năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021 – 2022**).

Đề thi kết thúc MH/MĐ có nội dung, yêu cầu cụ thể, có đáp án, thang điểm chấm rõ ràng và có ký xác nhận của khoa chuyên môn. Để đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan trước, trong và sau khi thi, đối với thi kết thúc MH/MĐ Nhà trường bố trí 02 giáo viên coi thi, chấm thi theo quy định. Phần mềm Quản lý đào tạo của Nhà trường được thiết kế, xây dựng, tính toán cơ sở dữ liệu theo các quy định hiện hành về GDNN. Điểm thi kết thúc các MH/MĐ được nhập vào phần mềm Quản lý đào tạo, tự động tổng kết môn, tổng kết học kỳ, tổng kết năm học, đánh giá xếp loại học tập phục vụ xét học bổng cho HSSV. Giáo viên in, ký bảng điểm, trình trưởng đơn vị ký duyệt, sau đó nộp về Phòng Quản lý đào tạo theo quy định (**2.5.03 – Hồ sơ thi kết thúc MĐ/MH nghề Công nghệ thông tin (UDPM) trình độ Cao đẳng năm 2019, 2020, 2021**).

Việc tổ chức thực hiện xét công nhận tốt nghiệp theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, khách quan. Hằng năm, Trường ra quyết định thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp thực hiện nhiệm vụ xét và công nhận tốt nghiệp cho HSSV (**2.5.04** - *Hồ sơ xét công nhận tốt nghiệp nghề Công nghệ thông tin (UDPM) các khóa năm 2019, 2020, 2021*).

Đối với đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV: Nhà trường thực hiện các bước theo quy trình đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV. Ngay sau khi kết thúc học kỳ, Phòng Công tác HSSV thông báo đến các khoa thông qua giáo viên chủ nhiệm việc triển khai tự đánh giá theo các tiêu chí, thang điểm theo Điều 10, Điều 11 Chương IV Quy chế công tác HSSV (**2.5.05** – *Quyết định số 177/QĐ-CDKT ngày 31/5/2021 của Hiệu trưởng về việc phê duyệt về việc ban hành Quy chế công tác HSSV của Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội*; **2.5.06** - *Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV*; **2.5.07** - *Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV năm học 2019–2020; 2020–2021; 2021–2022*; **2.5.08** - *Hồ sơ đánh giá rèn luyện của HSSV năm học 2019–2020; 2020–2021; 2021–2022*; **2.5.09** - *Quyết định công nhận kết quả rèn luyện của HSSV năm học 2019–2020; 2020–2021; 2021–2022*).

Đối với việc thực hiện cấp văn bằng, chứng chỉ, Trường ban hành văn bản phê duyệt mẫu phôi bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng. Đồng thời đăng ký mẫu phôi bằng, chứng chỉ và báo cáo Tổng cục GDNN; Sở LĐTĐ&XH thành phố Hà Nội và Công An thành phố Hà Nội để theo dõi, quản lý theo quy định (**2.5.10** *Quyết định số 157a/QĐ-CDKT ngày 19/5/2017 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội về việc ban hành Quy định in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng năm 2017*; *Quyết định số 230/QĐ-CDKT ngày 15/5/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội về việc ban hành Quy định in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng năm 2020*; **2.5.11** – *QĐ số 156/QĐ-CDKT ngày 8/6/2020 của của Hiệu trưởng về việc ban hành quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng của trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội và Quyết định số 173/QĐ-CDKT ngày 15/4/2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng của trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội*; **2.5.12** - *Công văn số 69/CV-CDKT ngày 8/6/2020 về việc báo cáo mẫu phôi bằng tốt nghiệp*; *Công văn số 73/CV-CDKT ngày 18/5/2022 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội v/v Báo cáo ban hành mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, chứng chỉ sở cấp*).

Phòng Quản lý Đào tạo trên cơ sở danh sách HSSV tốt nghiệp đã được phê duyệt chuẩn bị phôi bằng, tổ chức in ấn, ký duyệt, đóng dấu, lập sổ quản lý cấp, phát và lưu trữ theo quy trình cấp văn bằng chứng chỉ cho người học đảm bảo an toàn, bảo mật (2.5.13 – *Sổ cấp phát bằng, chứng chỉ*).

Hằng năm, Nhà trường đều có các báo cáo tình hình đào tạo của trường đến Sở LĐTĐHXH thành phố Hà Nội theo quy định tại Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐHXH và Thông tư 10/2017/TT-BLĐTĐHXH ngày 13/3/2017. Các nội dung báo cáo gồm: số lượng người học được công nhận tốt nghiệp, không được công nhận tốt nghiệp trong năm theo ngành, nghề đào tạo, trình độ đào tạo, theo phương thức đào tạo, hình thức đào tạo; Tình hình cấp phát bằng tốt nghiệp: số lượng phôi bằng tốt nghiệp đã sử dụng để cấp cho người học trong năm theo hình thức đào tạo và ngành, nghề đào tạo; số lượng phôi bằng tốt nghiệp phải hủy do ghi sai nội dung; số lượng phôi bằng tốt nghiệp bị hư hỏng, bị mất trong quá trình bảo quản, lưu trữ (1.2.04 - Báo cáo tổng kết Nhà trường và phương hướng nhiệm vụ năm học 2018 - 2019, 2019- 2020, 2020 - 2021; 1.2.05 - Báo cáo tổng kết của đơn vị năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020 – 2021).

Thông qua kết quả giám sát của Ban Thanh tra nhân dân đối với việc thực hiện quy chế thi, kiểm tra của các khóa học; giám sát công tác cấp, phát bằng, chứng chỉ đều thực hiện đúng quy định. Trong 3 năm qua, Nhà trường không có đơn thư phản ánh, khiếu nại (2.5.14 – Báo cáo hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân năm 2019, 2020, 2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhằm tăng cường chức năng quản lý, kiểm tra, giám sát công tác tổ chức đào tạo và giảng dạy của Khoa. Đồng thời đánh giá quá trình thực hiện nhiệm vụ giảng, giáo dục HSSV đảm bảo hoạt động dạy và học theo kế hoạch, tiến độ đào tạo. Công tác kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học được Nhà trường ban hành Quyết định thành lập đoàn kiểm tra hoạt động đào tạo và kế hoạch kiểm tra hoạt động đào tạo (2.6.01 - Các Quyết định của Hiệu trưởng nhà trường, về việc thành lập Đoàn kiểm tra hoạt động đào tạo năm học 2019–2020; 2020–2021; 2021–2022; 2.2.12 - Kế hoạch kiểm tra hoạt động đào tạo năm học 2019–2020; 2020–2021; 2021–2022; 2.2.13 - Biên bản kiểm tra công

tác đào tạo năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021 – 2022; **2.2.14** - Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra hoạt động đào tạo năm học 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021). Đồng thời, giao cho Phòng Công tác HSSV làm đầu mối triển khai thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ (**2.6.02** – Quyết định số 605/QĐ-CDKT ngày 01/9/2018 của Hiệu trưởng trường CDKTCNHN về việc quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Phòng Công tác HSSV và Thanh tra; Quyết định số 280/QĐ-CDKT ngày 16/8/2021 ban hành Quy định chức năng nhiệm vụ của Phòng Công tác HSSV).

Với nhiệm vụ được giao, hàng năm Khoa chủ động lập kế hoạch tự kiểm tra công tác giảng dạy của giáo viên giảng dạy các lớp của khoa quản lý. Đoàn kiểm tra bao gồm Trưởng, phó khoa, các trưởng bộ môn. Các hoạt động kiểm tra được lập biên bản hiện trạng, có báo cáo và đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng tại Khoa nói chung và nghề Công nghệ thông tin (UDPM) nói riêng. (**2.6.03** - Kế hoạch kiểm tra hoạt động đào tạo Khoa Công nghệ thông tin năm học 2019–2020; 2020–2021; 2021–2022; **2.6.04** - Biên bản kiểm tra hoạt động đào tạo Khoa Công nghệ thông tin năm học 2019–2020; 2020–2021; 2021–2022)

Sau khi tổ chức hoạt động kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo kế hoạch đã xây dựng, Khoa đã có báo cáo đánh giá cụ thể từng mảng nội dung, công việc qua đó đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy học theo hướng hợp lý cho người học. Qua kết quả kiểm tra, Khoa đã phát huy những mặt mạnh, đề ra các biện pháp khắc phục những hạn chế để làm tốt hơn công tác đào tạo của Khoa trong thời gian tiếp theo. (**2.6.05** - Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra hoạt động đào tạo tại Khoa Công nghệ thông tin năm học 2019–2020; 2020–2021; 2021–2022)

Trên cơ sở kết quả kiểm tra hoạt động đào tạo, nhằm kịp thời khắc phục các điểm tồn tại, chấn chỉnh hoạt động dạy và học. Khoa đề xuất Phòng Quản lý đào tạo xây dựng Tiến độ đào tạo (điều chỉnh) và các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo trong báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra hoạt động đào tạo. (**2.2.07**– Tiến độ đào tạo điều chỉnh điều chỉnh năm học 2021 – 2022; **2.6.05** - Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra hoạt động đào tạo tại Khoa Công nghệ thông tin năm học 2019–2020; 2020–2021; 2021–2022)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.6 tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường được Tổng cục GDNN cấp phép đào tạo ở 2 cấp trình độ cao đẳng, trung cấp (**1.1.03** – Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN năm 2018, 2019, 2020, 2021).

Thực hiện Thông tư 27/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/9/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH về việc quy định về đào tạo liên thông giữa các trình độ trong GDNN, Nhà trường ban hành Quyết định số 176/QĐ-CĐKT ngày 18/6/2018 về việc phê duyệt và ban hành Quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp của trường (**2.7.01** – Quy định số 176/QĐ-CĐKT ngày 18/06/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội Quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong GDNN năm 2018).

Trên cơ sở các ngành/nghề được Tổng cục GDNN cấp phép đào tạo, Nhà trường đã xây dựng và ban hành Quyết định số 175/QĐ-CĐKT ngày 18/6/2018 của Hiệu trưởng về việc ban hành CTĐT liên thông, gồm các nghề: Tin học ứng dụng, Công nghệ thông tin (UDPM); Quyết định số 175/QĐ-CĐKT ngày 18/6/2020 ban hành 10 CTĐT nghề liên thông, trong đó có nghề Điện công nghiệp và nghề Công nghệ thông tin (UDPM) (**2.7.02** – Quyết định ban hành chương trình đào tạo liên thông năm 2018, 2020).

Căn cứ Quy chế tuyển sinh, Nhà trường đã có thông báo tuyển sinh đào tạo liên thông và báo cáo công tác đào tạo liên thông theo quy định (**2.1.02** - Quyết định ban hành Quy chế tuyển sinh năm 2020, 2021, 2022; **2.7.03** – Thông báo tuyển sinh đào tạo liên thông các năm 2019, 2020, 2021; **2.7.04** – Báo cáo công tác đào tạo liên thông các năm 2020, 2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.7 tiêu chí 2: 2 điểm

2.2.3 TIÊU CHÍ 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

Đánh giá tổng quát tiêu chí 3:

Mở đầu:

Để thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo, trong những năm qua nhà trường luôn quan tâm đúng mức đến việc xây dựng, đào tạo và phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý; đáp ứng theo chuẩn quy định đối với trường cao đẳng. Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định về tuyển dụng, đánh giá và chính sách đối với giáo viên, hàng năm nhà trường đều có kế hoạch tuyển dụng giáo viên, nhân viên thông qua hội đồng tuyển dụng viên chức, với các tiêu chí rõ ràng, minh bạch đảm bảo đúng quy định; Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, nghiệp vụ sư phạm; cử cán bộ quản lý đi học tập, bồi dưỡng các lớp quản lý nhà nước,

các lớp tập huấn. Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý nhà trường có trình độ cao, năng lực tốt, đảm bảo đạt chuẩn theo quy định, thực hiện tốt các nhiệm vụ giảng dạy.

*** Những điểm mạnh:**

Nhà trường luôn quan tâm đến việc xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ giáo viên và cán bộ quản lý. Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý của Khoa Công nghệ thông tin có tuổi đời bình quân trẻ, có năng lực tốt, đảm bảo tính kế thừa và phát triển của Khoa cũng như nhà trường.

Khoa Công nghệ thông tin có đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý có đủ về số lượng và đáp ứng các yêu cầu về giáo dục nghề nghiệp. cán bộ quản lý giáo viên của khoa có trình độ, năng lực tốt hoàn thành các nhiệm vụ giảng dạy mà nhà trường và của khoa giao. Giáo viên dạy các môn chuyên môn nghề tham gia nghiên cứu khoa học, tham gia hội giảng các cấp, hội thi thiết bị tự làm.

*** Những tồn tại:**

- Không có

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

- Trong những năm tiếp theo, khoa tiếp tục khuyến khích đội ngũ nhà giáo cải tiến phương pháp dạy học, tích cực tham gia vào các Hội thi các cấp.

Điểm đánh giá tiêu chí 3

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 3	16
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hiện nay, Nhà trường có 10 nhà giáo cơ hữu tham gia giảng dạy các môn chuyên môn nghề Công nghệ thông tin (ƯDPM) trình độ Cao đẳng. Ngoài ra còn có các nhà giáo giảng dạy các môn chung, môn cơ bản cơ sở, môn qua ban của nghề. Môn Giáo dục quốc phòng – An ninh Nhà trường ký Hợp đồng với Trường Đại học sư phạm thể dục thể thao Hà Nội tổ chức giảng dạy, 100% nhà giáo đảm bảo đạt chuẩn trở lên về trình độ chuyên môn được đào tạo, nghiệp vụ sư phạm, trình độ tin học, ngoại ngữ, kỹ

năng thực hành nghề đúng quy định theo Điều 32, Điều 33, Điều 34 và Điều 35 - Thông tư 08/2017/TT-BLĐT BXH. Đội ngũ nhà giáo của Nhà trường luôn tâm huyết với nghề, có phẩm chất chính trị vững vàng, có đạo đức nghề nghiệp, tác phong công nghiệp và lối sống lành mạnh (**3.1.01**- *Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo dạy nghề năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022*; **3.1.02** – *Hồ sơ quản lý nhà giáo dạy nghề Công nghệ thông tin (UDPM)*).

Hàng năm, Nhà trường đã triển khai đánh giá và phân loại nhà giáo theo Thông tư số 08/2017/TT – BLĐT BXH quy định về chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo GDNN. Kết quả đánh giá trong 3 năm qua: 100% giáo viên tham gia giảng dạy nghề Công nghệ thông tin (UDPM) trình độ cao đẳng đều được đánh giá đạt chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ (**3.1.03** – *Hồ sơ đánh giá, phân loại nhà giáo năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022*; **3.1.04** – *Bộ hợp đồng đào tạo môn Giáo dục quốc phòng và an ninh năm 2021, 2022* (**1.2.04** - *Báo cáo tổng kết Nhà trường và phương hướng nhiệm vụ năm học 2018 - 2019, 2019- 2020, 2020 - 2021*; **1.2.05** - *Báo cáo tổng kết của đơn vị năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020 – 2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 3: 02 điểm

Tiêu chuẩn 2: *Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đã căn cứ Thông tư 07/2017/TT - BLĐT BXH quy định chế độ làm việc của nhà giáo GDNN để xây dựng quy định chế độ làm việc nhà giáo GDNN. Trong đó quy định giờ chuẩn, thời gian giảng dạy, định mức giờ giảng, nhiệm vụ của giáo viên, thời gian làm việc, thời gian nghỉ hằng năm, chế độ làm việc, chế độ dạy thêm, giám giờ giảng và quy đổi các hoạt động chuyên môn khác ra giờ chuẩn, trong đó quy định định mức giờ giảng của nhà giáo GDNN giảng dạy trình độ cao đẳng, trung cấp là: 450 giờ chuẩn/năm học. Ngoài ra Trường còn ban hành Quyết định số 221a/QĐ-CĐKT ngày 20/5/2019 của Hiệu trưởng ban hành Quy định Chế độ làm việc của Nhà giáo GDNN của Nhà trường. Nghị định số 143/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 46/2016/TT- BLĐT BXH quy định về Điều lệ của trường cao đẳng, trường đã xây dựng và ban hành Quy chế tổ chức hoạt động trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội theo Quyết định số 603/QĐ-CĐKT ngày 21/11/2017 và Quyết định số 23/QĐ-CĐKT ngày 14/1/2022. Trong đó có quy định nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, nhà giáo, viên chức cũng như của các đơn vị trực thuộc. Quy chế có 41 Điều, trong đó Điều 26: Nhiệm vụ, quyền hạn của giảng viên; Điều 27: Nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ quản lý, viên chức, người lao động. Quy chế có hiệu lực từ ngày 01/12/2017 (**3.2.01**- *Quyết định số 221a/QĐ-CĐKT ngày 20/5/2019 của Hiệu trưởng ban hành Quy định Chế độ làm việc của Nhà giáo GDNN của Nhà trường*; **1.1.02** - *Quyết định số 603/QĐ-CĐKT ngày 21/11/2017 của Hiệu trưởng ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Nhà trường*;

Quyết định số 23/QĐ-CDKT ngày 14/1/2022 của Hiệu trưởng ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Nhà trường; 3.2.02 - Bảng phân công nhiệm vụ Khoa Công nghệ thông tin năm 2020, 2021, 2022).

Nội dung khối lượng chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin (UDPM) trình độ cao đẳng do 100% các giáo viên cơ hữu của Nhà trường đảm nhận, không sử dụng nhà giáo kiêm nhiệm và thỉnh giảng (**3.1.01**- *Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo dạy nghề năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; 2.2.03 - Kế hoạch đào tạo năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; 2.2.04 – Tiến độ đào tạo các năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021 – 2022; 2.2.05 – Kế hoạch giáo viên năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; 2.2.08 – Kế hoạch giảng dạy của giáo viên năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; 2.2.09 – Giáo án giảng dạy của giáo viên năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; 2.2.10– Sổ lên lớp năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; 2.2.11 - Sổ tay giáo viên năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022).*

Căn cứ Nghị định số 56/2015/NĐ-CP; Nghị định số 88/2018/NĐ-CP, Nghị định số 90/2020/NĐ-CP về việc đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức; Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo GDNN. Hàng năm, căn cứ thông báo thực hiện đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức của nhà trường, các giáo viên làm bản tự đánh giá theo mẫu, khoa tổ chức họp bình xét xếp loại công khai. Biên bản và báo cáo tổng hợp xếp loại được gửi về Phòng Tổ chức - Hành chính tổng hợp trình Hội đồng thi đua. Hội đồng thi đua họp xem xét, đánh giá và xếp loại. Kết quả xếp loại được thông báo công khai qua trang thông tin điện tử của trường đến toàn thể cán bộ, viên chức trong toàn trường. Sau khi xử lý các ý kiến phản hồi (nếu có), Hiệu trưởng ra quyết định công nhận kết quả đánh giá, xếp loại giáo viên, viên chức và người lao động. Trong 3 năm qua, 100 % giáo viên dạy nghề Công nghệ thông tin (UDPM) trình độ cao đẳng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Giáo viên thỉnh giảng hoàn thành nhiệm vụ theo đúng hợp đồng ký kết với Nhà trường, đảm bảo chuẩn chuyên môn nghiệp vụ và thực hiện giảng dạy theo đúng quy định (**3.2.03 – Quyết định số 325/QĐ/CDKT ngày 09/8/2019 v/v ban hành các quy trình bảo đảm chất lượng đợt 2, trong đó có Quy trình số 7 đánh giá, phân loại VC và người Lao động; 3.1.01 - Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo dạy nghề năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; 3.2.04 – Hồ sơ đánh giá, xếp loại nhà giáo năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; 3.2.05 – Quyết định công nhận danh hiệu thi đua cho tập thể và cá nhân năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; 1.2.07 – Quyết định công nhận danh hiệu thi đua cho tập thể và cá nhân năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; (1.2.04 - Báo cáo tổng kết Nhà trường và phương hướng nhiệm vụ năm học 2018 - 2019, 2019- 2020, 2020 - 2021; 3.2.06 – Báo cáo tổng kết công tác thanh tra đào tạo năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022).**

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 3 tiêu chí 3: 02 điểm

Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các môn học, mô đun thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

*** Đảm bảo tất cả các mô - đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp**

Chương trình ban hành năm 2018 thời gian đào tạo trong 2,5 năm có 34 MH/MĐ, với tổng số 92 tín chỉ, tổng số giờ thực hiện là 2.130 giờ.

Chương trình ban hành năm 2019 thời gian đào tạo trong 2,5 năm có 31 MH/MĐ, với tổng số 92 tín chỉ, tổng số giờ thực hiện là 2325 giờ (**1.1.01** - Quyết định số 88/CDKT ngày 18/5/2017 về việc ban hành CTĐT năm 2017; Quyết định số 402/QĐ-CDKT ngày 24/5/2019 về việc ban hành CTĐT năm 2019; Quyết định số 188/QĐ- CDKT ngày 25/05/2022 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2022).

100 % các MĐ/MH thuộc chương trình đào tạo đều có đủ giáo viên đứng lớp (**3.1.01**- Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo dạy nghề năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; **2.2.03** - Kế hoạch đào tạo năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; **2.2.04** – Tiến độ đào tạo các năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021 – 2022; **2.2.05** – Kế hoạch giáo viên năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; **2.2.08** – Kế hoạch giảng dạy của giáo viên năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; **2.2.09** - Giáo án giảng dạy của giáo viên năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; **2.2.10** - Sổ lên lớp năm học 2019–2020; 2020–2021; 2021–2022; **2.2.11** - Sổ tay giáo viên năm học 2019–2020; 2020–2021; 2021–2022).

Đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp

Căn cứ Thông tư 07/2017/BLĐTBXH ngày 10/3/2017 của Bộ LĐTBXH về hướng dẫn chế độ làm việc của giảng viên, Nhà trường đã ban hành Quy định Chế độ làm việc của Nhà giáo GDNN của Nhà trường, đảm bảo lớp học lý thuyết không quá 35 HSSV; lớp học thực hành không quá 18 HSSV (**3.2.01**- Quyết định số 221a/QĐ-CDKT ngày 20/5/2019 của Hiệu trưởng ban hành Quy định Chế độ làm việc của Nhà giáo GDNN của Nhà trường).

100% các lớp học đảm bảo theo đúng quy định. Đối với học các MH lý thuyết, các lớp không quá 35 học sinh/ lớp. Đối với học thực hành, lớp có trên 18 học sinh, khi xây dựng tiến độ đào tạo Nhà trường đều chia ca để tổ chức giảng dạy (18 HSSV/1 ca), đảm bảo các lớp học thực hành đều không quá 18 học sinh/1ca Khoa Công nghệ thông tin căn cứ Tiến độ đào tạo và Thời khóa biểu, đã tổ chức giảng dạy đảm bảo đúng quy định tại khoản 4 điều 2 Thông tư số 07/2017/TT - BLĐTBXH quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp (**2.1.14** - Danh sách HSSV nhập học và quyết định phân lớp năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; **2.2.03** - Kế hoạch đào tạo

năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; **2.2.04** – Tiến độ đào tạo các năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021 – 2022; **2.2.05** – Kế hoạch giáo viên năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; **2.2.08**– Kế hoạch giảng dạy của giáo viên năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; **2.2.9** – Giáo án giảng dạy của giáo viên năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; **2.2.10** – Sổ lên lớp năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; **2.2.11** - Sổ tay giáo viên năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022).

*** Tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.**

Trong 3 năm học 2019 - 2020, 2020 – 2021, 2021-2022, Trường không bố trí giáo viên kiêm nhiệm giảng dạy nghề Công nghệ thông tin (UDPM) trình độ cao đẳng. Tỷ lệ HSSV/GV 3 năm qua đều đảm bảo theo quy định, dưới 25 HS/1 GV. Trong 3 năm, không có nhà giáo nào dạy nghề Công nghệ thông tin (UDPM) trình độ cao đẳng dạy vượt quá 200h/năm học theo quy định của Nhà nước (**3.3.01** – Bảng tổng hợp số giờ giảng dạy của đội ngũ nhà giáo dạy nghề Công nghệ thông tin (UDPM) trình độ Cao đẳng năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; **3.3.02** - Các kế hoạch thực hiện nhiệm vụ khác của nhà giáo theo năm học 2019 – 2020; 2020 -2021, 2021-2022).

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 4 tiêu chí 3: 02 điểm

Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong 3 năm qua, tập thể giáo viên dạy nghề Công nghệ thông tin (UDPM) tham gia nghiên cứu khoa học cụ thể như sau:

Năm học 2019-2020: Trên 50 % giáo viên cơ hữu có các đề tài NCKH và sáng kiến cải tiến kỹ thuật cấp Trường đã được nghiệm thu và triển khai ứng dụng dạy các môn chuyên môn ngành/nghề.

Năm học 2020-2021: Trên 50 % giáo viên cơ hữu có các đề tài NCKH và sáng kiến cải tiến kỹ thuật cấp Trường đã được nghiệm thu và triển khai ứng dụng dạy các môn chuyên môn ngành/nghề .

Năm học 2021-2022: Trên 50 % giáo viên cơ hữu có các đề tài NCKH và sáng kiến cải tiến kỹ thuật cấp Trường đã được nghiệm thu và triển khai ứng dụng dạy các môn chuyên môn ngành/nghề (**3.4.01** - Các quyết định công nhận đề tài NCKH, đạt thành tích tại hội giảng các cấp, hội thi thiết bị tự làm các cấp và sáng cải tiến kỹ thuật năm học 2019 – 2020; 2020 -2021, 2021-2022; **3.4.02** - Thông báo đăng ký đề tài nghiên cứu khoa học năm học 2019 – 2020; 2020 -2021, 2021-2022; **3.4.03** - Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu đề tài NCKH & SKCT, Ban giám khảo Nhà trường năm học 2019 – 2020; 2020 -2021, 2021-2022; **3.4.04** - Hồ sơ thuyết minh khoa học năm học

2019 – 2020; 2020 -2021, 2021-2022; **3.4.05** - *Biên bản họp nghiệm thu đề tài khoa học và sáng cải tiến kỹ thuật năm học 2019 – 2020; 2020 -2021, 2021-2022).*

Hội giảng là hoạt động thường niên của Nhà trường, nhằm kiểm tra, đánh giá trình độ, năng lực của giáo viên. Thông qua Hội giảng, giáo viên có thể học tập, trao đổi kinh nghiệm, củng cố kiến thức, nội dung bài giảng để chủ động, tích cực đổi mới nội dung, kết hợp và sử dụng linh hoạt các phương pháp, phương tiện dạy học; vận dụng phương pháp dạy học tích cực, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và thúc đẩy phong trào dạy tốt, học tốt trong Nhà trường. Theo quy chế Hội giảng của Trường, 100% giáo viên của Khoa Công nghệ thông tin đều tham gia Hội giảng cấp khoa. Các giáo viên tham gia Hội giảng cấp trường được lựa chọn từ Hội giảng cấp khoa. (**3.4.06** - *Kế hoạch hội giảng năm học 2019 - 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; 3.4.07- Hồ sơ hội giảng các cấp; 3.4.08 – Các Quyết định công nhận giáo viên đạt giải trong hội giảng nhà giáo GDNN các cấp năm học 2019 - 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; 3.4.09– Giấy khen, bằng khen của nhà giáo dạy nghề Công nghệ thông tin (UDPM) năm học 2019 - 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; 3.4.10 - Các quyết định khen thưởng cá nhân đạt giải tại Hội thi thiết bị đào tạo tự làm, Hội giảng các cấp năm học 2019 - 2020, 2020 – 2021, 2021-2022)*

Ngoài phong trào thi đua dạy tốt học tốt, Nhà trường còn khuyến khích các giáo viên tham gia xây dựng và cải tiến các thiết bị dạy nghề tự làm phục vụ giảng dạy góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Các thiết bị tự làm của các giáo viên trong khoa đều có tính ứng dụng thực tiễn cao và đã được đưa vào phục vụ công tác giảng dạy và học tập tại ở khoa. (**3.4.10** - *Các quyết định khen thưởng cá nhân đạt giải tại Hội thi thiết bị đào tạo tự làm, Hội giảng các cấp năm học 2019 - 2020, 2020 – 2021, 2021-2022)*

Đối chiếu với nội hàm tiêu chuẩn, hàng năm có tối thiểu 50 % nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp. Nhà trường tự đánh giá đạt yêu cầu.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 3: 02 điểm

Tiêu chuẩn 5: *Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Thông tư 06/2017/TT-BLĐTBXH quy định về tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng đối với nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, đồng thời để đạt được trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đào tạo nghề được chọn đầu tư cấp độ quốc tế, cấp độ khu vực, Trường rất chú trọng bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề, chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên nghề Công nghệ thông tin (UDPM) Căn cứ vào tình hình thực tế, Khoa lập danh sách đề xuất các nhà giáo có nhu cầu học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ về mọi mặt gửi về Phòng Tổ chức – Hành chính, tổng hợp và trình Hiệu trưởng phê duyệt Kế

hoạch học tập, bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên. Công tác đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo đã được nhà trường triển khai theo kế hoạch đã dự kiến và các nhà giáo có danh sách đi học tập, bồi dưỡng hàng năm đều được tạo điều kiện tham gia. Ngoài ra, nhà trường còn thực hiện công tác tự đào tạo bồi dưỡng giáo viên hàng năm như: tổ chức hội giảng và tham gia hội giảng do địa phương, Bộ ngành và Tổng cục Giáo dục Nghề nghiệp tổ chức; sinh hoạt nghiệp vụ, khuyến khích nhà giáo tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học, tự làm thiết bị đào tạo. (3.5.01 – Kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng của đội ngũ nhà giáo 2019, 2020, 2021, 2022; 3.5.02- Bảng thống kê danh sách giáo viên đi tập huấn, hội thảo năm 2020, 2021, 2022; 3.5.03 – Quyết định cử nhà giáo đi học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ năm 2019, 2020, 2021, 2022; 3.5.04 - Hồ sơ mở lớp bồi dưỡng cho nhà giáo; 3.5.05– Văn bằng chứng chỉ sau khi hoàn thành khóa học năm 2019, 2020, 2021, 2022; 3.5.06 – Báo cáo kết quả học tập bồi dưỡng của các nhà giáo năm 2019, 2020, 2021).

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 6, tiêu chí 3: 02 điểm

Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Thông tư 07/2017/TT – BLĐT BXH, Trường đã ban hành Quy định về chế độ làm việc của nhà giáo. Theo quy định này, hàng năm Nhà giáo phải thực tập tại doanh nghiệp hoặc cơ quan chuyên môn: 04 tuần đối với nhà giáo dạy trình độ cao đẳng, trung cấp để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất. Hàng năm, Nhà trường giao cho các khoa chủ động đề xuất cử giáo viên đi bồi dưỡng, thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động để bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý theo quy định (3.2.01- Quyết định số 221a/QĐ-CĐKT ngày 20/5/2019 của Hiệu trưởng ban hành Quy định Chế độ làm việc của Nhà giáo GDNN của Nhà trường).

Hàng năm, căn cứ kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo, mỗi giáo viên tự xây dựng kế hoạch đi thực tập tại cơ quan, doanh nghiệp đảm bảo theo quy định 4 tuần/1 năm đối với giáo viên dạy trình độ cao đẳng, với nội dung cụ thể trình lãnh đạo khoa cho ý kiến trước khi được Giám hiệu phê duyệt (3.6.01 – Quyết định cử giáo viên đi thực tập tại doanh nghiệp năm 2020, 2021, 2022; 3.6.02 - Các kế hoạch thực tập doanh nghiệp của Nhà giáo năm 2020, 2021, 2022; 3.1.01 – Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo nghề Công nghệ thông tin năm 2020, 2021, 2022).

Hàng năm, Nhà trường giao nhiệm vụ cho Khoa liên hệ trực tiếp với các doanh nghiệp để nhà giáo có cơ hội tiếp cận thực tế sản xuất, bổ sung kinh nghiệm nghề nghiệp, nắm bắt dây chuyền, công nghệ, trang thiết bị máy móc hiện đại, phương pháp tổ chức

quản lý sản xuất để đề xuất Nhà trường cải tiến, đổi mới nội dung chương trình đào tạo sát thực tiễn sản xuất; đồng thời để đầu tư mua sắm trang thiết bị đào tạo cho phù hợp với công nghệ, tiến bộ KHKT.

100% giáo viên cơ hữu giảng dạy chuyên môn nghề Công nghệ thông tin (UDPM) trình độ cao đẳng được đi thực tế tại các đơn vị sử dụng lao động nhằm cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất. Trường đã cử đội ngũ nhà giáo tham gia thực tập thực tế tại các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực đào tạo của nhà trường. Các nhà giáo sau khi đi thực tập trải nghiệm tại các doanh nghiệp đều có báo cáo kết quả với Nhà trường (3.6.03 – Các báo cáo thực tập trải nghiệm của nhà giáo tại doanh nghiệp năm 2020, 2021, 2022).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 3: 02 điểm

Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp tham gia tổ chức thực hiện chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin (UDPM) trình độ cao đẳng thuộc các phòng, khoa: Phòng Tổ chức – Hành chính, phòng Tài chính – Kế toán, Phòng Quản lý đào tạo, Phòng Công tác Học sinh – Sinh viên, Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo, Phòng Quản trị; khoa gồm: khoa Ngoại ngữ và Khoa học cơ bản, khoa Luật và Lý luận chính trị, Khoa Công nghệ thông tin, Khoa Giáo dục thể chất và Quốc phòng an ninh, Khoa Kỹ thuật - Công nghệ; Trung tâm Hợp tác doanh nghiệp và Hỗ trợ việc làm sinh viên, Trung tâm Tuyển sinh và Hợp tác đào tạo (3.7.01- Danh sách trích ngang cán bộ quản lý và nhân viên năm 2020, 2021, 2022).

100% cán bộ quản lý và nhân viên tham gia trực tiếp đến quá trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin (UDPM) trình độ Cao đẳng năng lực chuyên môn của cán bộ quản lý và nhân viên của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định và phù hợp với từng vị trí việc làm. Cụ thể như: Trưởng khoa Khoa Công nghệ thông tin Hoàng Thị Hải, trình độ Thạc sỹ chuyên ngành Công nghệ thông tin. Trưởng phòng Quản lý Đào tạo là ông Lê Huy Hoàng trình độ Thạc sỹ, thâm niên giảng dạy trên 20 năm. Trưởng phòng TCKT, Kế toán trưởng là cô Trịnh Thị Thu Nguyệt được bổ nhiệm theo đúng quy định tại Thông tư liên tịch số 163/2013/TTLT-BTC-BNV: Có bằng Cử nhân kế toán; Chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng. Cán bộ Y tế: Cô Hoàng Hải Yến, nhân viên Y tế tại cơ sở 1 - Điều dưỡng đa khoa theo bằng TCNN số 10/0158 ngày 10/10/2010 do trường TC Y tế An Khánh cấp. Cô Nguyễn Thị Yến; Có bằng Y tá trung học do trường Trung học Y tế cấp. Chuyên viên phòng Tổ chức hành chính, phụ trách văn thư. Cô Trần Thị Bẩy, cử nhân khoa học (số bằng 81910 ngày 10/7/2001, trường ĐH SP Hà Nội)

(3.7.02- Quy định tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo các đơn vị trong Nhà trường; 3.7.03 - Hồ sơ của cán bộ quản lý và nhân viên).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 3: 02 điểm

Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đối với đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp tham gia tổ chức thực hiện chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin (UDPM) trình độ Cao đẳng (3.7.01- Danh sách trích ngang cán bộ quản lý, nhân viên năm học 2019 - 2020, 2020- 2021, 2021-2022).

Để đánh giá cán bộ quản lý và nhân viên cuối năm học, Nhà trường ra thông báo đánh giá, xếp loại lao động. Căn cứ vào đó các đơn vị tổ chức cho cán bộ, nhân viên tự xếp loại, các đơn vị căn cứ vào mức độ hoàn thành công việc của từng cá nhân và nhận xét, gửi về Phòng Tổ chức – Hành chính, sau đó Nhà trường tổ chức đánh giá, xếp loại lao động. Kết quả đánh giá công chức, viên chức cán bộ quản lý, nhân viên trường liên quan đến tổ chức đào tạo nghề Công nghệ thông tin (UDPM) trong 3 năm qua đều hoàn thành, hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt tỷ lệ 100% (3.8.01 - Bản tự nhận xét đánh giá, xếp loại của cán bộ quản lý và nhân viên năm học 2019 - 2020, 2020- 2021, 2021-2022; 3.8.02 - Quyết định đánh giá xếp loại lao động của cán bộ quản lý và nhân viên năm học 2019 - 2020, 2020- 2021, 2021-2022; 1.2.04 - Báo cáo tổng kết Nhà trường và phương hướng nhiệm vụ năm học 2018 - 2019, 2019- 2020, 2020 - 2021).

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 8 tiêu chí 3: 02 điểm

2.2.4. TIÊU CHÍ 4: Chương trình, giáo trình

Đánh giá tổng quát tiêu chí 4:

Mở đầu:

Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội đào tạo nghề Công nghệ thông tin (UDPM) trình độ cao đẳng từ năm 2018. Chương trình đào tạo Công nghệ thông tin (UDPM) của Nhà trường được xây dựng và điều chỉnh hàng năm theo quy định của Luật GDNN và các văn bản hiện hành của Bộ LĐTBXH, do đó đảm bảo thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng MH/MĐ từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.

Song song với việc xây dựng, điều chỉnh, phát triển chương trình đào tạo, khoa Kỹ thuật – Công nghệ đã triển khai kế hoạch biên soạn giáo trình, bài giảng các MH/MĐ, tổ chức thẩm định toàn bộ các giáo trình MH/MĐ do giáo viên trong Khoa biên soạn.

Các giáo trình, bài giảng và tài liệu giảng dạy hiện có đã cụ thể hoá yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng, thái độ cần đạt trong chương trình dạy nghề và tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

*** Những điểm mạnh:**

Chương trình đào tạo đáp ứng tốt các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng của từng trình độ, thường xuyên được rà soát, bổ sung, điều chỉnh và hoàn thiện nhằm đáp ứng yêu cầu của người học và của thị trường lao động;

Nhà trường có đầy đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của chương trình dạy nghề và được biên soạn, lựa chọn đúng theo quy định;

Giáo trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin (UDPM) được tổ chức xây dựng, lựa chọn, thẩm định phê duyệt với quy trình chặt chẽ. Có văn bản phản biện của các thành viên trong Hội đồng nghiệm thu và nhận xét đánh giá của nhà giáo, cán bộ quản lý, chuyên gia từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và HSSV về chất lượng từng giáo trình đáp ứng từng bước yêu cầu đổi mới về nội dung và phương pháp dạy học.

*** Những tồn tại: Không có**

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

- Trong giai đoạn 2023 - 2025, Nhà trường tiếp tục thực hiện biên soạn, chỉnh sửa, cải tiến giáo trình nội bộ đảm bảo chất lượng, tăng cường được khả năng tự học của HSSV

Điểm đánh giá tiêu chí 4

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 4:	24
Tiêu chuẩn 1:	2
Tiêu chuẩn 2:	2
Tiêu chuẩn 3:	2
Tiêu chuẩn 4:	2
Tiêu chuẩn 5:	2
Tiêu chuẩn 6:	2
Tiêu chuẩn 7:	2
Tiêu chuẩn 8:	2
Tiêu chuẩn 9:	2
Tiêu chuẩn 10:	2
Tiêu chuẩn 11:	2
Tiêu chuẩn 12:	2

Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội được cấp giấy phép đào tạo nghề Công nghệ thông tin (UDPM) trình độ cao đẳng theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề số 144b/2017/GCĐKBS-TCGDNN ngày 18/7/2018; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 37/2019/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 20/5/2019; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 133/2019/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 26/11/2019; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 133a/2019/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 11/5/2020; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 133b/2019/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 29/6/2020; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 148/2020/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 24/12/2020; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 102/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 01/11/2021 (**2.1.01** – *Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN các năm 2018, 2019, 2020, 2021*).

Từ năm 2018 đến nay, Trường có các đợt xây dựng, lựa chọn, điều chỉnh chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin (UDPM) trình độ Cao đẳng, cụ thể như sau:

- Năm 2018, Nhà trường thực hiện xây dựng chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin (UDPM) trình độ Cao đẳng theo Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ LĐTBXH.

- Năm 2019, thực hiện rà soát, đánh giá, cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo đã ban hành từ năm 2017 đến thời điểm rà soát, đánh giá; trong đó có nghề Công nghệ thông tin (UDPM).

- Năm 2022, thực hiện rà soát, đánh giá, cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo đã ban hành từ năm 2019 đến thời điểm rà soát, đánh giá; trong đó có nghề Công nghệ thông tin (UDPM).

Nhà trường đã thực hiện cụ thể như sau:

+ Thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo: Quyết định số 08/QĐ-CĐKT, ngày 06 tháng 02 năm 2018 về việc thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng năm 2018. Quyết định số 119/QĐ-CĐKT, ngày 19 tháng 02 năm 2019 về việc thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng mới và chỉnh sửa chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng năm 2019 (**4.1.01** - *Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo năm 2018, 2019*).

+ Lập kế hoạch xây dựng, rà soát chỉnh sửa chương trình đào tạo: Kế hoạch số 116/KH-CĐKT ngày 06/02/2018 về việc xây dựng chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2018; Kế hoạch số 05/KH-CĐKT ngày 03/01/2019 về việc rà soát chương trình đào tạo năm 2019; Kế hoạch số 37/KH-CĐKT ngày 19/02/2019 về việc xây dựng mới và chỉnh sửa chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2019; Kế hoạch số 36/KH-CĐKT ngày 25/02/2022 về việc rà soát chương trình đào tạo năm 2022; Quyết định số 42/QĐ-CĐKT ngày 25/02/2022 về việc thành lập Hội đồng rà soát chương trình đào tạo năm 2022; Biên bản họp rà soát chương trình đào tạo ngày

25/03/2022 (**4.1.02** - Kế hoạch xây dựng, rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo các năm 2018, 2019, 2022; Quyết định thành lập Hội đồng rà soát chương trình đào tạo năm 2022; Biên bản họp rà soát chương trình đào tạo 2022).

+ Tổ chức xây dựng chương trình đào tạo đúng theo quy định như: Xây dựng chương trình đào tạo; Tổ chức hội thảo lấy ý kiến chuyên gia, giảng viên, cán bộ quản lý, các nhà khoa học, đơn vị sử dụng lao động về chương trình đào tạo; Hoàn chỉnh dự thảo chương trình đào tạo (**4.1.03** - Hồ sơ xây dựng chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp các năm 2018, 2019).

+ Thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và tổ chức thẩm định theo quy định: Quyết định số 67/QĐ-CĐKT ngày 18/04/2018 về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng năm 2018; Quyết định số 59/QĐ-CĐKT ngày 21/04/2019 về việc lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng năm 2019 (**4.1.04** – Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT các năm 2018, 2019; **4.1.05** - Danh sách trích ngang thành viên Hội đồng thẩm định các năm 2018, 2019; **4.1.06** - Biên bản thẩm định chương trình đào tạo các năm 2018, 2019; **4.1.07** - Bản nhận xét, đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo tiêu chí các năm 2018, 2019).

+ Ban hành các chương trình đào tạo: Quyết định số 88/QĐ-CĐKT ngày 18/05/2018 của Hiệu trưởng nhà trường về việc phê duyệt và ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2018; Quyết định số 402/QĐ- CĐKT ngày 24/05/2019 của Hiệu trưởng nhà trường về việc phê duyệt ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2019 (sau rà soát, chỉnh sửa); Quyết định số 188/QĐ- CĐKT ngày 25/05/2022 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2022 (sau rà soát, chỉnh sửa). (**4.1.08** - Quyết định số ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng các năm 2018, 2019, 2022 (bao gồm cả Chương trình chi tiết các môn học, mô đun))

Trong quá trình xây dựng; rà soát, chỉnh sửa, đánh giá và cập nhật CTĐT, Trường đã thực hiện đầy đủ các bước theo đúng quy trình quy định: thành lập Ban chủ nhiệm đảm bảo thành phần, số lượng; tổ chức hội thảo; xin ý kiến chuyên gia là giáo viên, giảng viên thuộc các cơ sở GDNN khác có cùng ngành nghề đào tạo. Đồng thời, đối với thẩm định và ban hành, các thành viên Hội đồng thẩm định đều là những giáo viên được đào tạo đúng chuyên ngành, có thâm niên công tác, có kinh nghiệm trong biên soạn chương trình, giáo trình. Các thành viên Hội đồng thẩm định đều là các cán bộ quản lý, giáo viên có kinh nghiệm, đại diện cơ quan quản lý nhà nước là Sở Lao động Thương binh và Xã hội, đại diện các Trường bên ngoài, đại diện các doanh nghiệp, tất cả các đối tượng trên đều có thâm niên tối thiểu 5 năm hoạt động trong lĩnh vực của mình.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 4: 02 điểm

Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình

xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ LĐTBXH “Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng”; Điều 10. Ban chủ nhiệm/Tổ biên soạn chương trình đào tạo và Điều 11. Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo. Nhà trường có Quy trình xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo (**4.2.01** - *Quy trình xây dựng chương trình đào tạo; quy trình bổ sung, chỉnh sửa chương trình đào tạo*). Theo quy định và các hướng dẫn rà soát điều chỉnh xây dựng chương trình hằng năm, Nhà trường đã mời có ít nhất 02 đại diện doanh nghiệp tham gia vào quá trình xây dựng, thẩm định chương trình (**4.1.01** - *Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo năm 2018, 2019; 4.1.03* - *Hồ sơ xây dựng chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp năm 2018, 2019; 4.1.04* – *Quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo các năm 2018, 2019; 4.1.05* - *Danh sách trích ngang thành viên Hội đồng thẩm định các năm 2018, 2019; 4.1.06* - *Biên bản thẩm định chương trình đào tạo các năm 2018, 2019; 4.1.07* – *Bản nhận xét, đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo tiêu chí các năm 2018, 2019*).

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 2, tiêu chí 4: 02 điểm

Tiêu chuẩn 3: *Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; các chương trình đào tạo của nhà trường xây dựng, chuyển đổi đều xác định rõ mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu năng lực của người học đạt được sau khi tốt nghiệp.

Cụ thể:

Chương trình Công nghệ thông tin (UDPM) năm 2018:

- Số lượng môn học, mô đun: 31 (bao gồm 2 môn tự chọn)
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 92 tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 450 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 2.100 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 755 giờ;
- Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.261 giờ

Chương trình Công nghệ thông tin (UDPM) năm 2019:

- Số lượng môn học, mô đun: 28
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 92 tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 2.295 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 662 giờ;
 - Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.556 giờ
- Chương trình Công nghệ thông tin (UDPM) năm 2022:
- Số lượng môn học, mô đun: 28
 - Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 92 tín chỉ
 - Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ
 - Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 2.295 giờ
 - Khối lượng lý thuyết: 662 giờ;
 - Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.556 giờ

Yêu cầu về năng lực được thể hiện tại mục 1.2 phụ lục 01 với đầy đủ nội dung yêu cầu về cả lý thuyết cũng như thực hành.

Quyết định số 88/QĐ-CDKT ngày 18/05/2018 của Hiệu trưởng nhà trường về việc phê duyệt và ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2018; Quyết định số 402/QĐ- CDKT ngày 24/05/2019 của Hiệu trưởng nhà trường về việc phê duyệt ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2019 (sau rà soát, chỉnh sửa); Quyết định số 188/QĐ- CDKT ngày 25/05/2022 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2022 (sau rà soát, chỉnh sửa) (**1.1.01** - *Quyết định số 88/CDKT ngày 18/5/2017 về việc ban hành CTĐT năm 2017; Quyết định số 402/QĐ-CDKT ngày 24/5/2019 về việc ban hành CTĐT năm 2019; Quyết định số 188/QĐ- CDKT ngày 25/05/2022 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2022*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 4: 02 điểm

Tiêu chuẩn 4: *Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu GDNN*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện Điều 3 mục 2 Thông tư 03/2017/BLĐTBXH, CTĐT của Nhà trường khi xây dựng, chỉnh sửa đều thể hiện rõ sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các MH/MĐ để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp. CTĐT nghề Công nghệ thông tin (UDPM) trình độ cao đẳng thể hiện sự phân bổ thời gian và trình tự thực hiện đảm bảo đúng quy định. Cụ thể:

- Thể hiện được sự phân bổ thời gian. Mục 3. Nội dung chương trình/ Thời gian môn học, mô đun (giờ).
- Thể hiện được trình tự thực hiện các mô đun, môn học và được thể hiện bằng sơ đồ mối liên hệ và tiến trình đào tạo các MĐ/MH trong chương trình đào tạo.

Quyết định số 88/QĐ-CDKT ngày 18/05/2018 của Hiệu trưởng nhà trường về việc phê duyệt và ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2018; Quyết định số 402/QĐ- CDKT ngày 24/05/2019 của Hiệu trưởng nhà trường về việc phê duyệt ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2019 (sau rà

soát, chỉnh sửa); Quyết định số 188/QĐ- CĐKT ngày 25/05/2022 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2022 (sau rà soát, chỉnh sửa). *(1.1.01 - Quyết định số 88/CĐKT ngày 18/5/2017 về việc ban hành CTĐT năm 2017; Quyết định số 402/QĐ-CĐKT ngày 24/5/2019 về việc ban hành CTĐT năm 2019; Quyết định số 188/QĐ- CĐKT ngày 25/05/2022 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2022)*

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 4, tiêu chí 4: 02 điểm

Tiêu chuẩn 5: *Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ nhà giáo để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

100% các môn học/mô đun của CTĐT nghề Công nghệ thông tin (UDPM) trình độ cao đẳng đều có các yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, cụ thể tại mục IV Điều kiện thực hiện môn học gồm đầy đủ các yêu cầu về 1. Phòng học, 2. Trang thiết bị, 3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu. 4. Các điều kiện khác

Quyết định số 88/QĐ-CĐKT ngày 18/05/2018 của Hiệu trưởng nhà trường về việc phê duyệt và ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2018; Quyết định số 402/QĐ- CĐKT ngày 24/05/2019 của Hiệu trưởng nhà trường về việc phê duyệt ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2019 (sau rà soát, chỉnh sửa); Quyết định số 188/QĐ- CĐKT ngày 25/05/2022 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2022 (sau rà soát, chỉnh sửa). *(1.1.01 - Quyết định số 88/CĐKT ngày 18/5/2017 về việc ban hành CTĐT năm 2017; Quyết định số 402/QĐ-CĐKT ngày 24/5/2019 về việc ban hành CTĐT năm 2019; Quyết định số 188/QĐ- CĐKT ngày 25/05/2022 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2022)*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 4: 02 điểm

Tiêu chuẩn 6: *Chương trình đào tạo thực hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong môn học, mô đun của chương trình đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin (UDPM) trình độ Cao đẳng năm 2017 có 25 MH/MĐ; năm 2019 có 28 MĐ/MH. Mỗi chương trình chi tiết môn học, mô đun đều xác định yêu cầu năng lực đạt được về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, làm việc độc lập, theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện công việc thay đổi; có quy định cụ thể phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô đun, môn học được thể hiện ở Mục V: Nội dung và phương pháp đánh giá. *(1.1.01 - Quyết định số 88/CĐKT ngày 18/5/2017 về việc ban hành CTĐT năm 2017; Quyết định số*

402/QĐ-CDKT ngày 24/5/2019 về việc ban hành CTĐT năm 2019; Quyết định số 188/QĐ-CDKT ngày 25/05/2022 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2022)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 4: 02 điểm

Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất dịch vụ.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin (UDPM) trình độ cao đẳng được xây dựng trên cơ sở thu thập thông tin thị trường lao động thành phố Hà Nội, qua sàn giao dịch việc làm của thành phố Hà Nội tại địa chỉ website <https://vieclamhanoi.vn/>, qua thông tin tuyển dụng của đơn vị sử dụng lao động, thông qua ngày hội việc làm, tiếp xúc giữa nhà trường với các nhà tuyển dụng (4.7.01 – Hình ảnh Website sàn giao dịch việc làm Hà Nội; 4.7.02– Các Thông báo tuyển dụng nghề Công nghệ thông tin (UDPM) năm 2019, 2020, 2021, 2022; 4.7.03 - Kế hoạch tổ chức Lễ bế giảng và Ngày hội việc làm cho HSSV năm 2020, 2021, 2022; 4.7.04 - Hình ảnh Lễ bế giảng và Ngày hội việc làm cho HSSV năm 2019, 2020, 2022). Các thông tin thu được qua các kênh này ngoài nhu cầu tuyển dụng còn mô tả sơ bộ vị trí việc làm, các yêu cầu của doanh nghiệp đối với ứng viên như: kỹ năng, năng lực tự chủ, kiến thức,...

Để chương trình đào tạo phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất dịch vụ, ngay từ khi xây dựng chương trình Trường đã chủ động mời đại diện doanh nghiệp tham gia ban chủ nhiệm xây dựng CTĐT, tham gia hội thảo đóng góp ý kiến cho dự thảo chương trình và tham gia thẩm định chương trình. Các ý kiến đóng góp trong hội thảo và tại phiên họp của Hội đồng thẩm định đều thống nhất nhận định “chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin (UDPM) về cơ bản phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất dịch vụ hiện nay” (4.1.01 - Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo năm 2018, 2019; 4.1.03 - Hồ sơ xây dựng chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp các năm 2018, 2019; 4.1.04 – Quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo các năm 2018, 2019; 4.1.06 - Biên bản thẩm định chương trình đào tạo các năm 2018, 2019; 4.1.07 – Bản nhận xét, đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo tiêu chí các năm 2018, 2019).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 4: 02 điểm

Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo, nhà trường đã chú trọng xây dựng đảm bảo tính liên thông giữa các cấp trình độ như: Khi liên thông dọc từ sơ cấp lên trung cấp và hoặc trung cấp lên cao đẳng cùng nghề thì chỉ cần bổ sung thêm một số mô đun, môn học nâng cao, đảm bảo nguyên tắc kế thừa và tích hợp để giảm tối đa thời

gian học lại kiến thức và kỹ năng mà người học đã tích lũy ở các chương trình đào tạo khác. Còn đối với trường hợp liên thông ngang, người học muốn chuyển sang một nghề khác cùng cấp trình độ thì được miễn các môn học, mô đun đã học **2.7.01** - *Quy định số 176/QĐ-CDKT ngày 18/06/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội Quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong GDNN năm 2018; 2.7.02- Quyết định ban hành chương trình đào tạo liên thông năm 2018, 2019)*

Nội dung của quy *Quy định số 176/QĐ-CDKT ngày 18/06/2018* đã nêu rõ 03 chương: Chương I. Các quy định chung; Chương II. Tuyển sinh và tổ chức đào tạo liên thông; Chương III. Tổ chức thực hiện. Trong đó tại Điều 7, Chương II quy định về Chương trình đào tạo liên thông và công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập có nêu:

(1) Chương trình đào tạo liên thông được xây dựng theo nguyên tắc kế thừa và tích hợp để giảm tối đa thời gian học lại kiến thức và kỹ năng mà người học đã tích lũy ở các chương trình đào tạo khác.

(2) Chương trình đào tạo liên thông phải phản ánh đúng mục tiêu, nội dung, thời gian đào tạo; phương pháp dạy, học và đánh giá.

(3) Chương trình đào tạo liên thông phải đảm bảo cung cấp đầy đủ kiến thức, kỹ năng mà người học còn thiếu và cập nhật kiến thức, kỹ năng mới của ngành, nghề tương ứng với trình độ đào tạo.

(4) Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào chương trình đào tạo quyết định mô đun, môn học hoặc nội dung mà người học không phải học lại.

Việc liên thông lên các trình độ khác trong hệ thống Giáo dục quốc dân cụ thể là liên thông từ trình độ cao đẳng lên Đại học đang được triển khai cụ thể như sau:

Năm 2018, Trường đã ký biên bản thỏa thuận với trường Đại học Công nghiệp Hà Nội về việc công nhận kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng đã tích lũy của người học được miễn trừ khi học liên thông trình độ đại học cho nghề Công nghệ thông tin (UDPM), cụ thể: “Hai bên thống nhất ký kết biên bản thỏa thuận về việc công nhận kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng đã tích lũy của người học đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng nghề Công nghệ thông tin (UDPM) của trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội được miễn trừ khi học liên thông lên trình độ đại học ngành Công nghệ thông tin của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội” với các mô đun, môn học được giảm trừ của các phần Kiến thức giáo dục đại cương; Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. (**4.8.01** - *Biên bản thoả thuận về việc công nhận kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng đã tích lũy của người học được miễn trừ khi liên thông trình độ Đại học; 4.8.02* - *Chương trình đào tạo trình độ Đại học liên thông từ Cao đẳng lên Đại học chuyên ngành Công nghệ thông tin (UDPM) trường Đại học Công nghiệp Hà Nội; 4.8.03* - *Quy định về công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng đã tích lũy của người học được miễn trừ khi học chương trình đào tạo liên thông của Đại học Công nghiệp Hà Nội; 4.8.04* - *Quyết định số 744/QĐ-ĐHCN*

ngày 19/08/2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

Nhà trường đã công bố các thông báo tuyển sinh liên thông của Đại học Công nghiệp Hà Nội đối với các ngành nghề liên quan đến Trường, tại link:

<https://tuyensinh.hau.edu.vn/lien-thong-dai-hoc/tuyen-sinh-lien-thong-len-dai-hoc-2021/60385a2bdeaa673988fdc4d9>;

<https://tuyensinh.hau.edu.vn/lien-thong-dai-hoc/tuyen-sinh-lien-thong-trinh-do-dai-hoc-nam-2022/627fc79b058a85d7905e45e4>). Tuy nhiên, tính đến thời điểm hiện tại, Trường chưa liên kết tổ chức lớp đào tạo theo hệ liên thông chính quy nào lên trình độ đại học. (**4.8.05** - Thông báo tuyển sinh liên thông trình độ đại học của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội năm 2021, 2022; **2.7.04** – Báo cáo công tác đào tạo liên thông các năm 2020, 2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 4: 02 điểm

Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Số lượng giáo trình của Nhà trường như sau:

Chương trình đào tạo ban hành theo Quyết định số 88/QĐ-CĐKT ngày 18/05/2018 gồm có 34 MH/MĐ. Hiệu trưởng nhà trường ban hành Quyết định số 499/QĐ-CĐKT ngày 24/07/2018 về việc ban hành giáo trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp năm 2018, trong đó có nghề Công nghệ thông tin (UDPM); Quyết định số 449b/QĐ-CĐKT ngày 24/07/2018 về việc lựa chọn giáo trình làm tài liệu giảng dạy cho các nghề đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp năm 2018 (16 nghề trình độ cao đẳng, 13 CTĐT trình độ trung cấp). Trong đó, 06 môn học chung sử dụng tài liệu giảng dạy do Bộ LĐTBXH ban hành, môn *Thực tập tốt nghiệp* không sử dụng giáo trình. Còn lại 23 giáo trình các mô-đun/môn học do Nhà trường biên soạn. Số giáo trình Trường biên soạn và ban hành năm 2018 là 23 giáo trình.

Chương trình đào tạo ban hành theo Quyết định số 402/QĐ- CĐKT ngày 24/05/2019 gồm có 31 môn học/mô-đun. Hiệu trưởng nhà trường ban hành Quyết định số 272/QĐ-CĐKT ngày 24/07/2019 về việc phê duyệt và ban hành giáo trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp năm 2019, trong đó có nghề Công nghệ thông tin (UDPM); Quyết định số 272b/QĐ-CĐKT ngày 24/07/2019 về việc lựa chọn giáo trình làm tài liệu giảng dạy cho các nghề đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp năm 2019 (19 nghề trình độ cao đẳng, 15 CTĐT trình độ trung cấp). Trong đó, 06 môn học chung sử dụng tài liệu giảng dạy do Bộ LĐTBXH ban hành, 02 mô-đun thực tập (*Thực tập trải nghiệm tại doanh nghiệp* và *Thực tập tốt nghiệp*) không sử dụng giáo trình. Còn lại 23 giáo trình các MĐ/MH do Nhà trường biên soạn. Số giáo trình Trường biên soạn và ban hành năm 2019 là 23 giáo trình.

Chương trình đào tạo ban hành theo Quyết định số 188/QĐ- CDKT ngày 25/05/2022 gồm có 31 môn học/mô đun trong đó 06 môn học chung sử dụng tài liệu giảng dạy do Bộ LĐTBXH ban hành, 02 mô đun thực tập (*Thực tập trải nghiệm tại doanh nghiệp và Thực tập tốt nghiệp*) không sử dụng giáo trình. Còn lại 23 giáo trình các MĐ/MH do Nhà trường biên soạn. Số giáo trình Trường biên soạn và ban hành năm 2019 là 23 giáo trình tiếp tục được sử dụng cho chương trình đào tạo ban hành năm 2022.

Như vậy Nhà trường có đủ 100% giáo trình cho các MĐ/MH của CTĐT (**1.1.01** - *Quyết định số 88/CDKT ngày 18/5/2017 về việc ban hành CTĐT năm 2017; Quyết định số 402/QĐ-CDKT ngày 24/5/2019 về việc ban hành CTĐT năm 2019; Quyết định số 188/QĐ- CDKT ngày 25/05/2022 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2022*); **4.9.01** - *Quyết định số 499/QĐ-CDKT ngày 24/07/2018 về việc ban hành giáo trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp năm 2018*; **4.9.02** - *Quyết định số 272/QĐ-CDKT ngày 24/07/2019 về việc phê duyệt và ban hành giáo trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp năm 2019*; **4.9.03** - *Quyết định số 449b/QĐ-CDKT ngày 24/07/2018 về việc lựa chọn giáo trình làm tài liệu giảng dạy cho các nghề đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp năm 2018*; **4.9.04** - *Quyết định số 272b/QĐ-CDKT ngày 24/07/2019 về việc lựa chọn giáo trình làm tài liệu giảng dạy cho các nghề đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp năm 2019 và áp dụng 12 giáo trình môn học chung do Tổng cục GDNN ban hành*).

Như vậy, Nhà trường có đủ giáo trình cho tất cả các mô đun, môn học của chương trình đào tạo theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN mà Trường được cấp.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 4: 02 điểm

Tiêu chuẩn 10: *100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trên cơ sở các chương trình đào tạo đã ban hành, Nhà trường tiến hành tổ chức biên soạn và thẩm định giáo trình đào tạo với trình tự thực hiện như sau:

- Xây dựng kế hoạch chỉnh sửa, biên soạn, lựa chọn và thẩm định giáo trình đào tạo. Kế hoạch đã nêu rõ mục đích yêu cầu; nội dung, thời gian và nguồn lực thực hiện cho từng giai đoạn (**4.10.01** – *Kế hoạch số 123/KH-CDKTCNHN ngày 15/05/2018 biên soạn, lựa chọn và thẩm định giáo trình năm 2018, Kế hoạch số 312/KH-CDKTCNHN ngày 27/05/2019 biên soạn, lựa chọn và thẩm định giáo trình năm 2019; Kế hoạch rà soát giáo trình đào tạo năm 2022 Số 37/KH-CDKT ngày 25/02/2022; Quyết định số 43/QĐ-CDKT, ngày 25/02/2022 về việc thành lập Hội đồng rà soát giáo trình đào tạo năm 2022; Biên bản họp rà soát giáo trình đào tạo ngày 10/04/2022*).

- Thành lập Ban chủ nhiệm biên soạn/lựa chọn giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo Quyết định số 160/QĐ-CDKT, ngày 17/05/2018 về việc thành lập các Tiểu ban biên soạn/lựa chọn giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng 2018;

Quyết định số 239/QĐ-CDKT ngày 28/05/2019, về việc thành lập các Tiểu ban biên soạn/lựa chọn giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng 2019. Năm 2022, Nhà trường không xây dựng mới giáo trình đào tạo; Thành phần tiểu ban biên soạn giáo trình đào tạo có từ 4 - 7 thành viên gồm cán bộ, nhà giáo của Trường và có 01 đại diện doanh nghiệp có liên quan đến ngành, nghề xây dựng giáo trình. Các quyết định đã nêu rõ trách nhiệm của các tiểu ban là tổ chức thực hiện biên soạn giáo trình đảm bảo đúng tiến độ và các quy định hiện hành (**4.10.02 – Quyết định thành lập các Tiểu ban biên soạn/lựa chọn giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng 2018, 2019**).

- Tiểu ban thực hiện biên soạn giáo trình theo kế hoạch đã đề ra, cụ thể như sau:

+ *Đối với việc biên soạn giáo trình đào tạo gồm các bước sau:* (1) Thiết kế cấu trúc giáo trình đào tạo; (2) Biên soạn giáo trình đào tạo; (3) Hội thảo xin ý kiến chuyên gia về giáo trình đào tạo; (4) Sửa chữa, biên tập, hoàn thiện dự thảo giáo trình đào tạo;

+ *Đối với việc lựa chọn giáo trình đào tạo gồm các hoạt động sau:* phân công lựa chọn, nhận xét, đánh giá tài liệu được lựa chọn làm giáo trình đào tạo. (**4.10.03 - Bộ hồ sơ biên soạn, lựa chọn, chỉnh sửa giáo trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin (UDPM) năm 2018, 2019**).

- Thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình, có 07 người gồm: Chủ tịch Hội đồng là Hiệu trưởng, Phó chủ tịch Hội đồng là các phó hiệu trưởng, Thư ký các Hội đồng là đại diện của Phòng Đào tạo, các uỷ viên gồm những nhà giáo tham gia giảng dạy tại Trường, 01 cán bộ/nhà giáo của một trường cao đẳng khác, 01 cán bộ thuộc cơ quan quản lý nhà nước về GDNN và 01 cán bộ thuộc doanh nghiệp có liên kết với Trường. Tất cả các thành viên trong hội đồng đều là những người có bằng tốt nghiệp đại học trở lên của ngành, nghề có liên quan; có ít nhất 5 năm kinh nghiệm trong công tác giảng dạy và biên soạn giáo trình; có uy tín trong sản xuất, kinh doanh, quản lý trong lĩnh vực của ngành, nghề đào tạo (**4.10.04 – Quyết định số 159/QĐ-CDKT ngày 17/05/2018 về việc thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo năm 2018; Quyết định số 237/QĐ-CDKT ngày 28/05/2018 về việc thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo năm 2019**).

- Tổ chức thẩm định giáo trình theo quy định gồm các nội dung sau:

+ Các thành viên Hội đồng thẩm định đánh giá chất lượng giáo trình đào tạo theo các tiêu chí: (1) Sự tương ứng với chương trình đào tạo, (2) Tính logic, (3) Mức đầy đủ/bao quát đối với mục tiêu, (4) Tính chuẩn xác, (5) Phong cách biên soạn, (6) Cấu trúc và các chuyên mục (**4.10.05 – Phiếu đánh giá chất lượng giáo trình đào tạo theo các tiêu chí năm 2018, 2019**).

+ Các thành viên Hội đồng thẩm định giáo trình theo các nội dung sau: (1) Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của giáo trình, (2) Cấu trúc chương mục của giáo trình, (3) Nội dung, lượng kiến thức, kỹ năng và thái độ được thể hiện trong giáo trình, (4) Khả năng ứng dụng trong giảng dạy, (5) Cập nhật các thành tựu khoa học tiên tiến/tham khảo

tài liệu nước ngoài, (6) Đánh giá chung (**4.10.06** – *Phiếu thẩm định giáo trình các năm 2018, 2019*)

+ Tổ chức họp thẩm định giáo trình (**4.10.07** – *Biên bản họp thẩm định giáo trình các năm 2018,2019*).

+ Căn cứ kết quả thẩm định, Hội đồng thẩm định có tờ trình đề nghị Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt, ban hành giáo trình làm tài liệu giảng dạy và học tập trong nhà trường (**4.10.08** – *Tờ trình về việc ban hành giáo trình đào tạo các năm 2018, 2019; Tờ trình về việc phê duyệt giáo trình đào tạo được lựa chọn 2018, 2019*).

- Hiệu trưởng Nhà trường căn cứ tờ trình của Hội đồng thẩm định ra quyết định ban hành giáo trình đào tạo làm tài liệu giảng dạy: Quyết định số 499/QĐ-CDKT ngày 24/07/2018 về việc ban hành giáo trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp năm 2018; Quyết định số 272/QĐ-CDKT ngày 24/07/2019 về việc phê duyệt và ban hành giáo trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp năm 2019; Quyết định số 449b/QĐ-CDKT ngày 24/07/2018 về việc lựa chọn giáo trình làm tài liệu giảng dạy cho các nghề đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp năm 2018; Quyết định số 272b/QĐ-CDKT ngày 24/07/2019 về việc lựa chọn giáo trình làm tài liệu giảng dạy cho các nghề đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp năm 2019 (**4.9.01**- *Quyết định số 499/QĐ-CDKT ngày 24/07/2018 về việc ban hành giáo trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp năm 2018; 4.9.02* - *Quyết định số 272/QĐ-CDKT ngày 24/07/2019 về việc phê duyệt và ban hành giáo trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp năm 2019; 4.9.03* - *Quyết định số 449b/QĐ-CDKT ngày 24/07/2018 về việc lựa chọn giáo trình làm tài liệu giảng dạy cho các nghề đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp năm 2018; 4.9.04* - *Quyết định số 272b/QĐ-CDKT ngày 24/07/2019 về việc lựa chọn giáo trình làm tài liệu giảng dạy cho các nghề đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp năm 2019 và áp dụng 12 giáo trình môn học chung do Tổng cục GDNN ban hành*)

100% giáo trình đào tạo của Nhà trường đã được biên soạn, lựa chọn theo đúng quy định tại các Điều 14, 15, 16 - Thông tư 03/2017/TT – BLĐTBXH ngày 01/3/2017 Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 4: 02 điểm

Tiêu chuẩn 11: *Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Giáo trình của các MH/MĐ của CTĐT được xây dựng, lựa chọn đúng theo quy định và theo mẫu quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH, do đó giáo trình đã cụ thể hóa được yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng MH/MĐ trong CTĐT, cụ thể:

- Về nội dung: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo

+ Phần thông tin chung trong mỗi giáo trình MH/MĐ đã thể hiện được: Tên MH/MĐ; Mã MH/MĐ; Vị trí, ý nghĩa và vai trò của MH/MĐ; Mục tiêu MH/MĐ trong đó thể hiện rõ mục tiêu về kiến thức, mục tiêu về kỹ năng, mục tiêu về năng lực tự chủ và trách nhiệm.

+ Phần nội dung MH/MĐ được chia thành các chương/bài, mỗi chương/bài đều có mã phù hợp với mã chương bài trong chương trình chi tiết của MH/MĐ tương ứng, trong mỗi chương bài, yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng được cụ thể hóa thông qua mục tiêu chương/bài trong đó thể hiện rõ mục tiêu về kiến thức, mục tiêu về kỹ năng, mục tiêu về năng lực tự chủ và trách nhiệm. Trong phần nội dung chính, tên mục/tiêu đề, tiêu mục/tiêu tiêu đề phù hợp với nội dung đã quy định tại chương trình chi tiết của MH/MĐ, nội dung kiến thức được trình bày cô đọng và được minh họa bằng các hình vẽ. Nội dung giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng MĐ/MH trong chương trình đào tạo cũng được các thành viên HĐĐTĐ giáo trình đánh giá là đảm bảo cầu và đề nghị ban hành (4.10.05 – Phiếu đánh giá chất lượng giáo trình đào tạo theo các tiêu chí năm 2018, 2019; (4.10.06 – Phiếu thẩm định giáo trình các năm 2018, 2019); 4.10.07 – Biên bản họp thẩm định giáo trình các năm 2018,2019; 4.10.08 – Tờ trình về việc ban hành giáo trình đào tạo các năm 2018, 2019; Tờ trình về việc phê duyệt giáo trình đào tạo được lựa chọn 2018, 2019).

- Về nội dung: giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực:

Giáo trình của Trường khi biên soạn hay lựa chọn đều trên cơ sở tuân thủ mục tiêu và nội dung của các MH/MĐ trong chương trình đào tạo đã xây dựng. Nội dung kiến thức, kỹ năng đảm bảo mục tiêu của từng chương, bài trong mỗi MH/MĐ. Mỗi chương, bài của giáo trình đào tạo đều trình bày nội dung kiến thức có liên quan có hình vẽ, bản vẽ, sơ đồ minh họa đã làm sáng tỏ kiến thức cuối chương, bài có câu hỏi, bài tập ôn tập. Đối với giáo trình thực hành nghề, các bài thực hành được thiết kế theo từng kỹ năng, hoặc tiểu kỹ năng với các quy trình, trình tự thực hiện công việc đảm bảo phù hợp với các trang thiết bị, nguồn học liệu và phương tiện dạy học tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực như ứng dụng công nghệ thông tin, chia nhóm thực hành, thảo luận ... Thông qua nghiệm thu giáo trình, các phiếu đánh giá nhận xét của các thành viên HĐĐTĐ đều đánh giá “Khả năng ứng dụng trong giảng dạy” đảm bảo yêu cầu và đề nghị ban hành (4.10.05 – Phiếu đánh giá chất lượng giáo trình đào tạo theo các tiêu chí năm 2018, 2019; 4.10.06 – Phiếu thẩm định giáo trình các năm 2018, 2019; 4.10.07 – Biên bản họp thẩm định giáo trình các năm 2018,2019; 4.10.8 – Tờ trình về việc ban hành giáo trình đào tạo các năm 2018, 2019; Tờ trình về việc phê duyệt giáo trình đào tạo được lựa chọn 2018, 2019).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 4: 02 điểm

Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTĐ ngày 20/4/2017 của Bộ Trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Như đã mô tả tại tiêu chuẩn 11 của tiêu chí 4. Kiểm tra từng giáo trình môn học, mô đun đối chiếu với nội dung chi tiết các môn học, mô đun được quy định trong CTĐT cho thấy: Giáo trình các môn học do trường ban hành có đầy đủ nội dung, đề mục, chương, bài phù hợp với các nội dung đã quy định trong CTĐT của môn học, mô đun tương ứng. Các giáo trình của nghề Công nghệ thông tin (UDPM) do trường biên soạn đều đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Giáo trình được tổ chức biên soạn, thẩm định đúng quy trình, được sự tham gia và phản biện từ các giáo viên chuyên môn, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, được nghiệm thu chặt chẽ trước khi đưa vào sử dụng do đó nội dung các giáo trình này đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Khảo sát các văn bản đóng góp nhận xét đánh giá giáo trình, phiếu đánh giá của các thành viên Hội đồng thẩm định, Biên bản thẩm định giáo trình cho thấy nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được Hội đồng thẩm định thông nhất là đạt yêu cầu (**4.10.05** – Phiếu đánh giá chất lượng giáo trình đào tạo theo các tiêu chí năm 2018, 2019; **4.10.06** – Phiếu thẩm định giáo trình các năm 2018, 2019; ; **4.10.07** – Biên bản họp thẩm định giáo trình các năm 2018,2019; **4.10.08** – Tờ trình về việc ban hành giáo trình đào tạo các năm 2018, 2019; Tờ trình về việc phê duyệt giáo trình đào tạo được lựa chọn 2018, 2019; **4.9.01**- Quyết định số 499/QĐ-CDKT ngày 24/07/2018 về việc ban hành giáo trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp năm 2018; **4.9.02** - Quyết định số 272/QĐ-CDKT ngày 24/07/2019 về việc phê duyệt và ban hành giáo trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp năm 2019; **4.9.03** - Quyết định số 449b/QĐ-CDKT ngày 24/07/2018 về việc lựa chọn giáo trình làm tài liệu giảng dạy cho các nghề đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp năm 2018; **4.9.04** - **4.9.04** - Quyết định số 272b/QĐ-CDKT ngày 24/07/2019 về việc lựa chọn giáo trình làm tài liệu giảng dạy cho các nghề đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp năm 2019 và áp dụng 12 giáo trình môn học chung do Tổng cục GDNN ban hành).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 4: 02 điểm

2.2.5 TIÊU CHÍ 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

Đánh giá tổng quát tiêu chí 5:

Mở đầu:

Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội với bề dày hơn 60 năm đào tạo và phát triển, qua từng giai đoạn Trường đã đổi tên và nâng cấp phù hợp với mục tiêu phát triển đào tạo. Nhà trường luôn đánh giá: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện là những yếu tố rất quan trọng nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo trong nhà trường. Được sự quan tâm của Bộ Công Thương, Bộ LĐTBXH và của thành phố Hà Nội. Trong những năm qua Trường đã được đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo, bổ sung sách giáo trình, tài liệu tham khảo, biên soạn chương trình và bồi dưỡng đội ngũ giảng viên có trình độ và tay nghề đáp ứng yêu cầu về đào tạo và nghiên cứu khoa học của Nhà trường.

Trường có 02 cơ sở đào tạo, cơ sở 1 nằm tại 143 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội; Cơ sở 2 tại số 106 đường Tả Thanh Oai, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, Hà Nội, với đầy đủ các khu vực phục vụ cho hoạt động của trường.

Tại trụ sở chính đặt tại số 143 đường Nguyễn Ngọc Vũ – Quận Cầu Giấy – Hà Nội. Sử dụng làm khu học tập của học sinh, sinh viên; làm việc của cán bộ giáo viên và bồi dưỡng liên kết, có diện tích đất là 1.214,5 m².

Địa điểm đào tạo số 02 đặt tại số 106 đường Tả Thanh Oai – Thanh Trì – Hà Nội bao gồm: 6.708 m² sử dụng làm khu học tập, làm việc và 3.196 m² sử dụng làm khu ký túc xá, bãi tập TDDT-QS,...

Các khu được được trang bị đầy đủ hệ thống điện chiếu sáng, quạt mát và các thiết bị phục vụ giảng dạy. Hệ thống các nhà để làm phòng thí nghiệm, phòng học chuyên môn được sắp xếp theo từng Khoa đảm bảo sự tiện lợi trong quản lý và khai thác sử dụng hiệu quả của trang thiết bị đào tạo. Ngoài ra Trường còn có đầy đủ các công trình phụ trợ phục vụ đào tạo, sinh hoạt của giáo viên và học sinh sinh viên như: hệ thống thư viện phục vụ tra cứu tài liệu; nhà giáo dục thể chất; khu ký túc xá, nhà ăn sinh viên, sân thể thao, ...

Về trang thiết bị: hàng năm Trường luôn quan tâm đầu tư trang thiết bị, công cụ, đồ dùng dạy học để phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học bằng nhiều nguồn kinh phí: Ngân sách Nhà nước cấp từ nguồn không thường xuyên, nguồn ngân sách cấp đầu tư cho các nghề trọng điểm từ Chương trình mục tiêu Giáo dục việc làm và An toàn lao động, nguồn vốn của Trường và nguồn viện trợ. Trang thiết bị, đồ dùng dạy học được đầu tư phù hợp với quy định về danh mục thiết bị đào tạo theo yêu cầu của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, đạt tiêu chuẩn về mặt kỹ thuật và đảm bảo sức khỏe cho người vận hành. Nhà trường có đủ hệ thống kho đảm bảo yêu cầu lưu trữ vật tư, dụng cụ thực hành cho các khoa.

Thư viện nhà trường được xây dựng với tổng diện tích trụ sở chính: 125 m²; địa điểm đào tạo số 2 là 1.405 m², có đầy đủ trang thiết bị, các loại giáo trình, tài liệu tham khảo và báo chí cần thiết phục vụ cho hoạt động học tập và nghiên cứu của cán bộ, giáo viên và người học.

*** Những điểm mạnh:**

- Địa điểm của Trường phù hợp với quy hoạch chung của thành phố Hà Nội và mạng lưới cơ sở dạy nghề trong cả nước. Trường có quy hoạch khuôn viên hợp lý, cảnh quan môi trường đẹp, phù hợp với một cơ sở đào tạo GDNN. Trường nằm tại Hà Nội, là trung tâm văn hóa, chính trị, kinh tế...của cả nước. Đây là vị trí rất thuận lợi về giao thông cũng như trong công tác tuyển sinh và đào tạo nghề nghiệp của trường.

- Trường có hệ thống đường nội bộ được phủ bê tông nhựa khàng trang sạch đẹp, hệ thống hạ tầng kỹ thuật cấp thoát nước được xây dựng đồng bộ không xảy ra tình trạng ngập úng. Trường có trạm biến áp riêng và mạng lưới cấp điện của trường theo quy chuẩn, được kiểm tra bảo dưỡng định kỳ. Hệ thống nước sạch phủ khắp các khu vực, có các bể chứa đảm bảo nguồn nước phục vụ sinh hoạt và công tác phòng cháy chữa cháy.

- Hệ thống phòng học lý thuyết được xây dựng thoáng mát, thông gió tốt, đảm bảo ánh sáng tự nhiên. Các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa đảm bảo quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành, có bố trí đèn, quạt, hệ thống ánh sáng phù hợp với từng ngành nghề. Trường có đủ các khu vực phục vụ các hoạt động giảng dạy, làm việc, vui chơi giải trí, sinh hoạt của cán bộ, giáo viên và HSSV.

- Thiết bị tại các xưởng thực hành, phòng thí nghiệm, phòng học chuyên môn được lắp đặt hợp lý, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật đảm bảo thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.

Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học. Được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu, số hóa chương trình, giáo trình và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả hoạt động đào tạo của nghề.

*** Những tồn tại**

Chủng loại thiết bị đào tạo đầy đủ. Tuy nhiên một vài thiết bị còn thiếu về số lượng so với danh mục thiết bị dạy nghề tối thiểu.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Tận dụng các nguồn thu: dự án, CTMT quốc gia để mua sắm, đầu tư bổ sung thêm trang thiết bị đào tạo cho đảm bảo số lượng so với quy định.

Mở rộng quan hệ với doanh nghiệp nhằm khai thác công nghệ, máy móc thiết bị nhằm cải thiện chất lượng đào tạo của Nhà trường.

Điểm đánh giá tiêu chí 5:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 5:	14
Tiêu chuẩn 1	2

Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	0
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội có hệ thống phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa đều được xây dựng theo các tiêu chuẩn qui định, bảo đảm quy chuẩn xây dựng. Hệ thống Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành của trường có số lượng nhiều và đồng bộ theo quy chuẩn xây dựng, cụ thể:

Nghề Công nghệ thông tin (UDPM) trình độ cao đẳng được trường tổ chức đào tạo tại 02 địa điểm đào tạo, là địa chỉ số 143 đường Nguyễn Ngọc Vũ – Quận Cầu Giấy – Hà Nội và địa chỉ số 106 đường Tố Thanh Oai – Thanh Trì – Hà Nội. Nhà trường có đầy đủ các khối công trình chức năng theo yêu cầu đào tạo nghề của trường, bao gồm:

+ Khu A 6.708 m² sử dụng làm khu học tập, làm việc và khu B 3.196 m² sử dụng làm khu rèn luyện thể dục thể chất, thể thao.

+ Nhà A1: Chức năng học tập, 4 tầng, kết cấu BTCT. Diện tích sàn 986 m².

+ Nhà A2: Chức năng học tập và làm việc của các phòng, khoa và các tổ bộ môn, nhà 4 tầng, kết cấu BTCT. Diện tích sàn 396 m².

+ Nhà A3: Chức năng học tập làm việc, 4 tầng, kết cấu BTCT. Diện tích sàn 639m².

+ Nhà A4: Chức năng học tập, 4 tầng, kết cấu khung BTCT. Diện tích sàn 324m².

+ Nhà B: Chức năng học tập, 3 tầng, kết cấu khung BTCT. Diện tích sàn 1362m².

+ Nhà C1: Chức năng học tập, làm việc: 4 tầng, kết cấu khung BTCT. Diện tích sàn 507m².

+ Nhà C2: Chức năng làm việc – Hội trường, 3 tầng, kết cấu khung BTCT. Diện tích sàn 1360m². Hội trường với sức chứa 600 người

+ Nhà C3: chức năng làm việc, 2 tầng, tường chịu lực. Diện tích sàn 324m².

+ Nhà D: Chức năng học tập, 4 tầng, kết cấu khung BTCT. diện tích sàn 1280m².

+ Nhà E: Chức năng học tập, 5 tầng, khung chịu lực. diện tích sàn 2900m². Trong đó có 2 tầng làm nhà rèn luyện thể chất cho HSSV: 1.160 m².

+ Nhà để xe: Diện tích sàn 150 m².

+ Nhà ký túc xá 5 tầng BTCT. Diện tích sàn 2.316m².

- + Nhà ăn, nhà thể chất 3 tầng bê tông cốt thép: Diện tích sàn 810 m² (270 x3)
- + Nhà thường trực. Diện tích sàn 30m².
- + Nhà để xe ô tô, diện tích sàn 120m².
- + Nhà thư viện: 5 tầng, diện tích sàn 1.450 m².

(**2.1.01** - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN các năm 2018, 2019, 2020, 2021; **5.1.01** - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; **5.1.02** - Quy hoạch tổng thể mặt bằng các khối công trình của Trường; **5.1.03** - Hồ sơ xây dựng các khối công trình; **5.1.04** - Hồ sơ hoàn công các khối công trình).

Khoa Công nghệ thông tin được giao cơ sở vật chất để tổ chức, triển khai hoạt động đào tạo nghề Công nghệ thông tin (UDPM) theo chức năng nhiệm vụ. (**5.1.05** - Quyết định giao quản lý các xưởng thực hành; **5.1.06**- Bảng thống kê diện tích phòng học, phòng học thực hành; **5.1.07** - Báo cáo đánh giá về mức độ đáp ứng của số lượng phòng học, xưởng thực hành cho nghề năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022).

Cụ thể, Khoa Công nghệ thông tin được biên chế 12 phòng học lý thuyết dành cho Công nghệ thông tin (UDPM) trình độ Cao đẳng với tổng diện tích tích 660 m² (trung bình mỗi phòng có diện tích 55m²). Khu phòng học thực hành là 14 phòng với tổng diện tích hơn 700 m².

Hệ thống cung cấp điện tại Cơ sở 1: tổng công suất lắp đặt là 27 kW, cấp điện áp sử dụng 380kv, có đồng thời 2 nguồn cấp điện trực tiếp của Công ty điện lực Cầu Giấy và Công ty điện lực Đống Đa. Do thuận lợi có 2 nguồn cung cấp điện, Nhà trường chưa bao giờ mất điện quá 10 phút. Cơ sở 2: trạm biến áp 380 KVA, đường dây cột ly tâm tạo điều kiện thuận lợi cấp điện cho tất cả các khối nhà. Hệ thống cung cấp điện tại cơ sở 2: trạm biến áp 380 KVA, đường dây cột ly tâm tạo điều kiện thuận lợi cấp điện cho tất cả các khối nhà.

Về hệ thống cung cấp nước: được cung cấp nước sạch từ nguồn cung cấp của công ty cổ phần nước sạch Hà Nội (**5.1.08** - Bản vẽ thiết kế, hình ảnh trạm biến áp cơ sở 2; **5.1.09** - Bản vẽ mặt bằng cấp điện, nước, **5.1.10** – Hợp đồng mua bán điện, nước; **5.1.11** - Hóa đơn thanh toán tiền điện, nước).

Như vậy, căn cứ theo Nghị định 143/2016/NĐ - CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp; theo quy định đối với trường trung cấp nghề, trường cao đẳng nghề tại Quyết định số 3621/QĐ - BKHCN ngày 28/12/2012 của Bộ Khoa học Công nghệ về việc công bố tiêu chuẩn quốc gia (Tiêu chuẩn Quốc Gia TCVN 9210:2012 “Trường Dạy nghề - Tiêu chuẩn thiết kế”; theo Thông tư số 38/2018/TT - BLĐT BXH quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. (**5.1.12** - Bảng thống kê số liệu về diện tích khu đất toàn trường, diện tích các công trình xây dựng của Trường) Nhà trường cũng như Khoa Công nghệ thông tin trực tiếp giảng dạy nghề Công nghệ thông tin (UDPM) trình độ cao đẳng đạt nội dung phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành.

Hằng năm nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo giảng dạy nghề Công nghệ thông tin (UDPM) và cán bộ quản lý về phòng học, xưởng thực hành việc đáp ứng yêu cầu đào tạo (**5.1.13** – Bộ hồ sơ khảo sát cán bộ quản lý, nhà giáo dạy nghề

Công nghệ thông tin (UDPM) các năm 2020, 2021, 2022 (gồm: Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, danh sách cán bộ quản lý, nhà giáo tham gia khảo sát, báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát)).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại, thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của trình độ đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thiết bị đào tạo là điều kiện quan trọng bảo đảm về chất lượng cho hoạt động đào tạo nghề. Căn cứ danh mục thiết bị dạy nghề tối thiểu, Nhà trường đối chiếu danh sách thiết bị của trường với danh mục thiết bị tối thiểu các nghề theo Thông tư số TT26/2019/TT-BLĐTBXH ngày 25/12/2019 ban hành danh mục thiết bị tối thiểu nghề Công nghệ thông tin (UDPM) cho thấy thiết bị đào tạo của Trường đủ về chủng loại theo quy định (5.2.01 - Biên bản kiểm kê tài sản năm 2019, 2020, 2021 của nghề Công nghệ thông tin (UDPM); 5.2.02 – Nhật ký sử dụng thiết bị năm 2020, 2021, 2022 của nghề Công nghệ thông tin (UDPM); 5.2.03 - Bảng so sánh thiết bị đào tạo hiện có với danh mục tối thiểu năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021- 2022 của nghề Công nghệ thông tin (UDPM); 5.2.04 - Danh mục thiết bị Khoa Công nghệ thông tin; 5.2.05 - Biên bản kiểm tra thiết bị đào tạo của nhà trường năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022 của nghề Công nghệ thông tin (UDPM).

Với nghề Công nghệ thông tin (UDPM) trình độ Cao đẳng đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo theo qui định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để đảm bảo quy mô, yêu cầu đào tạo cũng như phù hợp với nhu cầu của người học, yêu cầu sử dụng nhân lực của các doanh nghiệp, thiết bị đào tạo của Nhà trường đáp ứng đủ 100% chủng loại thiết bị của trình độ đào tạo nghề Công nghệ thông tin (UDPM) trình độ Cao đẳng theo quy định. Tuy nhiên, về mặt số lượng trang thiết bị đào tạo, còn 1 số thiết bị thiếu về mặt số lượng. Căn cứ theo các danh mục thiết bị của nghề đào tạo do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành; căn cứ số lượng trang thiết bị, dụng cụ hiện có của nghề đào tạo và đối chiếu với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu được xác định trong chương trình đào tạo thiết bị của nghề Công nghệ thông tin (UDPM) đáp ứng cơ bản để giảng dạy theo CTĐT. Tuy nhiên do thiếu số lượng của 1 vài thiết bị, không đảm bảo theo danh mục thiết bị dạy nghề tối thiểu nên Nhà trường đánh giá không đạt yêu cầu (5.2.01 - Biên bản kiểm kê tài sản năm 2019, 2020, 2021 của nghề Công nghệ thông tin (UDPM); 5.3.01 - Báo cáo theo dõi tài sản cố định năm 2019, 2020, 2021 của nghề Công nghệ thông tin (UDPM); 5.2.03 - Bảng so sánh thiết bị đào tạo hiện có với danh mục tối thiểu năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022 của nghề Công nghệ thông tin (UDPM); 5.2.04 - Danh mục thiết bị Khoa Công nghệ thông tin; 5.2.05 - Biên bản kiểm tra thiết bị đào tạo của nhà trường năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022 của nghề Công nghệ thông tin (UDPM)).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 5: 0 điểm

Tiêu chuẩn 4: *Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trang thiết bị máy móc trong các xưởng thực hành được bố trí lắp đặt hợp lý, các thiết bị được bố trí thành các hàng theo chiều dọc nhà, các thiết bị cách nhau hơn 3m, lối đi giữa các hàng máy cách nhau 5m. Với cách bố trí như trên rất thuận tiện và an toàn khi vận chuyển lắp đặt, sửa chữa, vận hành máy và trong vận chuyển vật tư. Ngoài ra, khoảng cách máy như trên còn đảm bảo tốt sự lưu thông không khí, điều kiện chiếu sáng tự nhiên, giảm thiểu tiếng ồn và ít bị ảnh hưởng bởi rung động. Về mặt sư phạm, việc bố trí các máy như trên tạo ra không gian rộng đáp ứng được tốt hoạt động dạy thực hành như: tổ chức hướng dẫn thực hành theo nhóm, theo lớp, hay từng cá nhân. Để đảm bảo an toàn trong khi sử dụng thiết bị, hàng năm nhà trường thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị tại các xưởng thực hành, phòng học có thiết bị máy tính. Các thiết bị máy móc đều có hồ sơ quản lý rõ ràng, sử dụng đúng công năng và thực hiện đúng quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo (5.4.01 - Các bản vẽ sơ đồ bố trí thiết bị xưởng thực hành; 5.2.02 - Nhật ký sử dụng thiết bị năm 2020, 2021, 2022 của nghề Công nghệ thông tin (UDPM; 5.4.03 - Quy trình quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo; 5.4.04 - Kế hoạch kiểm tra thiết bị năm 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5: *Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, thuận tiện: được quản lý, cấp phát sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để thực hiện tốt việc quản lý, cấp phát và sử dụng vật tư phục vụ đào tạo, nhà trường đã ban hành văn bản và chỉ đạo các đơn vị thực hiện đúng quy định, hiệu quả, tiết kiệm tránh thất thoát, lãng phí và đảm bảo tính kịp thời trong việc đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.

Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo (5.5.01 - Quyết định ban hành quy định của Trường về định mức tiêu hao vật tư/định mức kinh tế kỹ thuật trong đào tạo)

Nhà trường đã ban hành Quy trình về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo (5.5.02 - Quy trình về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo). Việc đề xuất nhu cầu về vật tư phục vụ đào tạo xuất phát từ chương trình giảng dạy và kế hoạch đào tạo. Hiện tại các đơn vị trong Trường thực hiện các đề xuất này theo từng học kỳ trong năm. Thực hiện theo quy định này đảm bảo cho các đơn vị chủ động trong tổ chức đào tạo, không để xảy ra tình trạng thiếu hoặc chậm cấp phát vật tư đào tạo. Nhà trường cấp phát vật tư theo các bản đề xuất của các đơn vị (5.5.03 - Các đề xuất, dự trù vật tư đào tạo năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022). Việc quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, hàng hoá trong Trường được thực hiện đúng nguyên tắc theo một quy trình chặt chẽ từ Ban giám hiệu, các phòng, khoa đến các cá nhân quản lý thực hiện. Kho vật

tư được quản lý bởi Phòng Tài chính - Kế toán và Phòng Quản trị có trách nhiệm trực tiếp cấp phát, thống kê vật tư đào tạo theo đề xuất và dự trù của các Khoa đồng thời theo dõi quản lý dữ liệu trên hệ thống máy vi tính và sổ sách, nhập, xuất hàng hoá vật tư. Thủ kho có trách nhiệm trực tiếp giữ gìn bảo quản, cấp phát vật tư đúng quy định. Việc cấp phát, sử dụng vật tư đào tạo được quản lý thông qua chứng từ xuất, nhập với đầy đủ chữ ký của các thành phần đồng thời lưu giữ đầy đủ tại phòng Kế toán tài chính và cá nhân liên quan. (5.5.04 - Các biên bản nghiệm thu, bàn giao vật tư đào tạo năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 5.5.05 - Sổ sách theo dõi quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư phục vụ đào tạo năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022)

Việc quản lý, cấp phát về định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế kỹ thuật trong đào tạo, quản lý cấp phát sử dụng vật tư được tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo. (5.5.06 - Báo cáo tình hình cấp phát vật tư đảm bảo đầy đủ năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022)

Vật tư được bố trí sắp xếp ngăn nắp, gọn gàng thuận tiện cho việc sử dụng, bảo quản.

Nhà trường giao các Khoa quản lý, lưu giữ vật tư đào tạo cho các nghề, thiết kế xây dựng tiêu chuẩn cấp 4 có diện tích từ 60 m² trở lên theo quy định hiện hành, được lắp đặt quạt thông gió chống ẩm mốc, ô xi hóa, trang bị 1 bộ máy vi tính để theo dõi, quản lý dữ liệu cấp phát vật tư. Trong kho được bố trí các giá, kệ để vật tư theo đúng quy định và được sắp xếp ngăn nắp, gọn gàng thuận tiện cho việc sử dụng, bảo quản được thể hiện trong quá trình dạy và học tại Trường

Việc cấp phát vật tư được tổ chức thực hiện theo quy định, đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.

Nhà trường không mua dự trữ vật tư, nguyên liệu, dụng cụ mà các Khoa chỉ mua theo dự trù của Khoa chuyên môn, nên sau khi mua về khoa sẽ trực tiếp quản lý. Vì thế, vật tư, nguyên liệu, dụng cụ được bảo quản tại kho của khoa. Vật tư, nguyên liệu, dụng cụ của Khoa Công nghệ thông tin, được bố trí sắp xếp gọn gàng, đặt trên giá. Một số vật tư kích thước nhỏ được để trong hộp hoặc trong tủ, ngăn nắp, thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng. (5.5.07 - Ảnh chụp vật tư được để ở Xưởng thực hành)

Hàng năm nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của sinh viên và nhà giáo giảng dạy nghề Công nghệ thông tin (UDPM) về bảo quản, sử dụng vật tư của nghề, các ý kiến đều đánh giá tốt (5.1.13 – Bộ hồ sơ khảo sát cán bộ quản lý, nhà giáo dạy nghề Công nghệ thông tin (UDPM) các năm 2020, 2021, 2022 (gồm: Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, danh sách cán bộ quản lý, nhà giáo tham gia khảo sát, báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát)).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thư viện có đủ chương trình đào tạo cho tất cả các nghề của trường trong giấy phép hoạt động dạy nghề do Tổng cục GDNN cấp cho 13 nghề Cao đẳng, 14 nghề Trung

cấp. Hàng năm nhà trường có thống kê số lượng giáo trình tại thư viện. Bảng kê danh mục chương trình, giáo trình theo ngành nghề được trường phê duyệt bao gồm cả bản in và bản điện tử, trong bảng kê có đầy đủ thông tin như: Tên chương trình/giáo trình, năm xuất bản, đơn vị xuất bản, số lượng bản in, bản điện tử, các ngành nghề, các cấp trình độ đào tạo (**5.6.01**- *Danh mục các MĐ/MH của chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin (UDPM) trình độ Cao đẳng*; **5.6.02**- *Danh mục các MĐ/MH của giáo trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin (UDPM) trình độ Cao đẳng*).

Hiện nay chương trình của nghề Công nghệ thông tin (UDPM) trình độ Cao đẳng ban hành năm 2019 gồm có 31 môn học mô đun trong đó 06 mô đun chung sử dụng giáo trình của Bộ LĐTĐ ban hành, 02 mô đun thực tập không sử dụng giáo trình, còn lại 23 giáo trình môn học mô đun do nhà trường biên soạn, lựa chọn, .ỗi giáo trình có đủ 5 bản in được lưu tại thư viện (**2.1.01** - *Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN các năm 2018, 2019, 2020, 2021*; **1.1.01** - *Quyết định số 88/CDKT ngày 18/5/2017 về việc ban hành CTĐT năm 2017*; *Quyết định số 402/QĐ-CDKT ngày 24/5/2019 về việc ban hành CTĐT năm 2019*; *Quyết định số 188/QĐ- CDKT ngày 25/05/2022 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2022*); **4.9.02** - *Quyết định số 272/QĐ-CDKT ngày 24/07/2019 về việc phê duyệt và ban hành giáo trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp năm 2019*; **4.9.04** - *Quyết định số 272b/QĐ-CDKT ngày 24/07/2019 về việc lựa chọn giáo trình làm tài liệu giảng dạy cho các nghề đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp năm 2019 và áp dụng 12 giáo trình môn học chung do Tổng cục GDNN ban hành*; **5.6.03** - *Danh mục giáo trình biên soạn, lựa chọn*).

Số đầu sách thư viện điện tử và số đầu sách, tài liệu tham khảo khác, đáp ứng đủ số lượng, chủng loại tài liệu chuyên môn, tham khảo phục vụ cho giảng dạy và học tập theo quy định là 5 đầu sách/1 HSSV (**5.6.04** - *Danh mục sách, tài liệu tham khảo*; **5.6.05** - *Bảng thống kê số lượng HSSV các năm 2020, 2021, 2022*).

Nhà trường có thư viện điện tử để phục vụ nhu cầu bạn đọc là cán bộ, giáo viên, HS-SV trong thời đại bùng nổ công nghệ thông tin và kỹ nguyên số được bố trí 01 phòng riêng biệt tại tầng 2 nhà C cơ sở 2.

Thư viện tại cơ sở 2 có diện tích 1405m²: có 04 máy tính tra cứu và 01 máy tính để quản lý thư viện. Diện tích chỗ ngồi để tra cứu tài liệu trên máy tính: 4m²/chỗ. Diện tích phòng lưu trữ 75m² chứa 11.810 cuốn sách (= 6.3 m²/1000 đầu sách) gồm chương trình, giáo trình, tài liệu chuyên môn, sách tham khảo, truyện văn học, thơ..Thư viện có 48 chỗ ngồi đọc (diện tích 2,5 m²/chỗ ngồi) trong phòng đọc có diện tích 1405 m² – 75 m² = 1330 m² (**5.6.06** - *Hồ sơ thiết kế cơ sở nhà thư viện*).

Năm 2019, nhà trường đã thực hiện nghiên cứu xây dựng phần mềm Quản lý thư viện điện tử vận hành trên mạng nội bộ và nền tảng Internet, Phần mềm Thư viện điện tử của trường đảm bảo các yêu cầu chung của một phần mềm thư viện điện tử (có 06 phân hệ chính), đảm bảo yêu cầu chung về công nghệ nền tảng (Hệ quản trị dữ liệu; Hỗ trợ ngôn ngữ, Giao diện làm việc), đảm bảo các yêu cầu chung về chuẩn thư viện. Mỗi một GV, cán bộ nhân viên nhà trường, HSSV có một account riêng, miễn phí (đã được phân cấp) có thể truy cập vào nguồn dữ liệu đã được số hóa của thư viện để tra cứu như: chương trình, giáo trình của các nghề của trường biên soạn, các tài liệu tham khảo, các tạp chí chuyên ngành. Thư viện điện tử của trường còn có thể kết nối được với trang web của trường <https://tailieu.hiec.edu.vn> (**5.6.07** - *Hướng dẫn sử dụng thư viện số của trường*; **5.6.08** - *Thư viện điện tử số: <https://tailieu.hiec.edu.vn/doc>*). Ngoài ra, tại mỗi

thư viện đều phát wifi miễn phí, giúp cho HSSV, cán bộ, GV có thể truy cập Internet miễn phí. 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo. (5.6.09 - Biên bản bàn giao máy tính cho thư viện; 5.6.10 - Danh mục thống kê các trang thiết bị thư viện; 5.6.11 - Hợp đồng cung cấp đường truyền Internet cáp quang FTTH và biên bản bàn giao, nghiệm thu; 5.6.12 - Hợp đồng mua phần mềm thư viện; 5.6.13 - Danh mục tài liệu điện tử; 5.6.14 - Danh mục giáo trình của trường được số hóa; 5.6.15 - Danh mục tài liệu tham khảo của trường được số hóa; 5.6.16 - Hướng dẫn tra cứu phần mềm thư viện điện tử).

Hàng năm nhà trường lấy ý kiến góp ý của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học về tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện, đồng thời tiến hành tổng hợp và lập báo cáo đánh giá kết quả hoạt động và phương hướng công tác năm sau. (5.6.17 - Phiếu xin ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý và nhà giáo năm 2020, 2021, 2022; 5.6.18 - Phiếu xin ý kiến đánh giá của người học năm 2020, 2021, 2022; 5.6.19 - Báo cáo kết quả hoạt động thư viện năm 2019, 2020, 2021).

Điểm Tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng Internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thư viện của nhà trường được trang bị máy tính và nối mạng internet, có 30 máy trạm và 01 máy chủ kết nối mạng nội bộ với hệ thống mạng toàn trường và mạng Internet. Để thuận tiện cho việc quản lý thư viện và tra cứu tài liệu nhà trường đã trang bị phần mềm quản lý thư viện gồm chức năng: mượn trả, tìm kiếm, quản lý sách, quản lý NXB, quản lý tác giả, quản lý bạn đọc, quản lý khóa học. Việc cập nhật cơ sở dữ liệu của cán bộ, nhà giáo viên và HSSV được thuận lợi và nhanh chóng với truyền Internet ADSL tốc độ cao (5.6.10 - Danh mục thống kê các trang thiết bị thư viện; 5.6.11 - Hợp đồng cung cấp đường truyền Internet cáp quang FTTH và biên bản bàn giao, nghiệm thu).

Toàn bộ hệ thống thiết bị trong thư viện đều hoạt động tốt, đảm bảo thuận tiện và đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu (5.7.01- Phần mềm quản lý và tra cứu tài liệu; 5.6.19 - Báo cáo kết quả hoạt động thư viện năm 2019, 2020, 2021).

Nhân viên thư viện là người có chuyên môn tốt, nhiệt tình hỗ trợ tư vấn cho HS-SV trong việc tìm kiếm, tham khảo tài liệu, cùng với việc các giáo trình, sách tham khảo, tài liệu được bố trí khoa học, phân loại theo chuyên ngành, giúp cho thư viện phát huy được hiệu quả dành cho bạn đọc. Hàng năm, Nhà trường có tổng hợp, báo cáo hoạt động của thư viện thể hiện rõ mạng LAN và mạng Internet tại thư viện hoạt động bình thường theo chức năng và các quy định tổ chức, hoạt động của thư viện (5.7.02 - Sơ đồ bố trí tài liệu trong kho sách; 5.7.03 - Nội quy thư viện; 5.7.04 - Danh mục tra cứu chuyên ngành, website tham khảo).

Để đánh giá hiệu quả hoạt động chung của thư viện và đánh giá công tác tuyên truyền giới thiệu tài liệu, sách báo mới đến bạn đọc, Hàng năm nhà trường lấy ý kiến góp ý của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học về tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện, đồng thời tiến hành tổng hợp và lập báo cáo đánh giá kết quả hoạt động và phương hướng công tác năm sau (5.7.05 - Bộ hồ sơ khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý và người học các năm 2020, 2021, 2022 (gồm: Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát,

danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý tham gia khảo sát, báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát)

Điểm Tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 5: 02 điểm

Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy và được cài đặt tại các phòng học lý thuyết và thực hành do khoa Công nghệ quản lý.

Cụ thể các phần mềm mô phỏng sau. (5.8.01- Danh sách các phần mềm mô phỏng)

+ Đối với CTĐT trình độ CĐ:

STT	Mã MH /MĐ	Tên môn học Mô đun	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022
			Tên phần mềm		
Các mô đun, môn học kỹ thuật cơ sở					
1	MĐ11001	Tin học văn phòng	Hệ điều hành máy vi tính	Hệ điều hành máy vi tính	Hệ điều hành máy vi tính
2			Bộ phần mềm văn phòng	Bộ phần mềm văn phòng	Bộ phần mềm văn phòng
3			Bộ gõ tiếng Việt	Bộ gõ tiếng Việt	Bộ gõ tiếng Việt
4	MĐ11002	Ứng dụng CNTT trực tuyến	Phần mềm trình duyệt web	Phần mềm trình duyệt web	Phần mềm trình duyệt web
5	MĐ11007	Cơ sở dữ liệu quan hệ	Phần mềm quản trị cơ sở dữ liệu	Phần mềm quản trị cơ sở dữ liệu	Phần mềm quản trị cơ sở dữ liệu
6	MĐ11008	Quản trị Cơ sở dữ liệu	Phần mềm quản trị cơ sở dữ liệu	Phần mềm quản trị cơ sở dữ liệu	Phần mềm quản trị cơ sở dữ liệu
7	MĐ11004	Mạng máy tính	Hệ điều hành máy chủ	Hệ điều hành máy chủ	Hệ điều hành máy chủ
8			Phần mềm mô phỏng, giả lập máy chủ, máy tính cá nhân	Phần mềm mô phỏng, giả lập máy chủ, máy tính cá nhân	Phần mềm mô phỏng, giả lập máy chủ, máy tính cá nhân
9			Phần mềm mô phỏng mạng máy tính	Phần mềm mô phỏng mạng máy tính	Phần mềm mô phỏng mạng máy tính

STT	Mã MH /MĐ	Tên môn học Mô đun	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022
			Tên phần mềm		
10	MĐ11005	Lắp ráp và bảo trì máy tính	Phần mềm sao lưu và phục hồi dữ liệu (Backup và Restore)	Phần mềm sao lưu và phục hồi dữ liệu (Backup và Restore)	Phần mềm sao lưu và phục hồi dữ liệu (Backup và Restore)
11			Phần mềm phân hoạch và định dạng ổ đĩa cứng	Phần mềm phân hoạch và định dạng ổ đĩa cứng	Phần mềm phân hoạch và định dạng ổ đĩa cứng
12			Phần mềm đóng băng ổ cứng	Phần mềm đóng băng ổ cứng	Phần mềm đóng băng ổ cứng
13			Phần mềm ảo hóa máy tính	Phần mềm ảo hóa máy tính	Phần mềm ảo hóa máy tính
14			Phần mềm diệt Virus	Phần mềm diệt Virus	Phần mềm diệt Virus
15			Trình điều khiển thiết bị theo từng thiết bị (Device Driver)	Trình điều khiển thiết bị theo từng thiết bị (Device Driver)	Trình điều khiển thiết bị theo từng thiết bị (Device Driver)
16			Phần mềm phân hoạch và định dạng ổ đĩa cứng	Phần mềm phân hoạch và định dạng ổ đĩa cứng	Phần mềm phân hoạch và định dạng ổ đĩa cứng
17			Trình điều khiển thiết bị ngoại vi	Trình điều khiển thiết bị ngoại vi	Trình điều khiển thiết bị ngoại vi
18	MĐ11009		Thiết kế web	Phần mềm trình duyệt web	Phần mềm trình duyệt web
19	MĐ11010	Lập trình windows 1	Phần mềm mô phỏng, giả lập máy chủ, máy tính cá nhân	Phần mềm mô phỏng, giả lập máy chủ, máy tính cá nhân	Phần mềm mô phỏng, giả lập máy chủ, máy tính cá nhân

STT	Mã MH /MĐ	Tên môn học Mô đun	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022
			Tên phần mềm		
20	MĐ11011	Lập trình java 1	Phần mềm ảo hóa máy tính	Phần mềm ảo hóa máy tính	Phần mềm ảo hóa máy tính
21	MĐ11012	Lập trình web 1	Phần mềm mô phỏng, giả lập máy chủ, máy tính cá nhân	Phần mềm mô phỏng, giả lập máy chủ, máy tính cá nhân	Phần mềm mô phỏng, giả lập máy chủ, máy tính cá nhân
22	MĐ11015	Lập trình windows 2	Phần mềm ảo hóa máy tính	Phần mềm ảo hóa máy tính	Phần mềm ảo hóa máy tính
23	MĐ11019	Thực hành rèn nghề	Phần mềm trình duyệt web	Phần mềm trình duyệt web	Phần mềm trình duyệt web
24			Phần mềm quản trị cơ sở dữ liệu	Phần mềm quản trị cơ sở dữ liệu	Phần mềm quản trị cơ sở dữ liệu
25	MĐ11022	Lập trình Androi cơ bản	Phần mềm ảo hóa máy tính	Phần mềm ảo hóa máy tính	Phần mềm ảo hóa máy tính
26	MĐ11021	Lập trình java 2	Phần mềm ảo hóa máy tính	Phần mềm ảo hóa máy tính	Phần mềm ảo hóa máy tính
27	MĐ11017	Xây dựng phần mềm quản lý	Phần mềm mô phỏng, giả lập máy chủ, máy tính cá nhân	Phần mềm mô phỏng, giả lập máy chủ, máy tính cá nhân	Phần mềm mô phỏng, giả lập máy chủ, máy tính cá nhân
28	MĐ11029	Xây dựng website với mã nguồn mở	Phần mềm mô phỏng, giả lập máy chủ, máy tính cá nhân	Phần mềm mô phỏng, giả lập máy chủ, máy tính cá nhân	Phần mềm mô phỏng, giả lập máy chủ, máy tính cá nhân
Tổng cộng					

Để truyền đạt kiến thức cho người học được hiệu quả hơn, các giáo viên đã sử dụng các phần mềm dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học (phần mềm mô phỏng) (5.8.02- Hình ảnh Phòng học có thiết bị mô phỏng). Khoa đã sử dụng các phần mềm mô phỏng giảng dạy các môn học, mô đun chuyên ngành (5.8.01 - Danh sách các phần mềm mô phỏng; 5.8.02 - Hình ảnh Phòng học có thiết bị mô phỏng; 2.2.03 - Kế hoạch đào tạo năm học 2019 - 2020, 2020- 2021, 2021 -2022; 2.2.06 - Thời khóa biểu năm học 2019–2020; 2020–2021, 2021-2022; 2.2.09 - Giáo án giảng dạy của giáo viên năm học 2019–2020; 2020–2021, 2021-2022;

2.2.10 - Sổ lên lớp năm học 2019–2020; 2020–2021, 2021-2022; 5.8.03 - Biên bản bàn giao/nghiệm thu mua sắm trang thiết bị).

Điểm Tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 5: 02 điểm

2.2.6. TIÊU CHÍ 6: Dịch vụ cho người học

Đánh giá tổng quát tiêu chí 6:

Mở đầu:

Nhà trường luôn quan tâm đến các dịch vụ cho HSSV nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi để người học yên tâm và phát huy tốt nhất khả năng của mình trong thời gian học tập và rèn luyện tại trường. Trong tuần học tập đầu khoá, nhà trường phổ biến về chương trình, kế hoạch, mục tiêu và các yêu cầu về chuyên môn của từng nghề; quy chế thi, kiểm tra đánh giá, điều kiện xét tốt nghiệp cho HSSV; nội dung các nội quy, quy chế của nhà trường; các quy định của địa phương.

HSSV trong diện chế độ chính sách đều được hưởng các chế độ theo quy định, được đáp ứng đầy đủ về chỗ ăn, chỗ ở, các tiện nghi sinh hoạt và nhu cầu vui chơi, giải trí. Công tác chăm sóc sức khỏe cho sinh viên nghề Công nghệ thông tin (UDPM) nói riêng; học sinh, sinh viên nhà trường nói chung luôn được quan tâm đúng mức, đảm bảo tốt nhất cho người học.

Ngoài ra, HSSV còn được cung cấp đầy đủ các thông tin về nghề nghiệp, việc làm và được tư vấn, trợ giúp giới thiệu việc làm khi ra trường

*** Những điểm mạnh:**

Nhà trường cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo, quy chế thi kiểm tra và xét công nhận tốt nghiệp nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành, về cơ hội việc làm.

Nhà trường luôn tạo tạo điều kiện cho người học hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

Nhà trường thực hiện kịp thời, đầy đủ các chính sách đối với người học như khen thưởng, hỗ trợ học bổng cho học sinh, sinh viên có thành tích cao trong học tập và rèn luyện, hỗ trợ miễn giảm học phí, hỗ trợ chính sách nội trú .

*** Những tồn tại:** Không có

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Năm học 2022 - 2023 và những năm tiếp theo, Nhà trường tiếp tục cải tiến các hình thức cung cấp thông tin để đảm bảo tất cả HSSV đều nắm vững các quy chế, nội quy, quy định của nhà trường. Tăng cường liên doanh liên kết với các doanh nghiệp trong và ngoài nước để tạo cơ hội việc làm có thu nhập cao cho HSSV sau khi ra trường.

Điểm đánh giá tiêu chí 6

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 6	8

Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2

Tiêu chuẩn 1: *Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đã cung cấp đầy đủ những thông tin cần thiết cho HSSV thông qua nhiều hình thức khác nhau:

- Trước khi vào học tại nhà trường, HSSV đã được tìm hiểu về nhà trường thông qua các thông tin về tuyển sinh của nhà trường, thông qua việc cung cấp thông tin của cán bộ tuyển sinh về các chế độ, quyền lợi khi vào trường học tập (**1.1.07** - *Các tờ rơi tuyển sinh của Trường năm 2020, 2021, 2022*).

- Đối với những HSSV trúng tuyển, ngay từ những ngày đầu nhập học, HSSV đã được học “Tuần sinh hoạt công dân” trong thời gian 1 tuần. Từ năm 2021, theo hướng dẫn tập huấn của Tổng cục GDNN, Nhà trường đã xây dựng Chương trình tuần sinh hoạt công dân. (**1.1.09** - *Kế hoạch tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân” cho HSSV năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 6.1.01* - *Chương trình tuần sinh hoạt công dân cho HSSV Nhà trường năm 2021*). Nội dung của chương trình Chương trình tuần sinh hoạt công dân gồm 40 giờ, nhằm cung cấp thông tin cần thiết cho HSSV bao gồm 9 chuyên đề trong đó bao gồm đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học (**2.2.01** – *Quy chế đào tạo năm 2019, 2022; 1.1.01* - *Quyết định số 88/CDKT ngày 18/5/2017 về việc ban hành CTĐT năm 2017; Quyết định số 402/QĐ-CDKT ngày 24/5/2019 về việc ban hành CTĐT năm 2019; Quyết định số 188/QĐ- CDKT ngày 25/05/2022 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2022); 2.5.05* - *Quyết định số 177/QĐ-CDKT ngày 31/5/2021 của Hiệu trưởng về việc phê duyệt về việc ban hành Quy chế công tác HSSV của Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội; 6.1.03* - *Quyết định số 04/QĐ-CDKT ngày 04/01/2018 của Hiệu trưởng trường CDKTCNHN về việc ban hành Quy trình thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Quy chế giảng dạy; 6.1.04* – *Các công văn hướng dẫn thủ tục, hồ sơ xin miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập năm 2020, 2021, 2022; 6.1.05* - *Quy định xét, cấp học bổng khuyến khích học tập kèm theo Quyết định số 09/QĐ-CDKT ngày 10/01/2018; Quyết định số 615/QĐ-CDKT ngày 24/11/2017 ban hành quy định về khen thưởng học sinh, sinh viên năm học và toàn khóa học*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 6: 02 điểm

Tiêu chuẩn 2: *Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích*

kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ các văn bản: Nghị định số 86/2015/NĐ – CP quy định về cơ chế thu, quản lí học phí và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020 -2021; Nghị định số 81/2021/NĐ – CP quy định về cơ chế thu, quản lí học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo; Thông tư liên tịch số 09/2016/ TTLT – BGDĐT – BTC – BLĐTBXH của Bộ Giáo dục và Đào tạo – Bộ Tài chính – Bộ LĐTBXH hướng dẫn thực hiện Nghị định 86/2015/ NĐ – CP; Quyết định số 53/2015/ QĐ – TTg ngày 20/10/2015 về chính sách nội trú; Thông tư liên tịch số 14/2016/TTLT-BGDĐT – BLĐTBXH – BTC ngày 05/05/2016 sửa đổi bổ sung mục III của Thông tư liên tịch số 23/2008/TTLT – BGDĐT - BLĐTBXH – BTC ngày 28/4/2008 của liên bộ hướng dẫn thực hiện Quyết định số 152/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ngày 14/9/2007 về chính sách học bổng đối với HSSV tại cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc diện chính sách, hàng năm căn cứ vào các quy định của nhà nước, Trường ban hành các thông báo về việc thực hiện chế độ chính sách cho HSSV của nhà trường theo từng kỳ học, thống kê từng chế độ, chính sách, thủ tục, hồ sơ để được hưởng gồm những gì... Trong các năm học 2019 -2020, 2020 - 2021, 2021 – 2022, Nhà trường đã thực hiện miễn, giảm học phí theo quy định cho nhiều HSSV học nghề Công nghệ thông tin (UDPM) trình độ Cao đẳng. Ngoài ra Nhà trường còn phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương tiến hành cấp giấy xác nhận cho HSSV thuộc diện hưởng chế độ chính sách của Nhà nước như: Miễn, giảm học phí; Hỗ trợ chi phí học tập; Trợ cấp xã hội; vay vốn tín dụng, ... **(6.1.04 - Các công văn hướng dẫn thủ tục, hồ sơ xin miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập năm 2020, 2021, 2022; 6.2.01 - Các quyết định về việc miễn giảm học phí cho HSSV các năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022)**. Tất cả các chế độ, chính sách học sinh, sinh viên được hưởng đều được Trường thực hiện đúng quy định.

- Nhà trường đã ban hành hệ thống văn bản quy định chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích đối với HSSV đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện như: Hướng dẫn thực hiện chế độ chính sách và công tác đoàn thể đối với HSSV; Quy chế Công tác HSSV; Quy định mức cấp học bổng khuyến khích học tập đối với HSSV **(2.5.05 - Quyết định số 177/QĐ-CDKT ngày 31/5/2021 của Hiệu trưởng về việc phê duyệt về việc ban hành Quy chế công tác HSSV của Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội; 6.1.05 - Quy định xét, cấp học bổng khuyến khích học tập kèm theo Quyết định số 09/QĐ-CDKT ngày 10/01/2018; Quyết định số 615/QĐ-CDKT ngày 24/11/2017 ban hành quy định về khen thưởng học sinh, sinh viên năm học và toàn khóa học; 1.3.02 – Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020, 2021, 2022)**.

- Ngoài các chế độ, chính sách của Nhà nước đối với HSSV, nhà trường còn có chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Tại Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường, có thể hiện nội dung: Chi khen thưởng HSSV có thành tích trong học tập, rèn luyện văn hóa TĐTT... **(6.2.02 - Các quyết định khen thưởng HSSV đạt thành tích cao trong học tập và rèn luyện năm 2019, 2020, 2021; 6.2.03 - Các quyết định cấp học bổng khuyến khích học tập cho HSSV các năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022)**.

Công tác tư vấn, hỗ trợ người học trong quá trình học, được Nhà trường giao cho Phòng Công tác HSSV, Phòng quản lý Đào tạo và các CVHT kiêm giáo viên chủ nhiệm lớp sinh viên phối hợp tổ chức thực hiện thường xuyên. Các đơn vị, cá nhân được giao nhiệm vụ tổ chức thông tin đầy đủ đến người học về cơ chế tư vấn, hỗ trợ và bộ phận phụ trách, đồng thời tổ chức tư vấn trợ giúp HSSV bằng nhiều hình thức khác nhau, như: Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện Công tác HSSV hàng năm; Tư vấn hỗ trợ trực tiếp trong “*tuần sinh hoạt công dân*”; Phân công cán bộ, nhà giáo thường trực hàng ngày tại phòng Công tác HSSV để kịp thời tư vấn trợ giúp HSSV trong suốt quá trình học tập (**6.2.04** - Các Quyết định phân công nhà giáo làm công tác chủ nhiệm năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; **2.6.02** – Quyết định số 605/QĐ-CDKT ngày 01/9/2018 của Hiệu trưởng trường CDKTCNHN về việc quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Phòng Công tác HSSV và Thanh tra; Quyết định số 280/QĐ-CDKT ngày 16/8/2021 ban hành Quy định chức năng nhiệm vụ của Phòng Công tác HSSV; **6.2.05** - Báo cáo tổng kết công tác HSSV năm học 2019- 2020, 2021- 2020, 2021-2022).

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 2, tiêu chí 6: 02 điểm

Tiêu chuẩn 3: Hàng năm cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong quá trình đào tạo, Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội xác định Việc làm cho người học sau tốt nghiệp là một trong những tiêu chí đánh giá chất lượng đào tạo của nhà trường. Trường đã thực hiện việc cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp dưới các hình thức sau:

- Mời các doanh nghiệp tham gia các buổi giao lưu, định hướng, cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm cho sinh viên của trường. (**6.3.01** - Kế hoạch tổ chức các hoạt động tư vấn nghề nghiệp cho sinh viên các năm học 2019-2020; 2020-2021, 2021-2022)

- Mời các doanh nghiệp, các đơn vị có nhu cầu sử dụng người lao động về tư vấn việc làm và tuyển dụng ngay trong Lễ tốt nghiệp. (**6.3.02** - Kế hoạch tổ chức Lễ bế giảng và Ngày hội việc làm cho HSSV năm học 2018-2019; 2019-2020; 2020-2021)

- Nhà trường thu thập các thông tin tuyển dụng lao động từ các Ban quản lý các khu công nghiệp Hải Phòng, Thái Nguyên, Bắc Ninh, Hải Dương,... Cung cấp thông tin trên bảng thông báo, trên trang web của nhà trường. Sinh viên sắp tốt nghiệp và đã tốt nghiệp có thể tra cứu các thông tin tuyển dụng lao động để lựa chọn công việc cho mình phù hợp nhất (**6.3.03** - Các thông tin tuyển dụng lao động từ các doanh nghiệp gửi cho trường năm 2020, 2021, 2022; **6.3.04** - Ảnh chụp giao diện webside của trường có đăng thông tin tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp; **6.3.05** - Báo cáo kết quả tổ chức tư vấn và ngày hội việc làm cho SV các năm học 2019-2020; 2020-2021, 2021-2022; **6.3.06** – Hình ảnh hoạt động tư vấn việc làm của nhà trường, doanh nghiệp năm học 2019-2020; 2020-2021, 2021-2022; **6.3.07** - Danh sách các doanh nghiệp đăng ký tham gia Ngày hội việc làm năm học 2019-2020; 2020-2021; 2021-2022).

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 3, tiêu chí 6: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có các công trình phục vụ các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, cụ thể:

- Khu rèn luyện thể chất: Tổng diện tích của khu rèn luyện thể chất của trường: $(3196 + 540 + 1.160) = 4.896 \text{ m}^2$.

- Hội trường: 1.360 m^2 , chứa khoảng 600 chỗ ngồi.

Khu rèn luyện thể chất bao gồm: Nhà thể chất đa năng, sân bóng đá, sân bóng chuyên, sân bóng rổ, sân tập xà đơn, xà kép... Trường có Hội trường lớn được trang bị hệ thống âm thanh, ánh sáng, sân khấu, máy lạnh, trang bị trình chiếu, màn hình, sử dụng cho tổ chức lễ Khai giảng, tổng kết năm học, tổ chức văn nghệ, các hội nghị,... (5.1.02 - Quy hoạch tổng thể mặt bằng các khối công trình của Trường; 5.1.03 - Hồ sơ xây dựng các khối công trình; 5.1.04 - Hồ sơ hoàn công các khối công trình).

Trường đã tổ chức các hoạt động sinh hoạt ngoại khóa cho HSSV, cụ thể như sau: phong trào Thanh niên tình nguyện, Tuổi trẻ sáng tạo, Tuổi trẻ xung kích bảo vệ Tổ quốc - Tổ chức các hoạt động xã hội: trường giao cho Đoàn Thanh niên duy trì các hoạt động tình nguyện tại chỗ, tình nguyện tại các địa phương như: Tiếp sức mùa thi, Mùa hè xanh, Hiến máu tình nguyện; Tặng quà gia đình chính sách; Đồng hành với thanh niên khởi nghiệp; Hỗ trợ sinh viên do dịch bệnh Covid... Với vai trò xung kích đi đầu của tuổi trẻ, Đoàn thanh niên Nhà trường trong thời gian gần đây đã có nhiều đổi mới và hoạt động sôi nổi. Ban chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh luôn năng động, sáng tạo trong việc đề ra các kế hoạch, biện pháp tổ chức thực hiện phong trào Đoàn thu hút đông đảo đoàn viên tham gia đặc biệt đoàn viên là HSSV.

Đoàn Thanh niên đã tổ chức các hoạt động thi đấu thể thao, văn hoá văn nghệ chào mừng ngày thành lập Đoàn 26-3, ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 hàng năm, ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, tạo không khí sôi nổi, vui tươi, nâng cao tinh thần giảng dạy và học tập của Đoàn viên. Đoàn viên là đối tượng HSSV đã tích cực chủ động tham gia các phong trào văn hoá, văn nghệ TĐTT do các cấp tổ chức (6.4.01 – Hình ảnh các khu hoạt động VHVN-TĐTT; 6.4.02 – Các kế hoạch tổ chức VHVN-TĐTT năm 2020, 2021, 2022; 6.4.03 – Những hình ảnh HSSV nhà trường tham gia các hoạt động VHVN-TĐTT, hoạt động xã hội năm 2020, 2021, 2022; 6.4.04 – Kế hoạch hoạt động Đoàn thanh niên năm 2020, 2021, 2022; 6.4.05 – Báo cáo tổng kết của BCH Đoàn thanh niên năm 2019, 2020, 2021; 6.4.06 – Báo cáo của phòng công tác HSSV năm 2019, 2020, 2021; 6.4.07- Các quyết định khen thưởng, bằng khen, giấy khen của cấp trên của Đoàn thanh niên năm 2019, 2020, 2021)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 6: 2 điểm

2.2.7. TIÊU CHÍ 7: Giám sát, đánh giá chất lượng

Đánh giá tổng quát tiêu chí 7:

Mở đầu:

Mở đầu: Với mục đích thu nhận thông tin khách quan về sản phẩm đào tạo của nhà trường, để có căn cứ điều chỉnh trong công tác quản lý, tuyển sinh đào tạo phù hợp với yêu cầu xã hội. Hằng năm nhà trường có khảo sát đánh giá sự hài lòng của các doanh

ng nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội hoặc một số tỉnh lân cận, ngoài ra hiện nay nhà trường đang thực hiện chương trình khảo sát lần vết, khảo sát các doanh nghiệp sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị và khảo sát sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất kinh doanh dịch vụ. Thông qua kết quả khảo sát nhà trường nắm bắt được mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại các doanh nghiệp, với kết quả trên nhà trường có kế hoạch rà soát, điều chỉnh, bổ sung chương trình về kiến thức, kỹ năng cho người học để đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp.

Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp. Thu thập ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý. Thu thập ý kiến người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.

Nhà trường thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định. Thực hiện khảo sát HSSV sau tốt nghiệp bằng liên lạc qua điện thoại, thông qua kết quả khảo sát người học sau 6 tháng tốt nghiệp tỉ lệ người học tốt nghiệp có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo đạt trên 80%.

*** Những điểm mạnh:**

Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, có trên 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.

100% các đơn vị sử dụng lao động được điều tra đánh giá tốt các kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

*** Những tồn tại:** Hình thức khảo sát còn đơn điệu.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:** Từ năm 2023 và các năm tiếp theo, cần đa dạng các hình thức khảo sát như: Gọi điện thoại, Zalo, facebook, google form...

Điểm đánh giá tiêu chí 7

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 7	16
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất kinh doanh dịch vụ.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm Nhà trường đều tổ chức thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động có người học tốt nghiệp làm việc về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo đúng quy định. Trung tâm HTDN & HTVLSV lập kế hoạch khảo sát, lập danh sách các doanh nghiệp cần khảo sát, thực hiện khảo sát các doanh nghiệp. Phương pháp thu thập ý kiến của trường là khảo sát trực tiếp thông qua phiếu khảo sát. Kết quả khảo sát về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất kinh doanh dịch vụ đều đảm bảo từ 90% đánh giá tốt trở lên (7.1.01 - Bộ hồ sơ khảo sát doanh nghiệp các năm 2020, 2021, 2022 (gồm: Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, danh sách doanh nghiệp tham gia khảo sát, báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát)).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm Nhà trường đều tổ chức thu thập ý kiến từ người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp. Căn cứ vào số lượng HSSV tốt nghiệp hàng năm (7.2.01 – Quyết định công nhận tốt nghiệp năm 2019, 2020, 2021). Nhà trường lập kế hoạch thực hiện điều tra lần vết đối với người học sau khi tốt nghiệp. Phương pháp thu thập thông tin được thể hiện thông qua phiếu khảo sát. Kết quả khảo sát thể hiện từng năm trong 3 năm gần đây tỷ lệ cựu SV tìm được việc làm đúng với nghề được đào tạo trước 6 tháng rất cao (từ 95,5% trở lên). Hàng năm tỷ lệ mức độ tốt và rất tốt với chất lượng đào tạo chiếm 100%. 100% cựu SV cho rằng CTĐT phù hợp với vị trí việc làm tại DN của họ (7.2.02 - Bộ khảo sát cựu HSSV các năm 2020, 2021, 2022 (gồm: Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, danh sách cựu HSSV tham gia khảo sát, báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát)).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 3: Hàng năm thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng lao động, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm Nhà trường đều tổ chức thu thập ý kiến từ nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý. Qua kết quả khảo sát trên cho thấy: Hàng năm, Trường đã thu thập ý kiến trên 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý và hầu hết các ý kiến hài lòng về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán

bộ quản lý của trường (5.7.05 - Bộ hồ sơ khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý các năm 2020, 2021, 2022 (gồm: Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý tham gia khảo sát, báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát)).

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 3, tiêu chí 7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 4: Hàng năm thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ chính sách và các dịch vụ đối với người học

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm Nhà trường đều lập kế hoạch khảo sát để lấy ý kiến của người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học. Hàng năm, Trường đều thu thập ý kiến trên 30% người học. Người học đánh giá về tốt về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học (7.4.01 - Bộ hồ sơ khảo sát HSSV các năm 2020, 2021, 2022 (gồm: Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, danh sách HSSV tham gia khảo sát, báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát))

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 4, tiêu chí 7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, thực hiện Thông tư số 15/2017/TT-BLĐT BXH ngày 08/6/2017 và Thông tư số 28/2017/TT-BLĐT BXH ngày 15/12/2017 của Bộ LĐ-TB&XH, hàng năm (2019, 2020, 2021), Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng bao gồm tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp và tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo đúng quy định. Cụ thể theo quy trình như sau:

1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng.
2. Lập Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng
3. Thực hiện tự đánh giá chất lượng.
4. Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng.
5. Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng và gửi cơ quan có thẩm quyền.

Kết quả đánh giá hàng năm cho thấy Trường đều tự đánh giá đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin (UDPM) trình độ Cao đẳng.

(7.5.01- Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2020, 2021, 2022; 7.5.02- Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2020, 2021, 2022).

Kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin (UDPM) trình độ Cao đẳng như sau:

- Năm 2020 kết quả tự đánh giá là 96/100 điểm
- Năm 2021 kết quả tự đánh giá là 98/100 điểm

- Năm 2022 kết quả tự đánh giá là 100/100 điểm

(7.5.03 – Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2020, 2021, 2022; 7.5.04 – Thông báo xin ý kiến các đơn vị về nội dung báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo 2020, 2021, 2022; 7.5.05 – Biên bản họp công bố kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2020, 2021, 2022).

Hàng năm, trường thực hiện công khai kết quả tự đánh giá chất lượng CTĐT qua website trường.

Như vậy Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo đúng quy định tại Thông tư số 28/2017/TT-BLĐT BXH ngày 15/12/2017 của Bộ LĐT BXH.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 6: Hàng năm cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để từng bước nâng cao chất lượng đào tạo, hàng năm Trường xây dựng kế hoạch cụ thể và các biện pháp triển khai công tác cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở những tồn tại mà báo cáo tự đánh giá chất lượng hàng năm nêu ra. Từ đó, Nhà trường tăng cường các nguồn lực để đầu tư, xây dựng, hoạch định chiến lược phát triển Nhà trường trong từng giai đoạn.

Qua khảo sát và kiểm tra minh chứng:

Từ năm 2020 đến nay Nhà trường đều thực hiện tự đánh giá CTĐT nghề Công nghệ thông tin (UDPM) trình độ Cao đẳng. Trong nội dung đánh giá từng tiêu chí, Nhà trường đã có đánh giá điểm mạnh, điểm tồn tại và kế hoạch nâng cao chất lượng đào tạo (7.5.03 – Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2020, 2021, 2022). Trên cơ sở kết quả tự đánh giá chất lượng hàng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch cụ thể, chi tiết trong đó chỉ rõ thời gian, cách thức và nguồn lực thực hiện cho từng nội dung (7.6.01 – Kế hoạch cải thiện và nâng cao chất lượng đào tạo năm 2020, 2021, 2022).

**** Nội dung cơ bản kế hoạch gồm có:***

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ CB, NG, VC, NLD, trong đó tập trung nâng cao trình độ tin học, ngoại ngữ, kỹ năng nghề nhằm đáp ứng đào tạo nghề chất lượng cao.

- Đa dạng hóa phương thức đào tạo, đẩy mạnh hoạt động đào tạo liên thông, đẩy mạnh chất lượng hoạt động NCKH của nhà giáo, tăng cường số lượng nhà giáo tham gia NCKH, ứng dụng phần mềm mô phỏng trong dạy học.

- Sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí CTMT giai đoạn 2021-2025 để mua sắm, bổ sung số lượng thiết bị còn thiếu, thay thế thiết bị cũ, hỏng, lạc hậu và các phần mềm số hóa, mô phỏng hóa, thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo; thay thế, nâng cấp các trang thiết bị văn phòng để đáp ứng tốt các hoạt động của nhà trường.

+ Rà soát, chỉnh sửa CTĐT nghề Công nghệ thông tin (UDPM), nhằm cập nhật công nghệ mới và đáp ứng yêu cầu của xã hội.

+ Tổ chức hoạt động khoa học công nghệ gắn liền với việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giảng viên trong toàn trường; lựa chọn cán bộ giảng viên có năng lực và tâm huyết để đào tạo bồi dưỡng thành chuyên gia trong việc nghiên cứu, khai thác, ứng dụng công nghệ và các tiến bộ khoa học kỹ thuật.

*** Nội dung cơ bản đã cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo:**

- Đã hỗ trợ kinh phí cho đội ngũ CB, NG, VC, NLD đi học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ về mọi mặt.

- Tận dụng nguồn kinh phí, đầu tư mua sắm, bổ sung trang thiết bị đào tạo cho ngành Khai thác máy lạnh và điều hòa.

(7.6.02 – Báo cáo kết quả thực hiện cải thiện và nâng cao chất lượng đào tạo năm 2019, 2020, 2021)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Như đã mô tả tại Tiêu chuẩn Hàng năm, Nhà trường đều tổ chức thu thập ý kiến 100% người tốt nghiệp chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin (UDPM) trong vòng 06 tháng để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp. (7.2.01 – Quyết định công nhận tốt nghiệp năm 2019, 2020, 2021). Nhà trường lập kế hoạch thực hiện điều tra lần vết đối với người học sau tốt nghiệp. Phương pháp thu thập thông tin được thể hiện thông qua phiếu khảo sát (7.2.02 - Bộ khảo sát cựu HSSV các năm 2020, 2021, 2022 (gồm: Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, danh sách cựu HSSV tham gia khảo sát, báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát)).

Kết quả khảo sát thể hiện từng năm trong 3 năm gần đây tỷ lệ cựu SV tìm được việc làm đúng với nghề được đào tạo trước 6 tháng rất cao (từ 90% trở lên) (7.2.05 - Báo cáo kết quả khảo sát cựu HSSV năm 2020, 2021, 2022).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Như đã mô tả tại Tiêu chuẩn 1. Hàng năm Nhà trường đều tổ chức thu thập ý kiến từ các đơn vị sử dụng lao động có người học tốt nghiệp làm việc về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo đúng quy định (7.2.01 – Quyết định công nhận tốt nghiệp năm 2019, 2020, 2021). Phương pháp thu thập ý kiến của trường là khảo sát trực tiếp thông qua phiếu khảo sát.

Các doanh nghiệp này đều có người tốt nghiệp chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin (UDPM) trình độ cao đẳng đang làm việc. Kết quả cho thấy, có trên 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động (7.2.01 - Quyết định công nhận tốt nghiệp năm 2019, 2020, 2021; 7.1.01 - Bộ hồ sơ

khảo sát doanh nghiệp các năm 2020, 2021, 2022 (gồm: Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, danh sách doanh nghiệp tham gia khảo sát, báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 7: 02 điểm

PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Hàng năm, tiếp tục duy trì việc rà soát, điều chỉnh mục tiêu chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin (UDPM) đảm bảo phù hợp với chiến lược phát triển chung của nhà trường, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động thuộc lĩnh vực Công nghệ thông tin (UDPM), đặc biệt chú trọng các lĩnh vực điện công nghệ cao.

Tiếp tục đầu tư các nguồn lực cần thiết nhằm phát triển Khoa Công nghệ thông tin nói chung và chương trình ngành Công nghệ thông tin (UDPM) nói riêng thực sự trở thành chương trình chất lượng cao, đạt chuẩn quốc tế.

Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung để hoàn thiện chương trình, giáo trình ngành Công nghệ thông tin (UDPM) hiện đang đào tạo theo chu kỳ 3 năm.

Tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các doanh nghiệp về sự thích ứng với thực tế của các chương trình, giáo trình đào tạo hiện tại.

Duy trì việc thu thập ý kiến nhận xét đánh giá của cán bộ, giáo viên, học sinh về chất lượng giáo trình tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động khảo sát, lấy ý kiến đóng góp của cựu HSSV và Doanh nghiệp trong quá trình rà soát, điều chỉnh và cập nhật chương trình, giáo trình.

Tiếp tục đầu tư xây dựng phần mềm ảo mô phỏng cho các mô đun, môn học của ngành Công nghệ thông tin (UDPM).

Tiếp tục cải tiến các kênh thông tin cung cấp các thông tin liên quan đến chương trình đào tạo, các nội quy, quy chế, các chế độ, chính sách các chế độ ưu đãi, khuyến khích cho người học.

Trong giai đoạn 2020 - 2025, tiếp tục đẩy mạnh hoạt động của Trung tâm Tuyển sinh và Hợp tác đào tạo và Trung tâm Hợp tác Doanh nghiệp và Hỗ trợ việc làm sinh viên. Từ đó tăng cường nhân sự có năng lực, giao quyền tự chủ, mở rộng các mối quan hệ tìm kiếm các đối tác và ký kết các hợp đồng cung ứng lao động trên địa bàn Hà Nội và vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc.

Tiếp tục đẩy mạnh mối quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp trên địa bàn, cập nhật thường xuyên các nhu cầu của doanh nghiệp, kết hợp giữa đào tạo và sản xuất, nhằm tạo điều kiện tốt cho công tác dự báo nhu cầu sử dụng lao động theo từng ngành nghề, giúp HSSV ra trường có việc làm theo đúng ngành nghề được đào tạo.

Tiếp tục lấy ý kiến đánh giá từ cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người học, người học đã tốt nghiệp. Thường xuyên thay đổi nội dung, phương pháp khảo sát nhằm đi sâu vào thực tế.

Trên cơ sở kết quả của công tác lần vết nhà trường tiếp tục điều chỉnh chương trình, giáo trình cải tiến nâng cao chất lượng các hoạt động đào tạo.

PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Cơ quan quản lý Nhà nước cần có các chính sách khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tiến hành tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo để nâng cao chất lượng dạy nghề. Hỗ trợ công tác tập huấn, bồi dưỡng cán bộ, nhà giáo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp nội dung liên quan đến công tác tự đánh giá. Hỗ trợ về các giải pháp công nghệ nhằm nâng cao chất lượng của hệ thống đảm bảo chất lượng tại CSGDNN nói chung và Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp nói riêng./.

Nơi nhận:

- TC GDNN (để b/c)
- BGH;
- Các Phòng, Khoa, TT;
- Lưu: VT, KT&KĐCLĐT.

HIỆU TRƯỞNG

TS. Đồng Trung Chính

BẢNG MÃ MINH CHỨNG

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	MC sử dụng chung	Tên minh chứng
1	1	1	1.1.01		Quyết định số 88/CĐKT ngày 18/5/2017 về việc ban hành CTĐT năm 2017; Quyết định số 402/QĐ-CĐKT ngày 24/5/2019 về việc ban hành CTĐT năm 2019; Quyết định số 188/QĐ- CĐKT ngày 25/05/2022 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2022
2			1.1.02		Quyết định số 603/QĐ-CĐKT ngày 21/11/2017 của Hiệu trưởng ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Nhà trường; Quyết định số 23/QĐ-CĐKT ngày 14/1/2022 của Hiệu trưởng ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Nhà trường
3			1.1.03		Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN các năm 2018, 2019, 2020, 2021
4			1.1.04		Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 22/2/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050
5			1.1.05		Quyết định số 198/QĐ-TTg ngày 25/1/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030
6			1.1.06		Quyết định số 4772/QĐ-BCT ngày 6/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp, thương mại Vành đai kinh tế vịnh Bắc bộ đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035
7			1.1.07		Các tờ rơi tuyển sinh của Trường năm 2020, 2021, 2022
8			1.1.08		Website của trường tại địa chỉ http://www.hiec.edu.vn
9			1.1.09		Kế hoạch tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân” cho HSSV năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022
10			1	2	1.2.01

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	MC sử dụng chung	Tên minh chứng
11			1.2.02		Quyết định số 1510/QĐ-BCT ngày 24/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội
12			1.1.02		Quyết định số 603/QĐ-CĐKT ngày 21/11/2017 của Hiệu trưởng ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Nhà trường; Quyết định số 23/QĐ-CĐKT ngày 14/1/2022 của Hiệu trưởng ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Nhà trường
13			1.2.03		Quyết định số 278/QĐ-CĐKT ngày 16/8/2021 của Hiệu trưởng ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Khoa Công nghệ Thông tin
14			1.2.04		Báo cáo tổng kết Nhà trường và phương hướng nhiệm vụ năm học 2018 - 2019, 2019-2020, 2020 - 2021
15			1.2.05		Báo cáo tổng kết của đơn vị năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021
16			1.2.06		Quyết định công nhận kết quả đánh giá, xếp loại cho tập thể, cá nhân năm 2019, 2020, 2021
17			1.2.07		Quyết định công nhận danh hiệu thi đua cho tập thể và cá nhân năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
18	1	3	1.3.01		Nghị định của Chính phủ về việc quy định mức học phí tại cơ sở giáo dục năm 2015, 2021
19			1.3.02		Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020, 2021, 2022
20			1.3.03		Quyết định về việc quy định mức thu học phí năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021-2022
21			1.3.04		Quyết định ban hành định mức kinh tế kỹ thuật cho nghề Công nghệ thông tin (UDPM) trình độ Cao đẳng
22			1.3.05		Quyết định của Hiệu trưởng về việc ban hành định mức chi tối thiểu cho nghề Công nghệ thông tin (UDPM). trình độ Cao đẳng
23			1.3.06		Dự toán thu chi ngân sách nhà nước của Trường năm 2019, 2020, 2021, 2022

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	MC sử dụng chung	Tên minh chứng
24			1.3.07		Các quyết định của Bộ Công Thương giao dự toán ngân sách cho Trường năm 2019, 2020, 2021, 2022
25			1.3.08		Báo cáo tài chính năm 2019, 2020, 2021
26	2	1	2.1.01		Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN các năm 2018, 2019, 2020, 2021
27			2.1.02		Các quyết định ban hành Quy chế tuyển sinh của trường năm 2020, 2021, 2022
28			2.1.03		Các quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh, Ban thư ký tuyển sinh năm 2020, 2021, 2022
29			2.1.04		Kế hoạch tuyển sinh năm 2020, 2021, 2022
30			2.1.05		Công văn đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh của trường trong các năm học 2020, 2021, 2022
31			2.1.06		Thông báo tuyển sinh năm 2020, 2021, 2022
32			2.1.07		Hồ sơ xét tuyển năm 2020, 2021, 2022
33			2.1.08		Danh sách HSSV đủ điều kiện dự xét tuyển năm 2020, 2021, 2022
34			2.1.09		Bản dự kiến phương án trúng tuyển năm 2020, 2021, 2022
35			2.1.10		Biên bản họp của Hội đồng tuyển sinh năm 2020, 2021, 2022
36			2.1.11		Quyết định phê duyệt danh sách trúng tuyển năm 2020, 2021, 2022
37			2.1.12		Giấy báo nhập học năm 2020, 2021, 2022
38			2.1.13		Kế hoạch nhập học năm 2020, 2021, 2022
39			2.1.14		Danh sách HSSV nhập học và quyết định phân lớp năm 2020, 2021, 2022
40			2.1.15		Hồ sơ HSSV nhập học năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022
41					2.1.16
42	2	2	2.2.01		Quy chế đào tạo năm 2019, 2022
43			2.2.02		Quy định về mẫu biểu hồ sơ, sổ sách trong đào tạo
44			2.2.03		Kế hoạch đào tạo năm học 2019-2020; 2020-2021; 2021-2022
45			2.2.04		Tiến độ đào tạo các năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	MC sử dụng chung	Tên minh chứng		
46			2.2.05		Kế hoạch giáo viên năm học 2019–2020; 2020–2021; 2021–2022		
47			2.2.06		Thời khóa biểu năm học 2019–2020; 2020–2021; 2021–2022		
48			2.2.07		Tiến độ đào tạo điều chỉnh điều chỉnh năm học 2021 – 2022		
49			2.2.08		Kế hoạch giảng dạy của giáo viên năm học 2019–2020, 2020–2021, 2021–2022		
50			2.2.09		Giáo án giảng dạy của giáo viên năm học 2019–2020; 2020–2021; 2021–2022		
51			2.2.10		Sổ lên lớp năm học 2019–2020; 2020–2021; 2021–2022		
52			2.2.11		Sổ tay giáo viên năm học 2019–2020, 2020–2021, 2021–2022		
53			2.2.12		Kế hoạch kiểm tra hoạt động đào tạo năm học 2019–2020, 2020–2021, 2021–2022		
54			2.2.13		Biên bản kiểm tra công tác đào tạo năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021 – 2022		
55			2.2.14		Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra hoạt động đào tạo năm học 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021		
56			2	3		1.1.01	Quyết định số 88/CĐKT ngày 18/5/2017 về việc ban hành CTĐT năm 2017; Quyết định số 402/QĐ-CĐKT ngày 24/5/2019 về việc ban hành CTĐT năm 2019; Quyết định số 188/QĐ- CĐKT ngày 25/05/2022 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2022
57						2.2.03	Kế hoạch đào tạo năm học 2019–2020; 2020–2021; 2021–2022
58						2.2.04	Tiến độ đào tạo các năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021 – 2022
59						2.2.05	Kế hoạch giáo viên năm học 2019–2020; 2020–2021; 2021–2022
60		2.2.06			Thời khóa biểu năm học 2019–2020; 2020–2021; 2021–2022		
61		2.2.07			Tiến độ đào tạo điều chỉnh điều chỉnh năm học 2021 – 2022		
62		2.2.08			Kế hoạch giảng dạy của giáo viên năm 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021 – 2022		
63		2.2.09			Giáo án giảng dạy của giáo viên năm học 2019–2020; 2020–2021; 2021–2022		
64		2.2.10			Sổ lên lớp năm học 2019–2020; 2020–2021; 2021–2022		
65		2.2.11			Sổ tay giáo viên năm học 2019–2020; 2020–2021; 2021–2022		
66		2.3.01				Danh sách MĐ/MH nghề Công nghệ thông tin (UDPM) có ứng dụng CNTT trong dạy học	

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	MC sử dụng chung	Tên minh chứng
67			2.3.02		Danh sách MĐ/MH nghề Công nghệ thông tin (UDPM) sử dụng thiết bị mô phỏng hoặc phần mềm mô phỏng hoặc sử dụng các phần mềm hỗ trợ soạn bài giảng điện tử năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021 – 2022
68			2.3.03		Biên bản các buổi sinh hoạt chuyên môn năm 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021 – 2022
69			2.3.04		Kế hoạch dự giờ của khoa các năm 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021 – 2022
70				2.1.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN các năm 2018, 2019, 2020, 2021
71				1.1.01	Quyết định số 88/CĐKT ngày 18/5/2017 về việc ban hành CTĐT năm 2017; Quyết định số 402/QĐ-CĐKT ngày 24/5/2019 về việc ban hành CTĐT năm 2019; Quyết định số 188/QĐ- CĐKT ngày 25/05/2022 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2022)
72				2.2.03	Kế hoạch đào tạo năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021 – 2022
73				2.2.04	Tiến độ đào tạo các năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021 – 2022
74				2.2.05	Kế hoạch giáo viên năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021 – 2022.
75	2	4		2.2.08	Kế hoạch giảng dạy của giáo viên năm học 2019–2020; 2020–2021; 2021–2022
76			2.4.01		Các hợp đồng/biên bản thỏa thuận với đơn vị sử dụng lao động về việc cho người học thực hành, thực tập năm 2020, 2021,2022
77			2.4.02		Kế hoạch cho sinh viên đi thực tập năm 2020, 2021,2022
78			2.4.03		Quyết định cử HSSV đi thực tập tại doanh nghiệp năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021 – 2022
79			2.4.04		Đề cương thực hành, thực tập tại doanh nghiệp
80			2.4.05		Báo cáo thực tập của HSSV các năm 2020, 2021, 2022
81				2.2.01	Quy chế đào tạo năm 2019, 2022
82	2	5	2.5.01		Quy chế tổ chức thi năm 2018
83			2.5.02		Quy trình thi kết thúc môn học/mô đun

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	MC sử dụng chung	Tên minh chứng
84				1.1.01	Quyết định số 88/CĐKT ngày 18/5/2017 về việc ban hành CTĐT năm 2017; Quyết định số 402/QĐ-CĐKT ngày 24/5/2019 về việc ban hành CTĐT năm 2019; Quyết định số 188/QĐ- CĐKT ngày 25/05/2022 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2022
85				2.2.09	Giáo án giảng dạy của giáo viên năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021 – 2022
86				2.2.10	Sổ lên lớp năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021 – 2022
87				2.2.11	Sổ tay giáo viên năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021 – 2022
88			2.5.03		Hồ sơ thi kết thúc MĐ/MH nghề Công nghệ thông tin/UDPM trình độ Cao đẳng năm 2020, 2021, 2022
89			2.5.04		Hồ sơ xét công nhận tốt nghiệp nghề Công nghệ thông tin/ UDPM các khóa năm học 2019–2020; 2020–2021; 2021–2022
90			2.5.05		Quyết định số 177/QĐ-CĐKT ngày 31/5/2021 của Hiệu trưởng về việc phê duyệt về việc ban hành Quy chế công tác HSSV của Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội
91			2.5.06		Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV
92			2.5.07		Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV năm học 2019–2020; 2020–2021; 2021–2022
93			2.5.08		Hồ sơ đánh giá rèn luyện của HSSV năm học 2019–2020; 2020–2021; 2021–2022
94			2.5.09		Quyết định công nhận kết quả rèn luyện của HSSV năm học 2019–2020; 2020–2021; 2021–2022
95			2.5.10		Quyết định số 157a/QĐ-CĐKT ngày 19/5/2017 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội về việc ban hành Quy định in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; Quyết định số 230/QĐ-CĐKT ngày 15/5/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội về việc ban hành Quy định in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	MC sử dụng chung	Tên minh chứng
96	2	6	2.5.11		QĐ số 156/QĐ-CĐKT ngày 8/6/2020 của của Hiệu trưởng về việc ban hành quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng của trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội và Quyết định số 173/QĐ-CĐKT ngày 15/4/2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng của trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội
97			2.5.12		Công văn số 69/CV-CĐKT ngày 8/6/2020 về việc báo cáo mẫu phôi bằng tốt nghiệp; CV số 73/CV-CĐKT ngày 18/5/2022 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội v/v Báo cáo ban hành mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, chứng chỉ sở cấp
98			2.5.13		Sổ cấp phát văn bằng, chứng chỉ
99				1.2.04	Báo cáo tổng kết Nhà trường và phương hướng nhiệm vụ năm học 2018 - 2019, 2019-2020, 2020 - 2021
100				1.2.05	Báo cáo tổng kết của đơn vị năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021
101			2.5.14		Báo cáo hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân năm 2019, 2020, 2021
102			2.6.01		Các Quyết định của Hiệu trưởng nhà trường, về việc thành lập Đoàn kiểm tra hoạt động đào tạo năm học 2019–2020; 2020–2021; 2021–2022
103				2.2.12	Kế hoạch kiểm tra hoạt động đào tạo năm học 2019–2020; 2020–2021; 2021–2022
104				2.2.13	Biên bản kiểm tra công tác đào tạo năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021 – 2022;
105				2.2.14	Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra hoạt động đào tạo năm học 2018 – 2019; 2019 – 2020; 2020 – 2021
106		2.6.02		Quyết định số 605/QĐ-CĐKT ngày 01/9/2018 của Hiệu trưởng trường CĐKTCNHN về việc quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Phòng Công tác HSSV và Thanh tra; Quyết định số 280/QĐ-CĐKT ngày 16/8/2021 ban hành Quy định chức năng nhiệm vụ của Phòng Công tác HSSV	
107		2.6.03		Kế hoạch kiểm tra hoạt động đào tạo Khoa Công nghệ thông tin năm học 2019–2020; 2020–2021; 2021–2022	

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	MC sử dụng chung	Tên minh chứng	
108			2.6.04		Biên bản kiểm tra hoạt động đào tạo Khoa Công nghệ Thông tin năm học 2019–2020; 2020–2021; 2021–2022	
109			2.6.05		Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra hoạt động đào tạo tại Khoa Công nghệ thông tin năm học 2019–2020; 2020–2021; 2021–2022	
110				2.2.07	Tiến độ đào tạo điều chỉnh điều chỉnh năm học 2021 – 2022	
111				1.1.03	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN các năm 2018, 2019, 2020, 2021	
112	2	7	2.7.01		Quy định số 176/QĐ–CĐKT ngày 18/06/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội Quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong GDNN năm 2018	
113			2.7.02		Quyết định ban hành chương trình đào tạo liên thông năm 2018, 2019	
114				2.1.02		Quyết định ban hành Quy chế tuyển sinh năm 2020, 2021, 2022
115			2.7.03			Thông báo tuyển sinh đào tạo liên thông các năm 2019, 2020, 2021
116			2.7.04			Báo cáo công tác đào tạo liên thông các năm 2020, 2021).
117			3	1	3.1.01	
118	3.1.02				Hồ sơ quản lý nhà giáo dạy nghề Công nghệ thông tin	
119	3.1.03				Hồ sơ đánh giá, phân loại nhà giáo năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	
120		1.2.04				Báo cáo tổng kết Nhà trường và phương hướng nhiệm vụ năm học 2018 - 2019, 2019-2020, 2020 - 2021
121		1.2.05				Báo cáo tổng kết của đơn vị năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021
122		3.1.04				Bộ hợp đồng đào tạo môn Giáo dục quốc phòng và an ninh năm 2020, 2021, 2022
123	3	2			3.2.01	

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	MC sử dụng chung	Tên minh chứng
124				1.1.02	Quyết định số 603/QĐ-CĐKT ngày 21/11/2017 của Hiệu trưởng ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Nhà trường; Quyết định số 23/QĐ-CĐKT ngày 14/1/2022 của Hiệu trưởng ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Nhà trường; 3.2.02 - Bảng phân công nhiệm vụ Khoa Công nghệ - Kỹ thuật năm 2020, 2021, 2022)
125				3.2.02	Bảng phân công nhiệm vụ Khoa Công nghệ thông tin năm 2020, 2021, 2022
126				3.1.01	Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo dạy nghề năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022
127				2.2.03	Kế hoạch đào tạo năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022
128				2.2.04	Tiến độ đào tạo các năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021 – 2022
129				2.2.05	Kế hoạch giáo viên năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022
130				2.2.08	Kế hoạch giảng dạy của giáo viên năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022
131				2.2.09	Giáo án giảng dạy của giáo viên năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022
132				2.2.10	Sổ lên lớp năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022
133				2.2.11	Sổ tay giáo viên năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022)
134				3.2.03	Quyết định số 325QĐ/CĐKT ngày 09/8/2019 v/v ban hành các quy trình bảo đảm chất lượng đợt 2, trong đó có Quy trình số 7 đánh giá, phân loại VC và người Lao động
135				3.1.01	Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo dạy nghề năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022
136				3.2.04	Hồ sơ đánh giá, xếp loại nhà giáo năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022
137				3.2.05	Quyết định công nhận danh hiệu thi đua cho tập thể và cá nhân năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022
138				1.2.07	Quyết định công nhận danh hiệu thi đua cho tập thể và cá nhân năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
139				1.2.03	Báo cáo tổng kết Nhà trường và phương hướng nhiệm vụ năm 2019, 2020, 2021

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	MC sử dụng chung	Tên minh chứng
140				1.2.04	Báo cáo tổng kết Nhà trường và phương hướng nhiệm vụ năm học 2018 - 2019, 2019-2020, 2020 - 2021
141			3.2.06		Báo cáo tổng kết công tác thanh tra đào tạo năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022
142				1.1.01	Quyết định số 88/CĐKT ngày 18/5/2017 về việc ban hành CTĐT năm 2017; Quyết định số 402/QĐ-CĐKT ngày 24/5/2019 về việc ban hành CTĐT năm 2019; Quyết định số 188/QĐ- CĐKT ngày 25/05/2022 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2022)
143				3.1.01	Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo dạy nghề năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022
144				2.2.03	Kế hoạch đào tạo năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022
145				2.2.04	Tiến độ đào tạo các năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021 – 2022
146				2.2.05	Kế hoạch giáo viên năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022
147				2.2.08	Kế hoạch giảng dạy của giáo viên năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022
148	3	3		3.2.01	Quyết định số 221a/QĐ-CĐKT ngày 20/5/2019 của Hiệu trưởng ban hành Quy định Chế độ làm việc của Nhà giáo GDNN của Nhà trường
149				2.1.14	Danh sách HSSV nhập học và quyết định phân lớp năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022
150				2.2.03	Kế hoạch đào tạo năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022
151				2.2.04	Tiến độ đào tạo các năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021 – 2022
152				2.2.05	Kế hoạch giáo viên năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022
153				2.2.08	Kế hoạch giảng dạy của giáo viên năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022
154				2.2.09	Giáo án giảng dạy của giáo viên năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022
155				2.2.10	Sổ lên lớp năm học 2019–2020; 2020–2021; 2021–2022
156				2.2.11	Sổ tay giáo viên năm học 2019–2020; 2020–2021; 2021–2022

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	MC sử dụng chung	Tên minh chứng
157				3.2.01	Quyết định số 221a/QĐ-CĐKT ngày 20/5/2019 của Hiệu trưởng ban hành Quy định Chế độ làm việc của Nhà giáo GDNN của Nhà trường
158			3.3.01		Bảng tổng hợp số giờ giảng dạy của đội ngũ nhà giáo dạy nghề Công nghệ thông tin trình (UDPM) độ Cao đẳng năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022
159			3.3.02		Các kế hoạch thực hiện nhiệm vụ khác của nhà giáo theo năm học 2019 – 2020; 2020 - 2021, 2021-2022
160			3.4.01		Các quyết định công nhận đề tài NCKH, đạt thành tích tại hội giảng các cấp, hội thi thiết bị tự làm các cấp và sáng cải tiến kỹ thuật năm học 2019 – 2020; 2020 -2021, 2021-2022
161			3.4.02		Thông báo đăng ký đề tài nghiên cứu khoa học năm học 2019 – 2020; 2020 -2021, 2021-2022
162			3.4.03		Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu đề tài NCKH & SKCT, Ban giám khảo Nhà trường năm học 2019 – 2020; 2020 -2021, 2021-2022
163			3.4.04		Hồ sơ thuyết minh khoa học năm học 2019 – 2020; 2020 -2021, 2021-2022
164			3.4.05		Biên bản họp nghiệm thu đề tài khoa học và sáng cải tiến kỹ thuật năm học 2019 – 2020; 2020 -2021, 2021-2022
165			3.4.06		Kế hoạch hội giảng năm học 2019 - 2020, 2020 – 2021, 2021-2022
166			3.4.07		Hồ sơ hội giảng các cấp
167			3.4.08		Các Quyết định công nhận giáo viên đạt giải trong hội giảng nhà giáo GDNN các cấp năm học 2019 - 2020, 2020 – 2021, 2021-2022
168			3.4.09		Giấy khen, bằng khen của nhà giáo dạy nghề Công nghệ thông tin năm học 2019 - 2020, 2020 – 2021, 2021-2022
169			3.4.10		Các quyết định khen thưởng cá nhân đạt giải tại Hội thi thiết bị đào tạo tự làm các cấp năm học 2019 - 2020, 2020 – 2021, 2021-2022
170			3.5.01		Kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng của đội ngũ nhà giáo 2019, 2020, 2021, 2022
171			3.5.02		Bảng thống kê danh sách giáo viên đi tập huấn, hội thảo năm 2020, 2021, 2022

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	MC sử dụng chung	Tên minh chứng	
172			3.5.03		Quyết định cử nhà giáo đi học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ năm 2019, 2020, 2021, 2022	
173			3.5.04		Hồ sơ mở lớp bồi dưỡng cho nhà giáo	
174			3.5.05		Văn bằng chứng chỉ sau khi hoàn thành khóa học năm 2019, 2020, 2021, 2022	
175			3.5.06		Báo cáo kết quả học tập bồi dưỡng của các nhà giáo năm 2019, 2020, 2021	
176				3.2.01	Quyết định số 221a/QĐ-CDKT ngày 20/5/2019 của Hiệu trưởng ban hành Quy định Chế độ làm việc của Nhà giáo GDNN của Nhà trường	
177	3	6	3.6.01		Quyết định cử giáo viên đi thực tập tại doanh nghiệp năm 2020, 2021, 2022	
178			3.6.02		Các kế hoạch thực tập doanh nghiệp của Nhà giáo năm 2020, 2021, 2022	
179				3.1.01		Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo nghề Công nghệ thông tin năm 2020, 2021, 2022
180			3.6.03		Các báo cáo thực tập trải nghiệm của nhà giáo tại doanh nghiệp năm 2020, 2021, 2022	
181	3	7	3.7.01		Danh sách trích ngang cán bộ quản lý, nhân viên năm học 2019 - 2020, 2020- 2021, 2021-2022	
182			3.7.02		Quy định tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo các đơn vị trong Nhà trường	
183			3.7.03		Hồ sơ của cán bộ quản lý và nhân viên	
184	3	8		3.7.01	Danh sách trích ngang cán bộ quản lý, nhân viên năm học 2019 - 2020, 2020- 2021, 2021-2022	
185			3.8.01		Bản tự nhận xét đánh giá, xếp loại của cán bộ quản lý và nhân viên năm học 2019 - 2020, 2020- 2021, 2021-2022	
186			3.8.02		Quyết định đánh giá xếp loại lao động của cán bộ quản lý và nhân viên năm học 2019 - 2020, 2020- 2021, 2021-2022	
187				1.2.04		Báo cáo tổng kết Nhà trường và phương hướng nhiệm vụ năm học 2018 - 2019, 2019-2020, 2020 - 2021
188	4	1		2.1.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN các năm 2018, 2019, 2020, 2021	

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	MC sử dụng chung	Tên minh chứng
189			4.1.01		Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo năm 2018, 2019
190			4.1.02		Kế hoạch xây dựng, rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo các năm 2018, 2019, 2022; Quyết định thành lập Hội đồng rà soát chương trình đào tạo năm 2022; Biên bản họp rà soát chương trình đào tạo 2022
191			4.1.03		Hồ sơ xây dựng chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp các năm 2018, 2019
192			4.1.04		Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT các năm 2018, 2019
193			4.1.05		Danh sách trích ngang thành viên Hội đồng thẩm định các năm 2018, 2019
194			4.1.06		Biên bản thẩm định chương trình đào tạo các năm 2018, 2019
195			4.1.07		Bản nhận xét, đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo tiêu chí các năm 2018, 2019
196			4.1.08		Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng các năm 2018, 2019, 2022 (bao gồm cả Chương trình chi tiết các môn học, mô đun).
197			4.2.01		Quy trình xây dựng chương trình đào tạo; quy trình bổ sung, chỉnh sửa chương trình đào tạo
198				4.1.01	Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo các năm 2018, 2019, 2022
199	4	2		4.1.03	Hồ sơ xây dựng chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp năm 2018, 2019, 2022
200				4.1.04	Quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo các năm 2018, 2019
201				4.1.05	Danh sách trích ngang thành viên Hội đồng thẩm định các năm 2018, 2019
202				4.1.06	Biên bản thẩm định chương trình đào tạo các năm 2018, 2019
203				4.1.07	Bản nhận xét, đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo tiêu chí các năm 2018, 2019
204	4	3		1.1.01	Quyết định số 88/CĐKT ngày 18/5/2017 về việc ban hành CTĐT năm 2017; Quyết định số 402/QĐ-CĐKT ngày 24/5/2019 về việc ban hành CTĐT năm 2019; Quyết định số 188/QĐ- CĐKT ngày 25/05/2022 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2022

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	MC sử dụng chung	Tên minh chứng
205	4	4		1.1.01	Quyết định số 88/CĐKT ngày 18/5/2017 về việc ban hành CTĐT năm 2017; Quyết định số 402/QĐ-CĐKT ngày 24/5/2019 về việc ban hành CTĐT năm 2019; Quyết định số 188/QĐ- CĐKT ngày 25/05/2022 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2022
206	4	5		1.1.01	Quyết định số 88/CĐKT ngày 18/5/2017 về việc ban hành CTĐT năm 2017; Quyết định số 402/QĐ-CĐKT ngày 24/5/2019 về việc ban hành CTĐT năm 2019; Quyết định số 188/QĐ- CĐKT ngày 25/05/2022 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2022
207	4	6		1.1.01	Quyết định số 88/CĐKT ngày 18/5/2017 về việc ban hành CTĐT năm 2017; Quyết định số 402/QĐ-CĐKT ngày 24/5/2019 về việc ban hành CTĐT năm 2019; Quyết định số 188/QĐ- CĐKT ngày 25/05/2022 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2022
208			4.7.01		Hình ảnh Website sàn giao dịch việc làm Hà Nội
209			4.7.02		Các Thông báo tuyển dụng nghề Công nghệ thông tin (WDPM) năm 2020, 2021, 2022
210			4.7.03		Kế hoạch tổ chức Lễ bế giảng và Ngày hội việc làm cho HSSV năm 2020, 2021, 2022
211			4.7.04		Hình ảnh Lễ bế giảng và Ngày hội việc làm cho HSSV năm 2020, 2021, 2022
212				4.1.01	Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo các năm 2018, 2019
213				4.1.03	Hồ sơ xây dựng chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp các năm 2018, 2019
214				4.1.04	Quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo các năm 2018, 2019
215				4.1.06	Biên bản thẩm định chương trình đào tạo các năm 2018, 2019
216				4.1.07	Bản nhận xét, đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo tiêu chí các năm 2018, 2019
217	4	8		4.2.01	Quy trình xây dựng chương trình đào tạo; quy trình bổ sung, chỉnh sửa chương trình đào tạo;

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	MC sử dụng chung	Tên minh chứng	
218				2.7.01	Quy định số 176/QĐ–CĐKT ngày 18/06/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội Quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong GDNN năm 2018	
219				2.7.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo liên thông năm 2018, 2019	
220			4.8.01		Biên bản thoả thuận về việc công nhận kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng đã tích lũy của người học được miễn trừ khi liên thông trình độ Đại học	
221			4.8.02		Chương trình đào tạo trình độ Đại học liên thông từ Cao đẳng lên Đại học chuyên ngành Công nghệ thông tin (UDPM) trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	
222			4.8.03		Quy định về công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng đã tích lũy của người học được miễn trừ khi học chương trình đào tạo liên thông của Đại học Công nghiệp Hà Nội	
223			4.8.04		Quyết định số 744/QĐ–ĐHCN ngày 19/08/2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	
224			4.8.05		Thông báo tuyển sinh liên thông trình độ đại học của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội năm 2021, 2022	
225					2.7.04	Báo cáo công tác đào tạo liên thông các năm 2020, 2021).
226			4	9		1.1.01
227	4.9.01				Quyết định số 499/QĐ-CĐKT ngày 24/07/2018 về việc ban hành giáo trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp năm 2018	
228	4.9.02				Quyết định số 272/QĐ-CĐKT ngày 24/07/2019 về việc phê duyệt và ban hành giáo trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp năm 2019	

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	MC sử dụng chung	Tên minh chứng	
229			4.9.03		Quyết định số 449b/QĐ-CĐKT ngày 24/07/2018 về việc lựa chọn giáo trình làm tài liệu giảng dạy cho các nghề đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp năm 2018	
230			4.9.04		Quyết định số 272b/QĐ-CĐKT ngày 24/07/2019 về việc lựa chọn giáo trình làm tài liệu giảng dạy cho các nghề đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp năm 2019 và áp dụng 12 giáo trình môn học chung do Tổng cục GDNN ban hành	
231	4	10	4.10.01		Kế hoạch số 123/KH-CĐKTCNHN ngày 15/05/2018 biên soạn, lựa chọn và thẩm định giáo trình năm 2018, Kế hoạch số 312/KH-CĐKTCNHN ngày 27/05/2019 biên soạn, lựa chọn và thẩm định giáo trình năm 2019; Kế hoạch rà soát giáo trình đào tạo năm 2022 Số 37/KH-CĐKT ngày 25/02/2022; Quyết định số 43/QĐ-CĐKT, ngày 25/02/2022 về việc thành lập Hội đồng rà soát giáo trình đào tạo năm 2022; Biên bản họp rà soát giáo trình đào tạo ngày 10/04/2022	
232			4.10.02		Quyết định thành lập các Tiểu ban biên soạn/lựa chọn giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng 2018, 2019	
233			4.10.03		Bộ hồ sơ biên soạn, lựa chọn, chỉnh sửa giáo trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin (UDPM) năm 2018, 2019	
234			4.10.04		Quyết định số 159/QĐ-CĐKT ngày 17/05/2018 về việc thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo năm 2018; Quyết định số 237/QĐ-CĐKT ngày 28/05/2018 về việc thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo năm 2019	
235			4.10.05		Phiếu đánh giá chất lượng giáo trình đào tạo theo các tiêu chí năm 2018, 2019	
236			4.10.06		Phiếu thẩm định giáo trình các năm 2018, 2019	
237			4.10.07		Biên bản họp thẩm định giáo trình các năm 2018,2019	
238			4.10.08		Tờ trình về việc ban hành giáo trình đào tạo các năm 2018, 2019; Tờ trình về việc phê duyệt giáo trình đào tạo được lựa chọn 2018, 2019	
239					4.9.01	Quyết định số 499/QĐ-CĐKT ngày 24/07/2018 về việc ban hành giáo trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp năm 2018

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	MC sử dụng chung	Tên minh chứng
240				4.9.02	Quyết định số 272/QĐ-CĐKT ngày 24/07/2019 về việc phê duyệt và ban hành giáo trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp năm 2019
241				4.9.03	Quyết định số 449b/QĐ-CĐKT ngày 24/07/2018 về việc lựa chọn giáo trình làm tài liệu giảng dạy cho các nghề đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp năm 2018
242				4.9.04	Quyết định số 272b/QĐ-CĐKT ngày 24/07/2019 về việc lựa chọn giáo trình làm tài liệu giảng dạy cho các nghề đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp năm 2019 và áp dụng 12 giáo trình môn học chung do Tổng cục GDNN ban hành
243	4	11		4.10.05	Phiếu đánh giá chất lượng giáo trình đào tạo theo các tiêu chí năm 2018, 2019
244				4.10.06	Phiếu thẩm định giáo trình các năm 2018, 2019
245				4.10.07	Biên bản họp thẩm định giáo trình các năm 2018,2019
246				4.10.08	Tờ trình về việc ban hành giáo trình đào tạo các năm 2018, 2019; Tờ trình về việc phê duyệt giáo trình đào tạo được lựa chọn 2018, 2019
247	4	12		4.10.05	Phiếu đánh giá chất lượng giáo trình đào tạo theo các tiêu chí năm 2018, 2019
248				4.10.06	Phiếu thẩm định giáo trình các năm 2018, 2019
249				4.10.07	Biên bản họp thẩm định giáo trình các năm 2018,2019
250				4.10.08	Tờ trình về việc ban hành giáo trình đào tạo các năm 2018, 2019; Tờ trình về việc phê duyệt giáo trình đào tạo được lựa chọn 2018, 2019
251				4.9.01	Quyết định số 499/QĐ-CĐKT ngày 24/07/2018 về việc ban hành giáo trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp năm 2018
252				4.9.02	Quyết định số 272/QĐ-CĐKT ngày 24/07/2019 về việc phê duyệt và ban hành giáo trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp năm 2019
253				4.9.03	Quyết định số 449b/QĐ-CĐKT ngày 24/07/2018 về việc lựa chọn giáo trình làm tài liệu giảng dạy cho các nghề đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp năm 2018

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	MC sử dụng chung	Tên minh chứng
254				4.9.04	Quyết định số 272b/QĐ-CDKT ngày 24/07/2019 về việc lựa chọn giáo trình làm tài liệu giảng dạy cho các nghề đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp năm 2019 và áp dụng 12 giáo trình môn học chung do Tổng cục GDNN ban hành
255	5	1		2.1.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN các năm 2018, 2019, 2020, 2021
256			5.1.01	Giấy chứng quyền sử dụng đất	
257			5.1.02	Quy hoạch tổng thể mặt bằng các khối công trình của Trường	
258			5.1.03	Hồ sơ xây dựng các khối công trình	
259			5.1.04	Hồ sơ hoàn công các khối công trình	
260			5.1.05	Quyết định giao quản lý các xưởng thực hành	
261			5.1.06	Bảng thống kê diện tích phòng học, phòng học thực hành	
262			5.1.07	Báo cáo đánh giá về mức độ đáp ứng của số lượng phòng học, xưởng thực hành cho nghề năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022	
263			5.1.08	Bản vẽ thiết kế, hoàn công trạm biến áp cơ sở 2	
264			5.1.09	Bản vẽ mặt bằng cấp điện, nước	
265			5.1.10	Hợp đồng mua bán điện nước	
266			5.1.11	Hóa đơn thanh toán tiền điện, nước	
267			5.1.12	Bảng thống kê số liệu về diện tích khu đất toàn trường, diện tích các công trình xây dựng của Trường	
268	5.1.13	Bộ hồ sơ khảo sát cán bộ quản lý, nhà giáo dạy nghề Công nghệ thông tin (UĐPM) các năm 2020, 2021, 2022 (gồm: Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, danh sách cán bộ quản lý, nhà giáo tham gia khảo sát, báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát)			
269	5	2	5.2.01	Biên bản kiểm kê tài sản năm 2019, 2020, 2021 của nghề Công nghệ thông tin (UĐPM)	
270			5.2.02	Nhật ký sử dụng thiết bị năm 2020, 2021, 2022 của nghề Công nghệ thông tin (UĐPM)	
271			5.2.03	Bảng so sánh thiết bị đào tạo hiện có với danh mục tối thiểu năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022 của nghề Công nghệ thông tin (UĐPM)	

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	MC sử dụng chung	Tên minh chứng
272			5.2.04		Danh mục thiết bị Khoa Công nghệ Thông tin
273			5.2.05		Biên bản kiểm tra thiết bị đào tạo của nhà trường năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022 của nghề Công nghệ thông tin (UDPM)
274				5.2.01	Biên bản kiểm kê tài sản năm 2019, 2020, 2021 của nghề Công nghệ thông tin (UDPM)
275			5.3.01		Báo cáo theo dõi tài sản cố định năm 2019, 2020, 2021 của nghề Công nghệ thông tin (UDPM)
276	5	2		5.2.03	Bảng so sánh thiết bị đào tạo hiện có với danh mục tối thiểu năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022 của nghề Công nghệ thông tin (UDPM)
277				5.2.04	Danh mục thiết bị Khoa Công nghệ Thông tin
278				5.2.05	Biên bản kiểm tra thiết bị đào tạo của nhà trường năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022 của nghề Công nghệ thông tin (UDPM)
279			5.4.01		Các bản vẽ sơ đồ bố trí thiết bị xưởng thực hành
280				5.2.02	Nhật ký sử dụng thiết bị năm 2020, 2021, 2022 của nghề Công nghệ thông tin (UDPM)
281	5	4	5.4.03		Quy trình quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo
282			5.4.04		Kế hoạch kiểm tra thiết bị năm 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022
283			5.5.01		Quyết định ban hành quy định của Trường về định mức tiêu hao vật tư/định mức kinh tế kỹ thuật trong đào tạo
284			5.5.02		Quy trình về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo
285			5.5.03		Các đề xuất, dự trù vật tư đào tạo năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022
286	5	5	5.5.04		Các biên bản nghiệm thu, bàn giao vật tư đào tạo năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022
287			5.5.05		Sổ sách theo dõi quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư phục vụ đào tạo năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022
288			5.5.06		Báo cáo tình hình cấp phát vật tư đảm bảo đầy đủ năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	MC sử dụng chung	Tên minh chứng	
289			5.5.07		Ảnh chụp vật tư được để ở Xưởng thực hành	
290				5.1.13	Bộ hồ sơ khảo sát cán bộ quản lý, nhà giáo dạy nghề Công nghệ thông tin (ƯDPM) các năm 2020, 2021, 2022 (gồm: Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, danh sách cán bộ quản lý, nhà giáo tham gia khảo sát, báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát)	
291			5.6.01		Danh mục các MĐ/MH của chương trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin (ƯDPM) trình độ Cao đẳng	
292	5	6	5.6.02		Danh mục các MĐ/MH của giáo trình đào tạo nghề Công nghệ thông tin (ƯDPM) trình độ Cao đẳng	
293				2.1.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN các năm 2018, 2019, 2020, 2021	
294				1.1.01	Quyết định số 88/CĐKT ngày 18/5/2017 về việc ban hành CTĐT năm 2017; Quyết định số 402/QĐ-CĐKT ngày 24/5/2019 về việc ban hành CTĐT năm 2019; Quyết định số 188/QĐ- CĐKT ngày 25/05/2022 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2022	
295				4.9.02	Quyết định số 272/QĐ-CĐKT ngày 24/07/2019 về việc phê duyệt và ban hành giáo trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp năm 2019	
296				4.9.04	Quyết định số 272b/QĐ-CĐKT ngày 24/07/2019 về việc lựa chọn giáo trình làm tài liệu giảng dạy cho các nghề đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp năm 2019 và áp dụng 12 giáo trình môn học chung do Tổng cục GDNN ban hành	
297				5.6.03		Danh mục giáo trình biên soạn, lựa chọn
298				5.6.04		Danh mục sách, tài liệu tham khảo
299				5.6.05		Bảng thống kê số lượng HSSV các năm 2020, 2021, 2022
300				5.6.06		Hồ sơ thiết kế cơ sở nhà thư viện
301				5.6.07		Hướng dẫn sử dụng thư viện số của trường
302				5.6.08		Thư viện điện tử số: https://tailieu.hiec.edu.vn/doc
303				5.6.09		Biên bản bàn giao máy tính cho thư viện

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	MC sử dụng chung	Tên minh chứng
304			5.6.10		Danh mục thống kê các trang thiết bị thư viện
305			5.6.11		Hợp đồng cung cấp đường truyền Internet cáp quang FTTH và biên bản bàn giao, nghiệm thu
306			5.6.12		Hợp đồng mua phần mềm thư viện
307			5.6.13		Danh mục tài liệu điện tử
308			5.6.14		Danh mục giáo trình của trường được số hóa
309			5.6.15		Danh mục tài liệu tham khảo của trường được số hóa
310			5.6.16		Hướng dẫn tra cứu phần mềm thư viện điện tử
311			5.6.17		Phiếu xin ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý và nhà giáo năm 2020, 2021, 2022
312			5.6.18		Phiếu xin ý kiến đánh giá của người học năm 2020, 2021, 2022
313			5.6.19		Báo cáo kết quả hoạt động thư viện năm 2019, 2020, 2021
314	5	7		5.6.10	Danh mục thống kê các trang thiết bị thư viện
315				5.6.11	Hợp đồng cung cấp đường truyền Internet cáp quang FTTH và biên bản bàn giao, nghiệm thu
316				5.7.01	Phần mềm quản lý và tra cứu tài liệu
317				5.6.19	Báo cáo kết quả hoạt động thư viện năm 2019, 2020, 2021
318				5.7.02	Sơ đồ bố trí tài liệu trong kho sách
319				5.7.03	Nội quy thư viện
320				5.7.04	Danh mục tra cứu chuyên ngành, website tham khảo
321				5.7.05	Bộ hồ sơ khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý và người học các năm 2020, 2021, 2022 (gồm: Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý tham gia khảo sát, báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát)
322	5	8	5.8.01		Danh sách các phần mềm mô phỏng
323			5.8.02		Hình ảnh Phòng học có thiết bị mô phỏng
324				2.2.03	

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	MC sử dụng chung	Tên minh chứng
325				2.2.06	Thời khóa biểu năm học 2019–2020; 2020–2021, 2021-2022
326				2.2.09	Giáo án giảng dạy của giáo viên năm học 2019–2020; 2020–2021, 2021-2022
327				2.2.10	Sổ lên lớp năm học 2019–2020; 2020–2021, 2021-2022
328			5.8.03		Biên bản bàn giao/nghiệm thu mua sắm trang thiết bị
329				1.1.07	Các tờ rơi tuyển sinh của Trường năm 2020, 2021, 2022
330				1.1.09	Kế hoạch tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân” cho HSSV năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022
331			6.1.01		Chương trình tuần sinh hoạt công dân cho HSSV Nhà trường năm 2021
332				2.2.01	Quy chế đào tạo năm 2019, 2022
333				1.1.01	Quyết định số 88/CĐKT ngày 18/5/2017 về việc ban hành CTĐT năm 2017; Quyết định số 402/QĐ-CĐKT ngày 24/5/2019 về việc ban hành CTĐT năm 2019; Quyết định số 188/QĐ- CĐKT ngày 25/05/2022 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2022
334	6	1		2.5.05	Quyết định số 177/QĐ-CĐKT ngày 31/5/2021 của Hiệu trưởng về việc phê duyệt về việc ban hành Quy chế công tác HSSV của Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội
335			6.1.02		Quyết định số 04/QĐ-CĐKT ngày 04/01/2018 của Hiệu trưởng trường CĐKTCNHN về việc ban hành Quy trình thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Quy chế giảng dạy
336			6.1.03		Các công văn hướng dẫn thủ tục, hồ sơ xin miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập năm 2020, 2021, 2022;
337			6.1.04		Quy định xét, cấp học bổng khuyến khích học tập kèm theo Quyết định số 09/QĐ-CĐKT ngày 10/01/2018; Quyết định số 615/QĐ-CĐKT ngày 24/11/2017 ban hành quy định về khen thưởng học sinh, sinh viên năm học và toàn khóa học
338	6	2		6.1.04	Các công văn hướng dẫn thủ tục, hồ sơ xin miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập năm 2020, 2021, 2022;

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	MC sử dụng chung	Tên minh chứng
339			6.2.01		Các quyết định về việc miễn giảm học phí cho HSSV các năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022
340				2.5.05	Quyết định số 177/QĐ-CĐKT ngày 31/5/2021 của Hiệu trưởng về việc phê duyệt về việc ban hành Quy chế công tác HSSV của Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội
341				6.1.05	Quy định xét, cấp học bổng khuyến khích học tập kèm theo Quyết định số 09/QĐ-CĐKT ngày 10/01/2018; Quyết định số 615/QĐ-CĐKT ngày 24/11/2017 ban hành quy định về khen thưởng học sinh, sinh viên năm học và toàn khóa học
342				6.1.04	Quy định xét, cấp học bổng khuyến khích học tập kèm theo Quyết định số 09/QĐ-CĐKT ngày 10/01/2018; Quyết định số 615/QĐ-CĐKT ngày 24/11/2017 ban hành quy định về khen thưởng học sinh, sinh viên năm học và toàn khóa học
343				1.3.02	Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020, 2021, 2022
344			6.2.02		Các quyết định khen thưởng HSSV đạt thành tích cao trong học tập và rèn luyện năm 2019, 2020, 2021
345			6.2.03		Các quyết định cấp học bổng khuyến khích học tập cho HSSV các năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022
346			6.2.04		Các Quyết định phân công nhà giáo làm công tác chủ nhiệm năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022
347				2.6.02	Quyết định số 605/QĐ-CĐKT ngày 01/9/2018 của Hiệu trưởng trường CĐKTCNHN về việc quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Phòng Công tác HSSV và Thanh tra; Quyết định số 280/QĐ-CĐKT ngày 16/8/2021 ban hành Quy định chức năng nhiệm vụ của Phòng Công tác HSSV
348			6.2.05		Báo cáo tổng kết công tác HSSV năm học 2019- 2020, 2021- 2020, 2021-2022
349	6	3	6.3.01		Kế hoạch tổ chức các hoạt động tư vấn nghề nghiệp cho sinh viên các năm học 2019-2020; 2020-2021, 2021-2022

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	MC sử dụng chung	Tên minh chứng
350			6.3.02		Kế hoạch tổ chức Lễ bế giảng và Ngày hội việc làm cho HSSV năm học 2018-2019; 2019-2020; 2020-2021
351			6.3.03		Các thông tin tuyển dụng lao động từ các doanh nghiệp gửi cho trường năm 2020, 2021, 2022
352			6.3.04		Ảnh chụp giao diện website của trường có đăng thông tin tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp
353			6.3.05		Báo cáo kết quả tổ chức tư vấn và ngày hội việc làm cho SV các năm học 2019-2020; 2020-2021, 2021-2022
354			6.3.06		Hình ảnh hoạt động tư vấn việc làm của nhà trường, doanh nghiệp năm học 2019-2020; 2020-2021, 2021-2022
355			6.3.07		Danh sách các doanh nghiệp đăng ký tham gia Ngày hội việc làm năm học 2019-2020; 2020-2021; 2021-2022
356				5.1.02	Quy hoạch tổng thể mặt bằng các khối công trình của Trường
357				5.1.03	Hồ sơ xây dựng các khối công trình
358				5.1.04	Hồ sơ hoàn công các khối công trình
359			6.4.01		Hình ảnh các khu hoạt động VHVN-TDĐT
360			6.4.02		Các kế hoạch tổ chức VHVN-TDĐT năm 2020, 2021, 2022
361	6	4	6.4.03		Những hình ảnh HSSV nhà trường tham gia các hoạt động VHVN-TDĐT, hoạt động xã hội năm 2020, 2021, 2022
362			6.4.04		Kế hoạch hoạt động Đoàn thanh niên năm 2020, 2021, 2022
363			6.4.05		Báo cáo tổng kết của BCH Đoàn thanh niên năm 2019, 2020, 2021
364			6.4.06		Báo cáo của phòng công tác HSSV năm 2019, 2020, 2021
365			6.4.07		Các quyết định khen thưởng, bằng khen, giấy khen của cấp trên của Đoàn thanh niên năm 2019, 2020, 2021

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	MC sử dụng chung	Tên minh chứng
366	7	1	7.1.01		Bộ hồ sơ khảo sát doanh nghiệp các năm 2020, 2021, 2022 (gồm: Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, danh sách doanh nghiệp tham gia khảo sát, báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát)
367			7.2.01		Quyết định công nhận tốt nghiệp năm 2019, 2020, 2021
368	7	2	7.2.02		Bộ khảo sát cựu HSSV các năm 2020, 2021, 2022 (gồm: Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, danh sách cựu HSSV tham gia khảo sát, báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát)
369	7	3	7.3.01		Bộ hồ sơ khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý các năm 2020, 2021, 2022 (gồm: Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, danh sách nhà giáo cán bộ quản lý tham gia khảo sát, báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát)
370	7	4	7.4.01		Bộ hồ sơ khảo sát HSSV các năm 2020, 2021, 2022 (gồm: Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, danh sách HSSV tham gia khảo sát, báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát)
371			7.5.01		Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2020, 2021, 2022
372			7.5.02		Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2020, 2021, 2022
373	7	5	7.5.03		Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2020, 2021, 2022
374			7.5.04		Thông báo xin ý kiến các đơn vị về dự thảo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo 2020, 2021, 2022
375			7.5.05		Biên bản họp công bố kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2020, 2021, 2022
376				7.5.03	Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2020, 2021, 2022
377	7	6	7.6.02		Kế hoạch cải thiện và nâng cao chất lượng đào tạo năm 2020, 2021, 2022
378			7.6.03		Báo cáo kết quả thực hiện cải thiện và nâng cao chất lượng đào tạo năm 2020, 2021, 2022
379				7.2.01	Quyết định công nhận tốt nghiệp năm 2019, 2020, 2021
380	7	7		7.2.02	Bộ khảo sát cựu HSSV các năm 2020, 2021, 2022 (gồm: Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, danh sách cựu HSSV tham gia khảo sát, báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát)
381	7	8		7.2.01	Quyết định công nhận tốt nghiệp năm 2019, 2020, 2021

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	MC sử dụng chung	Tên minh chứng
382				7.1.01	Bộ hồ sơ khảo sát doanh nghiệp các năm 2020, 2021, 2022 (gồm: Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, danh sách doanh nghiệp tham gia khảo sát, báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát)